

Thích Như Điển

GIỌT MƯA

ĐẦU HẠ

1979

CÙNG MỘT TÁC GIẢ:

SÁCH DỊCH:

TRUYỆN CỔ VIỆT NAM TẬP 1 (Nhật ngữ) 1974

TRUYỆN CỔ VIỆT NAM TẬP 2 (Nhật ngữ) 1975

Đang xuất bản:

Tiểu thuyết: GIỌT MƯA ĐÀU HẠ 1979

: NGỖ NGÀNG 1979

Thơ : QUÊ HƯƠNG (Nhiều tác giả) 1979

Sắp xuất bản:

THIÊN (VIỆT và ĐỨC ngữ) 1980

LỜI GIỚI THIỆU

Trong sách quốc văn giáo khoa thư ngày trước đã kể mẩu chuyện như sau: Có một người đi du lịch nhiều nơi. Khi trở về nhà, kể quen người lạ, hàng xóm láng giềng đến thăm, hỏi rằng:

- Ông đi du lịch nhiều nơi, vậy nơi nào theo ông đẹp hơn cả?

Người kia không ngần ngại đáp ngay:

- Chỉ có quê hương tôi là đẹp hơn cả!

Mọi người không khỏi ngạc nhiên, nhưng càng ngạc nhiên mà càng suy gẫm thì mới thấy có lý.

Ai đã du lịch nhiều nơi, ai đã sống lang thang phiêu bạt ở nước ngoài mới có dịp cảm thấy thấm thía "quê hương tôi là đẹp hơn cả", đẹp từ cọng rau, tác đất, đẹp với những kỷ niệm vui buồn, đẹp cho tình người chưa trọn, đẹp vì nghĩa đạo phải hy sinh...

- Tác giả tập truyện ngắn là một tu sĩ muốn ghi một vài nét đẹp đó như giữ lại những nét đẹp của quê hương mình trong những ngày còn phiêu bạt.

Dĩ nhiên nét đẹp tùy thuộc vào lối nhìn của từng người ở mỗi vị trí khác nhau nên có ra muôn màu muôn vẻ.

Và trước khi cho ra mắt tập truyện này tác giả có nhã ý cho tôi đề vài giòng giới thiệu. Sau khi đọc xong,

tôi xin mạo muội ghi vộ lại cảm tưởng trên đây và xin kính mời quý độc giả đi vào từng câu chuyện để có một lối nhìn chính xác hơn.

Bagneux 25.3.79

Thích Minh Tâm

Ngày xưa

Vào lúc 5 giờ sáng đồng hồ báo thức vang lên, Dũng chồm ngồi thẳng dậy, đặt chân xuống đất, quay mặt về dãy nhà phía Tây của chùa. Dũng định làm vệ sinh cá nhân xong sẽ tụng công phu khuya.

Mới bước ra khỏi dãy nhà phía Đông, Dũng đã bị kêu vọng lại bởi những tiếng của ai xôn xao ngoài cổng tam quan. Trong trí Dũng cứ nghĩ giờ này đâu có ai có quyền đi lại ngoài đường vì còn lệnh giới nghiêm, làm sao lại có chuyện ấy được, hay là có mấy người chạy nạn. Dũng tiến dần ra tam qua trong cử chỉ rụt rè. Đầu tiên Dũng thấy có những toán người lạ mặt mặc đồ lính có đeo khí giới bảo Dũng phải mở cửa. Dũng nhìn kỹ họ và hỏi "Quý ông muốn vào chùa lúc này để làm gì?"

- Ông hãy mở cửa mau lên - người lính thị uy Dũng vậy.

Dũng hỏi lại: Các ông cần gì?

Một người lính khác đứng bên cạnh người kia trả lời:

- Tôi muốn gặp ông Thích Long Vân, ông ấy có ở nhà không? nếu ông không mở cửa chúng tôi sẽ leo rào vào.

Nhưng quý ông cho tôi vào thưa với Thầy đã. Dững trả lời thế.

Cũng như thường lệ Thầy Trụ trì hay dậy trễ hơn Dững, nên khi Dững vào đánh thức Thầy dậy Thầy cũng chưa biết là chuyện gì đã xảy ra trước cổng tam quan chùa. Dững nói nhỏ vào tai Thầy.

Có lệnh định soát chùa và họ muốn gặp Thầy.

Dững chạy ra khỏi phòng và định ra mở cửa. Dững chưa làm được việc ấy mà lính đã đầy áp cả sân chùa. Họ tiến vào ngõ trước tam quan, ngã sau chánh điện, nhìn đâu cũng thấy lính, không khí thật khó thở.

Thầy Dững mặc vội chiếc áo tràng màu đà vào, đến gặp người chỉ huy, người ấy bảo là có lệnh cấp trên xin được soát chùa. Thầy Dững vẫn lặng thinh, hình như lúc này người chưa trả lời gì cả. Cứ thế họ lần lượt chun vô chỗ này rúc vào chỗ nọ như mèo tìm chuột. Những người lồi xóm họ cũng chả dám tới gần vì họ cũng sợ bị liên lụy. Nếu thông thường thì họ đã đổ xô vào đông hơn, nhưng hôm nay chả thấy bóng dáng người nào.

Sau một tiếng đồng hồ lục soát họ mang ra khoảng 12 người Phật Tử. Những người này đã tham gia phong trào chống Thiệu-Kỳ đem quân đánh phá miền Trung năm 1966. Màn lưới công an của Thiệu càng ngày càng nguy hiểm nên những người Phật Tử này họ vào chùa để được sự che chở. Hay nói đúng hơn dầu có bị bắt đi nữa cũng

còn có chứng cứ, thay vì ở ngoài nếu bị bắt dễ bị phi tang hoặc thủ tiêu, hoặc mất tích...

Họ đã đến thế cùng nên hôm nay họ đã bị bắt. Họ là những người dám nói lên tiếng nói chân thật và nguyện vọng của những kẻ bị áp lực. Họ là những người hy sinh cho đạo pháp để bảo vệ dân tộc. Thật ra họ chả có tội gì cả. Họ không là bọn người bị Cộng Sản xúi giục như chính quyền Thiệu lúc bấy giờ tuyên truyền. Họ cũng chẳng phải là CIA của Mỹ như Cộng Sản Việt thường gán ép cho họ. Nhưng đầu là gì đi nữa, họ chẳng phải là tội nhân của lịch sử. Họ là những người cao thượng, biết hy sinh đời sống cá nhân vị kỷ của mình tranh đấu cho tha nhân một cuộc sống tự do, an lành hơn. Ở miền Trung lúc bấy giờ không những chỉ có chừng này người mà còn có vô số người đã đương âm thầm hy sinh đời sống cá nhân của họ, nên họ đã bị bắt vào dịp này. Miền Trung được tiếng là sùng đạo và có lòng tin khá mãnh liệt. Do đó những cuộc tranh đấu bất bạo động của Phật Giáo cũng thường phát khởi từ đây, cũng như công cuộc tranh đấu năm 1963 phát xuất từ đây rồi lan tràn sang cả nước. Có lẽ cũng vì hoàn cảnh thiên nhiên cũng như tình hình địa lý quá hiểm nghèo và cần cỗi, nên đã tạo cho họ được một thể đứng khá vững vàng - trong đời sống tinh thần để phấn đấu với thiên nhiên tạo vật. Nên dù có gian khổ đến đâu họ cũng cứ hy sinh và chịu đựng...

Những người lính về mặt trông thật hung dữ. Họ bắt những người Phật Tử này ngồi sắp hàng rồi chộp hình, họ công tay những người này lại và cho lên xe nhà binh. Riêng Thầy của Dũng họ đã cho đi xe nào và đi lúc nào Dũng cũng không hay biết gì cả. Họ cố lừa Dũng lên xe luôn. Những người lính này cho Dũng và những người

Phật Tử kia xuống tiểu khu Quảng Nam. Nơi đó Dũng cũng đã gặp được những Phật Tử, những bạn đồng tu ở chùa Tỉnh Hội cùng những Phật Tử làm công quả tại đó.

- Thôi rồi Pháp nạn nữa rồi chú ơn. Chị Kim nhìn Dũng và nói thế.

- Ủ, chữ tù liền với chữ tu một vần mà chị. Chú Hạnh vẫn còn bốn cột trả lời chị Kim như thế.

Ban đầu họ định nhốt những người tu như Dũng và những Phật Tử riêng biệt, nhưng bọn Dũng đã tranh đấu và làm áp lực với viên công an chính trị nơi đó, nên hẳn ta đã nhượng bộ để nhốt chung. Hẳn ta đưa ra những điều kiện là nhốt riêng quý Thầy, quý chú tiện hơn về việc ăn uống, sức khỏe... nhưng bọn Dũng đã bảo sống chết có nhau, nên đã theo chân những Phật Tử để ít nhất nếu có điều gì mệnh hệ còn liên lạc được với nhau, nhưng thật ra phía bên chính quyền họ muốn giam giữ riêng là họ có ý đồ khác chứ không phải đơn giản có chuyện ăn uống.

Trời mỗi lúc càng thêm nóng bức, khó chịu. Số người bị bắt khắp nơi trong tỉnh đưa về khá đông. Viên cảnh sát dẫn bọn Dũng đi quanh qua một trại nhà lợp tôn, trông có vẻ man dại. Sau đó y đưa bọn Dũng đi quanh qua phòng thẩm vấn đến địa điểm định nhốt bọn Dũng.

Đảo mắt nhìn quanh một vòng, Dũng thấy chung quanh là giây kẽm gai chằng chịt, bốn bức tường cao ngất như thấu tận trời xanh. Bên trong số can phạm cũng đông, lúc đầu Dũng cũng chưa muốn tìm hiểu cũng như chưa muốn biết họ vì sao phải vào đây, hay đã bị bắt vì lý do gì. Trong óc Dũng lúc ấy vẫn nghĩ rằng: Dĩ nhiên họ là những người đã có tội nên họ mới bị bắt, dầu đó là tội gì

đi chẳng nữa. Nhìn những cặp mắt của họ ở trong nhà giam bọn Dũng cũng đã đoán được ít nhiều những nỗi khổ tâm của họ. Bọn Dũng vẫn đứng yên trước "bức màn sắt" chờ lệnh. Sau đó viên cảnh sát ghi tên bọn Dũng vào sổ của y và cho từng người vào phòng. Gian phòng chật nít đã đầy ắp cả người. Hình như bên trong nếu Dũng đoán không lầm cũng đã lên đến 80 hoặc 90 người.

Cảm tưởng đầu tiên đập vào mắt Dũng nơi đây là dơ bẩn, mùi nước tiểu xông lên làm ngợp cả người. Những nét mặt lạnh lùng từ bên trong nhìn ra khiến cho Dũng hình dung một cái gì đó rùng rợn khó diễn tả lúc bấy giờ. Lúc này đã 12 giờ trưa, suốt cả buổi sáng chưa có một hột cơm lót dạ, bây giờ trông vẻ mặt của ai nấy đều thảm thương vô cùng, nhất là vẻ mặt của chị Kim. Số phận của chị cũng như bọn Dũng lúc bấy giờ đều giống nhau nhưng chị còn lo cho bọn Dũng nhiều hơn nữa, nên trông chị có vẻ bơ phờ hẳn ra. Nhìn chị Dũng có cảm tưởng như mình cũng đang ở trong sự lo âu ấy. Sau một hồi lâu chờ đợi bọn Dũng được lãnh cơm và thức ăn. Thức ăn trong tù sao mà ngon lắm thế, mặc dầu chả có gì ngoài hai quả dưa muối. Bữa cơm đầu tiên trong đời Dũng ở trong tù sao mà đậm ấm thế, có mặt cả những người bạn đồng tu và đồng đạo. Ngày đầu trong tù, bọn Dũng chẳng chú ý gì ngoài những lời thăm hỏi nhau, hay nói nhỏ cho nhau nghe về những Thầy này bị bắt, Thầy kia đã bị đưa đi bằng trực thăng hồi sáng nay v.v. Cứ thế và bọn Dũng cứ chuyện tai mãi cho nhau nghe. Không khí lúc này cũng chưa có gì là nặng nề cả. Tối hôm đó bọn Dũng trải bao tời nằm gần nhau trên nền đất ngập đầy nước tiểu và đem thân cho muỗi chích. Con muỗi trong tù sao mà to lắm thế, Dũng tự

hỏi như vậy. Có lẽ vì quá dơ bẩn và do số người đông đảo gây nên cũng là một lý do chính.

Đêm đầu tiên trong tù thật cực nhọc, nhưng rất vui vẻ. Chú Hạnh cứ nằm ngửa mắt lên trời không chịu ngủ cứ nhắc đi nhắc lại nhiều lần câu:

"Chữ tù liền với chữ tu một vần" mà lì.

Không biết câu thơ này ai đặt và đặt ra từ lúc nào Dũng cũng không rõ, nhưng sao ứng dụng vào trong hoàn cảnh này thấy nó hợp tình hợp lý ghê. Lại thêm tiếng "mà lì" cũng là một danh từ thời đại. Không biết trong quyển tự điển Việt Nam của ông Đào Duy Anh có giải thích chữ này không, nhưng sao nó ảnh hưởng mạnh với lớp người trẻ trong lúc này nhiều đến thế. Nhớ thuở nào Dũng còn theo học cấp bậc Trung học, vào thời đó hai chữ này Dũng cứ được nghe hoài, nghe riết ra quen tai đi chứ lúc ban đầu nghe nó khó chịu làm sao. Những đứa bạn nhỏ cùng thời ngồi gần Dũng lúc đó thường hay chọc và nói ba hoa luôn mồm, nào là "đòi mà lì", "học mà lì".... Cứ thế tụi bạn càng ngày cứ càng diễn đạt thêm và lan rộng ra dần. Bây giờ tới phiên mấy "ông Thầy chùa" đầu còn để chóp cũng đang tập tễnh nói những câu ấy. Trông mà buồn cười, nhưng không thiếu vẻ dễ thương tùy theo người nói và cách diễn đạt nó. Chú Hạnh nói như thế và ngủ luôn đi hỏi nào chả ai hay biết gì cả ngay cả Dũng nữa. Dũng nằm bên Hoa - cậu học trò to lớn, trông có vẻ Judo quá chừng, mới nằm xuống đã ngáy khò, Dũng cố nén giấc ngủ bao nhiêu cũng chả được, phần thì muỗi đua nhau chích, nhất là những chỗ hở trên thân thể, như mặt mũi, chân tay chẳng hạn. Tắm chần đêm nay để đắp bọn Dũng là một mảnh khăn lau mặt, chả thấm đủ vào đâu.

Đêm càng xuống, cái lạnh sao mà tê buốt thế! trông như ai cũng đã đi vào mộng ảo, nhưng đã được cái may là nhờ những hơi thở chuyễn nhau trong khi nằm sắp hàng nên đã đỡ lạnh phần nào, mặc dầu bên trên không một bức màn che ngoài bầu trời xanh thăm thẳm. Người ta thường bảo: "thức đêm mới biết đêm dài", mà thật thế, đêm dài vô tận với những người không tìm được một giấc ngủ êm đềm, họ càng trông cho mau sáng chừng nào thì trời lại càng tối bấy nhiêu thôi. Nhưng dầu thế nào đi chăng nữa, đêm dài cũng phải qua và thêm vào đó một ngày lo âu thứ hai đã bắt đầu đến.

Họ nhìn nhau nhưng chẳng nói tiếng nào, không khí buổi sáng sao tê nhạt quá. Dũng vẫn còn nhí nhảnh ghé mắt chỗ này chỗ kia để xem thử những người mới và cũ để tìm cách gọi chuyện với họ. Dũng đảo mắt một vòng, nhìn những người bên phòng kế nơi Dũng ở thấy có một người thanh niên đang ngồi nói bô bô, chung quanh anh ta có lắm người ngồi há hốc mồm nghe một cách thú vị. Dũng cũng tò mò tìm đến nơi đông người ấy. Anh ta đã nói những gì Dũng cũng không biết và cũng chẳng nghe rõ trước khi đến phòng đó, nhưng trông những người ngồi bên, họ có vẻ thích cách nói chuyện của anh ta lắm. Dũng yên lặng vào ngồi và như để cho mọi người đừng chú ý đến sự hiện diện của mình, Dũng chỉ lắng tai nghe và không hỏi câu nào cả. Dũng nghe và thảm thán phục về chuyện ở tù cũng như những chuyện vượt ngục của anh ta, Dũng nhìn kỹ thấy trên hai vai anh có xăm hai câu thơ đối như thế này:

"Núi bốn bề là nhà của lũ thứ

Chôn lao tù là quán trọ của đời tôi".

Mới đọc qua Dũng cũng đoán được lý lịch của anh này rồi. Nhưng Dũng tự hỏi, làm gì lại có chuyện như hoang đường vậy. Trông anh có vẻ mập mập, khỏe mạnh hơn những người ngồi gần anh, bộ ngực thể thao được phơi ra dưới mắt mọi người trông anh ta càng hùng dũng hơn bất cứ lúc nào hết.

Trưa hôm đó bọn Dũng nhận phần cơm và thức ăn, ăn một cách ngon lành như buổi chiều hôm trước. Sau giờ ngủ trưa bọn Dũng được kêu tên điểm danh và được gọi lên phòng thẩm vấn để khai cung. Hai chữ "khai cung" không cũng chả giải nghĩa được sự tìm hiểu của Dũng gì cả. Nhưng nghe mọi người nhắc đi nhắc lại nhiều lần, mình cứ hiểu như vậy là an tâm rồi. Đến phiên Dũng, họ cũng bảo làm bản cung này và ký tên phía dưới. Mới nhìn bản cung Dũng hoa cả mắt, không biết là mình phải ghi vào những gì ở đây. Thật ra họ chưa xét bọn Dũng vào thành phần nào cả. Bọn Dũng cũng chả phải là tù chính trị, cũng chả phải là tù trộm cướp, lại cũng chả phải là tù khổ sai, nhưng tại sao họ lại đưa cho bọn Dũng phải điền những điều vô lý như thế này. Dũng cũng chả hiểu nổi, đã đành đầu đề của những bản án nào đi nữa cũng có ghi lý lịch cũng như sự liên lạc cá nhân cũng như những đoàn thể... nhưng nội dung bản cung hoàn toàn trái hẳn với điều Dũng muốn trả lời với họ. Trong những khoản chính của nội dung bản cung có ghi những điều như sau: Bắc Việt đã đưa những loại vũ khí nào và những loại thuốc độc nào vào miền Nam? Anh hay chị có tham gia những hoạt động bí mật của Cộng Sản Bắc Việt không? nếu có, tham gia từ lúc nào? trước hoặc sau 1945? Sự liên lạc giữa anh chị với chính quyền Cộng Sản Bắc Việt ra sao? v.v. Đại khái là những câu hỏi như thế. Đầu óc Dũng lúc

đó đã choáng váng lại càng khó chịu thêm, vì không biết phải trả lời như thế nào để ký chữ cuối cùng đây. Sau hai tiếng đồng hồ của những phút giây hồi hộp Dững cũng chẳng làm gì được trong lúc ấy. Dững đảo mắt nhìn bản cung của cô Liên bên cạnh cũng giống hệt như vậy. Nhưng cô ta cũng chẳng viết được chữ nào ngoài những lý lịch cá nhân. Cô là nữ giáo sư Anh văn trường Trung học Trần Quý Cáp lúc bấy giờ và là một Phật Tử thuần thành với đạo trong các cuộc đấu tranh cho tự do tín ngưỡng của tôn giáo cũng như công cuộc vận động hòa bình của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Ấn Quang đã đề xướng suốt từ năm 1963 trở về sau này. Sau khi cô được trả tự do, cô đi vào Sài Gòn sống ở đó và tham gia phong trào "đi về xây dựng nông thôn" của trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội do Thượng Tọa Thích Nhất Hạnh chủ trương. Sau đó cô bị chết cùng với mấy người bạn khác bởi vụ nổ lựu đạn của quân khủng bố nặc danh dưới chính quyền Nguyễn Văn Thiệu lúc bấy giờ. Sau này họ loan tin đi là Cộng Sản đã đặt chất nổ tại trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội và làm cho mấy người chết...

Bản cung của cô Liên lẫn của Dững cũng như một số người khác ngồi gần đó họ cũng đều để trống. Khai xong lý lịch cá nhân Dững ký tên vào, nhưng những khoảng giữa thuộc về chính trị nên Dững đã không điền vào. Người có trách nhiệm với những kẻ bị khai cung là một viên Trung úy cảnh sát, y nhìn bọn Dững không nói một lời và cho bọn Dững trở về nơi cũ.

Hai ngày tù đã trôi qua dài thăm thẳm thật đúng với câu: "nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại". Thời gian càng chờ đợi chừng nào nó càng buông xả trong vô tận. Tối hôm nay vấn đề ăn ngủ đã được sắp đặt kỹ lưỡng hơn

hôm qua và không còn ngủ ngoài trời như trước nữa. Tưởng rằng một ngày đã yên, bọn Dững mong đợi đón nhận một ngày mới hơn nữa. Nhưng nào ngờ đâu sóng gió vẫn cứ dập dồn, mặc dầu "cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng". Sáng hôm đó bọn Dững được gọi lên phòng khai cung một lần nữa, lần này được thăm vấn kỹ hơn. Ban đầu họ cho bọn Dững ăn loại bánh "chính trị" ngọt. Viên Trung Úy vồn vã bảo nào anh em hãy khai nhanh đi để sáng mai chúng tôi can thiệp với Tỉnh Trưởng để cho về, chứ tôi không nỡ thấy quý Thầy, quý chú ngồi trong tù như vậy tôi đau lòng lắm.... Cứ thế họ chiêu dụ một hồi lâu nhưng bọn Dững cũng không biết khai gì cả. Vì không có gì để phải khai thì đúng hơn, họ bắt đầu dọa nạt.

- Các người không khai đúng sự thật 10 năm sau cũng không được ra khỏi tù.

Nhưng dầu dọa nạt hay làm ngọt với bọn Dững đi chẳng nữa, bọn Dững cũng chả có gì để khai với những người ấy hết cả.

Hôm ấy bọn Dững cũng được thả về nhưng không như lần trước, lần này ai cũng mang trong mình một nỗi lo âu, thêm vào đó một vài cảm tưởng sợ sệt không nguyên cơ và lo nghĩ vẫn vơ.

Mỗi ngày Dững nhìn mọi người thấy vẻ mặt lại đổi hẳn đi, không phải vì trong tù thiếu rau cải cũng như những loại trái cây tươi mà có lẽ vì lo âu nên gương mặt của mọi người đều hiện lên nhiều vết nhăn mà thường ngày họ không có. Dững yên lặng nhìn họ và tự ngắm thân mình ngoài ra chả biết nói gì hơn nữa. Phải chăng Dững ở trong hoàn cảnh khác Dững có thể thăm viếng, an ủi họ, nhưng trong trường hợp này Dững cũng như chim

lòng cá chậu và cũng chẳng khác nào những bạn bè kia nên cũng chẳng có cách nào khả dĩ hơn. Tình yêu thương nhân loại của các đảng giáo chủ của các tôn giáo thật là bao la diệu vợi, nhưng trong cảnh ngục tù này phải đòi hỏi ở chính mình tự thương mình hơn là kẻ khác sẽ mang tình thương đến cho mình. Dũng tự nghĩ thế nên đã chẳng tìm cầu. Tuy nhiên trong lúc ở đường cùng Dũng vẫn thường xưng danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm để lòng mình được an ổn hơn. Dũng ít khi niệm danh hiệu Ngài để mong Ngài che chở tội lỗi của mình, mà niệm Ngài để nhớ tưởng đến Ngài, có Ngài bên cạnh thì mình sáng suốt hơn, đầy đủ nghị lực hơn. Dũng tin như thế và hay thực hành như vậy. Đôi khi có những vấn đề nan giải, đi trong bóng đêm, ngủ thấy điều ác mộng, Dũng luôn niệm danh hiệu Ngài như tiếng kêu cứu thống thiết của lòng mình với đấng Từ Bi. Dũng tin nó có nhiều linh nghiệm, vì điều này nằm trọn trong đức tin và thuộc về thế giới vô hình, nên khoa học không thể giải quyết nổi. Cũng chính lòng tin đã un đúc Dũng trưởng thành trong quá khứ và hiện tại, nó không thể sờ mó được, không thể mua chuộc bằng tiền bạc, không thể tìm thấy nó bằng đôi mắt của kẻ phàm nhơn tục tử, nhưng nếu con người không có nó sẽ bị mất đi hơn nửa giá trị của cuộc đời. Nếu con người không có đức tin chẳng khác nào chiếc thuyền trôi không định hướng. Nên hôm nay Dũng tin tưởng rằng những Người đã hy sinh đời sống cá nhân mình để phụng sự cho Dân Tộc và Đạo Pháp, dầu sớm hay muộn gì những Người có cái nhìn khác ta và cao cả hơn ta sẽ thấy rõ điều đó hơn ai hết.

Những người đã hy sinh hoặc tiếp tục đang hy sinh cho đời và Đạo dầu bất cứ dưới hình thức hay danh nghĩa nào đi chăng nữa họ cũng đáng được ca ngợi và họ không

phải là những tội nhân của lịch sử, nên khỏi cần biện minh nhiều lần, vì lịch sử chỉ là một sự lặp lại, mà sự lặp lại của những cuộc tranh đấu như thế này không mất Dân Tộc Tính của nó. Nên bao giờ sự thật vẫn là sự thật.

Ngày thứ ba trong tù Dững vẫn được bình yên, nhưng đột nhiên tối hôm đó có mấy người thăm vấn xuống mở cửa nhà lao thân mình trần trụi gọi tên chú Duyên và ông Thủy lên thăm vấn. Dững, chị Kim và một số Phật Tử khác đều lo lắng cho số phận của họ. Dững thậm nghĩ nếu là ban ngày dầu có bề nào đi chẳng nữa mình vẫn dễ thở hơn vì có nhiều cặp mắt chứng kiến chứ ban đêm hôm tăm tối như thế này nếu rủi ro bị đánh đập nhọc thân thì ai biết cho, Dững miên man suy nghĩ như vậy.

Màn đêm buông xuống thật nhanh, bóng đen bủa vây căn phòng của Dững cũng thật chóng. Tất cả số người bị nhốt trong nhà lao này có thể lên đến 200 người nhưng chỉ có 3 ngọn đèn nê ôn không mờ không tỏ, hơn nữa vì căn phòng quá chận hẹp và bản thiêu nên đã che lấp ánh sáng phần nào cũng nên. Sau 2 tiếng đồng hồ nóng ruột đợi chờ Dững thấy chú Duyên lững thững bước cao bước thấp từ ngoài cổng nhà lao lui thủi đi vào mặt mày nhần nhó. Dững đến hỏi chuyện chú:

- Tại sao vậy? nó có đánh không? nó hỏi những gì?
- Tôi nhức quá! chú Duyên trả lời thế.

Chị Kim thì lo lắng ra mặt, chị ấy lấy bình dầu cù lòa trong túi mang theo được lúc vào tù ra xoa lưng cho chú Duyên.

- Tấm thân bé nhỏ như chú mà bị đánh đập như thế này thì non cao nào có biết! chị Kim nhìn Dũng và nói nhỏ như thế.

- Thế chú đã khai gì? Dũng hỏi chú Duyên.

- Thì mình có gì đâu mà khai. Chú lắm nhảm trả lời Dũng.

Dũng tò mò nhìn xuống những vết thương trên lưng chú ấy, bỗng nhiên bên ngoài cổng nhà lao hai người thanh niên lực lưỡng xuất hiện, mình không mặc đồ lót ngoài cái quần cụt ngắn, họ chăm chú nhìn vào nơi đám đông đang quay quần chung chú Duyên và họ trở tay chỉ ngay vào mặt Dũng và ra dấu hiệu đứng dậy để đi theo họ. Dũng uể oải đứng dậy bước chậm rãi về phía phòng thẩm vấn.

Mới bước vào phòng khảo cung Dũng đã thấy một người đàn bà chính trị phạm nằm sóng sượt trần truồng trên một tấm đi văng. Hai giây điện của một bình acqui được nối thẳng vào 2 đầu vú của người thiếu phụ ấy. Dũng chỉ hé mắt nhìn và không một câu bình phẩm nhưng Dũng cố nhớ lại hình ảnh Mục Liên Thanh Đề dưới địa ngục được các chùa treo trên tường nhân ngày lễ Vu Lan rằm tháng bảy. Dũng thấy sự tích kia có lý, mà sao thế gian này lại cũng lắm điều oan trái... Người đàn bà ấy thỉnh thoảng lại rú lên những tiếng điên hồn nghe thật ghê rợn mỗi khi luồng điện được đi qua trong da thịt. Mới trông cả thân hình Dũng cũng đã rợn da gà, mặc dầu họ vẫn chưa động đậy gì đến Dũng cả. Không khí căn phòng càng trở nên khó thở. Xa xa đâu đó những tiếng kêu cứu xé ruột đang vọng lại tai mình. Dũng như thấy mình đang sa vào trong lò quỷ dữ.

Dũng vẫn giữ tư thế cũ, nhưng người đứng đối diện bảo Dũng phải lột hết áo quần ra, Dũng vâng lệnh làm theo như một đứa trẻ lên ba không một lời chối cãi. Sau đó họ bảo Dũng leo lên một chiếc bàn dài đặt ngang trước mặt. Dũng dáo mắt nhìn kỹ thấy trước mặt mình có một bình acqui, một giầy roi bằng cao su....

Họ bắt đầu hỏi Dũng những câu cũng giống như trong bản cung hôm qua.

Một người mạnh khỏe hơn đứng trước mặt Dũng lên tiếng

- Tụi mày tu hành không lo tu hành, còn bày đặt tham gia chính trị. Vậy Việt Cộng đã dạy dỗ chúng mày những gì trong thời gian qua?

Dũng yên lặng ... nhắc roi thứ nhất của người kia đánh lên vai Dũng, nghe nó thấm thía làm sao. Y hỏi tiếp:

- Chúng mày giấu vũ khí trong chùa để làm gì và để ở chỗ nào? Hãy khai mau lên, cấp trên sẽ thả mày về.

- Tôi là người tu hành làm sao biết đến chuyện súng ống được. Và lại cuộc tranh đấu nào của Phật Giáo cũng đều chủ trương bất bạo động, làm sao có chuyện súng ống như thế! Dũng mạnh dạn trả lời và roi thứ hai đập mạnh vào hông Dũng nghe nhưc nhối làm sao. Trong đời Dũng kể từ lúc cha sanh mẹ đẻ đến giờ chưa có ai có quyền đánh đập thân thể đến như vậy nhưng hôm nay bọn người quỷ quái đã hành hạ thân xác Dũng, Dũng đâm ra bực tức nhưng chẳng biết nói sao cho hả dạ. Trong thâm tâm Dũng nghĩ thế và cố nén sự đau thương vì nếu cưỡng lại trong lúc này cũng chẳng có lợi gì mà nhát roi càng ngày càng

mạnh hơn thế nữa. Người đứng trước đầu Dũng tiếp tục hỏi:

- Tụi mày tu hành gì mà tu hành. "Miệng thì nam mô nam mô, nhưng trong bụng thì cả một bồ dao găm" đấy chứ còn ai lạ gì hơn nữa.

Dũng vẫn cố làm tỉnh chả muốn cải lại y, vì mở miệng ra không khéo lại bị ăn đòn tiếp tục. Nhất roi đầu tiên Dũng cảm thấy ít đau hơn là những nhất roi kế tiếp. Những nhất roi càng chồng chất lên nhau, máu bị ứ đọng không thông nên càng đau không kể xiết. Dũng vẫn chẳng có khai gì và trả lời:

- Tôi là một tu sĩ Phật Giáo, thừa lệnh của cấp trên thực hành những giáo lệnh của Giáo Hội đưa ra cũng như các ông thừa lệnh cấp ở trên đi tra tấn chúng tôi vậy, nhưng chúng tôi khác các ông là chúng tôi tranh đấu bất bạo động chống đối các thế lực độc tài phản dân hại nước, chống các chế độ không tôn trọng tự do của nhân dân và tín đồ. Nếu các ông có buộc chúng tôi làm chuyện biểu tình, tuyệt thực rải truyền đơn thì chúng tôi chịu, còn ngoài ra chẳng còn tội gì hơn nữa.

Dũng nói một mạch như thế thật nhiều và hình như những người này cũng có thâm băng. Sau này Dũng nghĩ lại nói những điều như thế là đúng với sự thật nhưng đối với những kẻ kia dầu là sự thật đi chăng nữa đối với họ cũng chỉ là những lời đối đáp trống không, vô ý nghĩa, nhưng có lẽ lúc đó vì quá uất ức nên Dũng đã chả phải sợ dầu là gì nên mới thốt nên những câu nói ngang tàng như thế. Hai kẻ lạ mặt trên nhìn Dũng trân tráo chả nói lời nào, người mập mạnh đứng trước mặt Dũng nói tiếp:

- Tao trông mày có vẻ tu hành, nên lần này tao tha cho đó nếu ra khỏi tù thì lo tu hành đi, đừng có đi làm chính trị nhé!

Y nói từng tiếng một và gằn từng chữ ở cuối câu làm như Dũng là người điếc nên phải nói lớn.

Đồng hồ đã chỉ 11 giờ khuya, nên họ cho Dũng về. Bên phòng Dũng bị thẩm vấn chỉ còn nghe vài tiếng thờ dài mệt nhọc, có lẽ của những viên thẩm vấn chứ không phải của những kẻ bị khai cung. Dũng lặng lẽ trở về nhà giam trong ánh mắt dò xét của mọi người. Lần này chị Kim chả dám lại gần Dũng để hỏi han gì cả, vì sợ những người mật vụ trong nhà giam này sẽ để ý và báo cáo lên các viên thẩm vấn nên chị ấy chỉ đưa cho Dũng bình dầu cù lòa và tự mình xoa bóp lấy. Nhưng tài nào mà Dũng có thể làm được, vì toàn thân đã ê nhức ngay cả hai cánh tay, Dũng thấy mình bất lực ngay cả chính việc làm nhẹ nhõm ấy. Dũng vẫn cố nhưng cuối cùng đã vô hiệu. Chị Kim nhìn thấy thế chắc đã động lòng nên rón rén đến gần bên Dũng và hỏi nhỏ một câu:

- Chú thấy đau không?

- Chị thấy những vết thương rỉ máu của Dũng đây chứ?

- Người ta đánh bằng gì thế?

- Bằng giầy cao su mà chị. Cái đau hình như đã vào tận trong xương trong tủy.

Chị Kim thoa dầu cho Dũng và Dũng cũng đã thiếp đi từ lúc nào chả hay biết trong cơn đau nhức ấy.

Bầu trời hôm ấy có trăng sao hay không Dũng cũng không cần biết đến nữa, vì thường đêm trước khi đi ngủ Dũng vẫn thường đếm trăng sao trong bầu trời bao la hiu quạnh ấy, nhưng đêm nay giông tố phủ phàng đã bao trùm lên 1 thế giới nhỏ bé của Dũng, nên Dũng chẳng cần xem gì cả. Dũng không bắt chước những người lão thành xem trăng sao mục đích để coi thời tiết, mà Dũng muốn tìm trong những vì tinh tú cái nào lớn cái nào nhỏ như để ước định vận mệnh của mình trong tương lai có vì sao nào chiếu mạng không... Đó là mục đích xem trăng sao của Dũng vậy.

Sáng ngày thứ tư Dũng miên man trên giường, với toàn là mùi dầu cù lòa của chị Kim thoa cho khi hôm. Lúc này chú Duyên, Dũng và một số Phật Tử khác đã là "bạn đồng khổ" vì đã nếm được vị đắng của nhà tù, còn những người khác họ vẫn còn hăng hái, nói năng chửi bới ô m sòm. Bên gần giường bệnh của Dũng có hai cái "xà lim". Danh từ này Dũng cũng chẳng biết nó phát xuất từ đâu nhưng nếu Dũng đoán không lầm ấy là do từ tiếng Pháp, người ta cũng chẳng cần hiểu ý nghĩa của nó là gì mà người ta chỉ cần nhìn nó là đủ hiểu rồi. Nó cũng là hình thức của một nhà tù, nhưng nhà tù này là nhà tù cá nhân, những can phạm chính trị có thể đứng hoặc ngồi chứ họ không thể nằm tự do thoải mái được. Chiều cao độ chừng 2 thước, chiều rộng độ chừng 5 đến 7 tấc là cùng. Thêm một nỗi khổ là những người bị vào đây đại cũng như tiểu tiện cũng đều phải đi trong ấy, trông nó dơ bẩn làm sao.

Tùy theo từng tội nặng nhẹ mà họ bị hành hạ khác nhau. Có nhiều lần Dũng nghe được tiếng rên la trầm thống của người đàn bà bên cạnh gian phòng mình, Dũng tò mò nhìn thử thấy ở trong "xà lim" ấy chỉ có một ngọn

đèn dầu le lói suốt canh thâu. Sau này Dũng nghe những người có kinh nghiệm về những chuyện tra tấn trong tù kể lại rằng: đó là một lối tra tấn gian xảo, họ làm như vậy để mắt mình bị hoa lên, đôi khi trở nên mù lòa cũng có, rồi từ đó lại khai tội trạng của mình nếu là người nhẹ dạ không giữ được cương trường. Đó là một trong nhiều hình phạt ghê tởm nhất trong tù. Dũng còn nghe nhiều người kể lại rằng: nào là bắt rắn nước bỏ vào trong quần người đàn bà để họ sợ mà khai ra, nhưng có lẽ những chú cai ngục đã làm, nhất là đối với những kẻ đã có gan làm chính trị, không sợ gió sương, súng đạn, lao tù, thì làm sao họ có thể sợ một con rắn nước như thế. Dầu thế nào đi chăng nữa không khai họ vẫn cứ không khai. Có một điều chính Dũng được thấy một can phạm đàn ông bị lột tất cả áo quần, người đó bị bỏ vào trong một thùng nước đầy, bốn phía có bốn tên cai tù lực lưỡng, trên tay họ cầm những thanh gỗ thật lớn, họ đánh mạnh vào trong thùng nước có chứa người. Sức đánh càng mạnh thì ngọn nước trong thùng càng dội lên cao và kẻ bị nạn cũng nhiều đau đớn hơn. Cứ nhiều lần bị dồn dập như vậy là máu tai, máu miệng đổ ra cả thùng nước họ vẫn chưa thôi. Như thế vẫn chưa đã gan những người ra tay đánh đập phạm nhân, họ còn đem bột xà phòng đổ vào miệng phạm nhân cho ngã quay ra ngất ngư đi họ mới chịu thôi.

Nhiều lúc Dũng nhìn những cảnh tượng như thế thấy như thân mình không còn hiện hữu nữa, toàn lỗ chân lông như trống rỗng, Dũng như không thấy mình có được cảm giác của thường ngày nữa. Lúc ra khỏi nhà tù về sau này Dũng mới có thì giờ để suy nghĩ về những việc này họ đã làm gì và họ đã tra khảo như thế nào, chứ trong lúc ở tù Dũng như người trong cơn ác mộng. Dũng cũng không

hiểu được là tại làm sao mà giữa con người và con người lại có những chuyện bất bình đẳng như thế. Tại sao có người lại phải đem thân này cho kẻ khác hành hạ và kẻ nào lại có quyền hành để được đi hành hạ kẻ khác? nếu đời chỉ có những chuyện bất công ấy chỉ để dành riêng cho những người bất hạnh thì có lẽ cũng chả có công lý nào làm chứng cho những kẻ đi hành hạ như trên. Dũng tin rằng những nhà lao, những trại giam, dầu bất cứ ở trong chế độ nào đi chăng nữa, dầu cho chế độ tự do, cộng sản, tư bản, đế quốc, xã hội chủ nghĩa đi chăng nữa cũng đang có những hành phạt như thế suốt trong khoảng đêm trường tăm tối đối với tội nhân. Họ là những người bị trả đũa, bị thù hận bởi những tư thế chính trị khác nhau, bị hiểu lầm hay bị lung lạc v.v. Nhưng theo Dũng họ không là tội nhân của lịch sử. Vì lịch sử chỉ là một sự lặp lại mà con người chỉ là nạn nhân của sự lặp lại đó mà thôi. Một ngày nào đó tiếng kêu la trầm thống của loài người còn ngự trị ở cõi đời này thì ngày ấy chưa có sự bình đẳng thực sự giữa con người với con người.

Dũng vẫn còn nhớ rõ trong ký ức, có một lần cũng ở trong trại tù này, Dũng được thấy một người đàn ông bị trói hết cả tay chân, được đặt ngồi dưới một vòi nước lạnh, lâu lâu vòi nước nhỏ thành từng giọt, khiến tội nhân la ó như tiếng vọng của côn trùng. Dũng nghe người ta kể lại rằng làm như thế người ta sẽ dễ bị mất trí nhớ và về sau này sẽ dễ bị đau óc một cách khó trị. Ngoài ra còn có những chuyện như găm kim nhọn vào đầu ngón tay, đoạn cột dây điện vào để tra tấn tội nhân... Dũng tin rằng còn rất nhiều hình thức dã man khác cũng được đem ra áp dụng, nhưng tiếc rằng chính tai Dũng không được nghe, mắt Dũng không được thấy, chỉ giới hạn trong ngàn ấy

điều mà thôi. Những ngày sau này Dũng không bị hỏi cung nữa mà cũng chẳng bị tra tấn thêm lần nào khác có lẽ họ đã được lệnh trên cải đổi như thế nào, chứ thật ra bản cung của chính Dũng và của những người Phật Tử khác đều toàn là giấy trắng. Bọn Dũng thường chờ buổi chiều thứ bảy để được nhận đồ ăn và tin tức của quý sư cô từ ngoài gửi vào. Cứ mỗi lần nghe được gọi tên mình, như đang chết mà được sống lại. Bọn Dũng không phải muốn được ăn ngon nhưng ít ra cũng còn có tin tức bên ngoài đưa vào và còn những người vẫn thường nhớ nghĩ đến mình và nhớ nghĩ đến tình cảnh khốn khổ của những kẻ đồng tu như Dũng.

Những chiều thứ bảy của tháng đầu tiên bọn Dũng không có quyền gặp mặt người đi thăm, chỉ có thể nhận thức ăn mà thôi. Tuy thế Dũng vẫn biết được tin tức bên ngoài đều lấm nhò vào sự khéo léo của quý sư cô đã đưa tin cho Dũng cũng như những người chung quanh. Quý sư cô thường chọn những cọng rau muống thật lớn, xẻ cọng rau ra và viết những tin tức đã xảy ra hàng ngày bên ngoài vào một miếng giấy trắng, xong cuộn tròn lại cho vào ruột cọng rau. Khi bọn Dũng nhận được rau thường lật ra để luộc, lúc ấy có thể chuyền tay nhau xem hỏ hê mà chẳng ai có thể biết được tin tức ấy từ đâu đã được đến và đến như thế nào...

Dũng cũng không biết diễn tả như thế nào cho các bạn hiểu được nỗi lòng của những kẻ đang thiếu tự do như bọn Dũng lúc bấy giờ. Trong lúc sống có tự do người ta thường ít để ý đến sự tự do nhưng khi người ta đã mất đi sự tự do rồi người ta mới biết giá trị tự do của con người còn cao quý hơn bất cứ sự tự do nào khác có trên trần thế này. Cũng như khi còn cha mẹ người con ít để ý đến tình

yêu thương của cha mẹ đối với con cái nhưng đến một ngày nào đó cha mẹ hay người thân đột nhiên từ giã cõi đời thì lúc ấy mới thấy thấm thía nhiều hơn gấp trăm ngàn lần như lúc cha mẹ còn sống. Chính bản thân Dũng cũng đã chứng nghiệm điều đó, mà có bao nhiêu người mất mát tự do khác có lẽ họ cũng đồng ý với Dũng về những vấn đề trên.

Một tháng đầu trôi qua rất chậm chạp nhưng cũng nhanh chóng so với sức tưởng tượng của bọn Dũng. Những giờ phút nhàn rỗi trong tù Dũng ít nói chuyện với ai vì sợ mật vụ chìm hay nói đúng hơn là sợ sự nghi kỵ, nên đã có nhiều người thường ngồi yên lặng đánh cờ với nhau hay đánh cá ngựa... Các cô thì học thêu, học đan, học rút chỉ... những người có học vấn thì ôn lại truyện Kiều, Cung Oán ngâm khúc, cũng có lắm người học thuộc luôn cả cuốn tự điển. Dũng quá nhàn rỗi không biết phải làm chuyện gì để bù đắp vào khoảng thời gian trống vắng này.

Có người mập thật mập nhưng chẳng mạnh khỏe chút nào, có lẽ họ bị bệnh thũng hoặc bị bệnh phì. Vì họ ăn uống thiếu chất đạm và thiếu ánh sáng mặt trời. Suốt ngày suốt đêm trong tù vẫn tối mờ tối mịt, Dũng chỉ biết đếm ngày và đêm theo sự phân định của bữa ăn mà thôi. Dĩ nhiên bữa ăn tối nào cũng nhiều hơn bữa ăn trưa nên Dũng phân định được ngày tháng thế thôi chứ cũng chả có kinh nghiệm gì. Do đó Dũng đoán biết được sự hiện diện hay mất đi của mặt trời và sự lưu tâm của bạn bè ở bên ngoài.

Sau một tháng ở trong nhà giam chật hẹp, khó thở kia Dũng được kê lên trình diện. Có người ngỡ rằng sẽ

được về, có lẽ bên ngoài quân cách mạng đã thành công, nhưng không, họ bảo Dũng chuẩn bị đồ đạc và những dụng cụ cần thiết phải mang ra khỏi nhà giam và chờ chỉ thị của cấp trên. Sau mấy tiếng đồng hồ chờ đợi, Dũng và những người đồng tu được đưa lên xe nhà binh đóng kín cửa, tưởng rằng họ cho đi thủ tiêu như dưới thời Ngô Đình Diệm năm 1963. Một lúc sau họ đưa bọn Dũng đến một dãy nhà cong, hình như đây là trại lính thời Pháp thuộc. Ở đây Dũng trông thấy mặt trời được rõ hơn, nhưng cái nóng mùa hạ sao mà oi bức quá, thêm vào đó sức nóng mặt trời rọi xuống trên "tôn" như có sức phun lửa đốt cháy cả mọi người.

Dũng ở đây cũng chỉ để chờ đợi ngày cuối tuần. Những ngày cuối tuần đối với Dũng trong lúc này chả khác nào mộng của Đường Minh Hoàng và Dương Quý Phi thưở trước. Tuy đối tượng của Dũng không phải là sự yêu thương mà là một sự nghe ngóng đợi chờ. Chiều thứ bảy mà được trông thấy người thân vào thăm là được sung sướng nhất đời... Cũng có lần tên Dũng được gọi, mừng quýnh cả người. Tưởng rằng những người bạn thân của mình tới thăm ai ngờ lúc ra đến tận nơi Dũng thấy chính thân phụ mình đã băng rừng lội suối đến đây để thăm con cái. Đầu ông chít một chiếc khăn tang màu đã bần. Trông thảm thương quá. Dũng như nuốt ngẹn cả lời không thốt ra được câu nào cả. Năm này là năm anh Dũng cũng đã bị mất, mẹ của Dũng và cả bác của Dũng cũng đã bị mất, còn Dũng thì lại bị vào tù. Kể cái nghiệp của nhà này cũng hơi khá nặng. Dũng lặng lẽ nhìn người cha già. Ông ta cũng đã chẳng nói được câu nào làm Dũng lại càng khó nói hơn.

Lúc Dũng xuất gia đầu Phật Dũng cứ ngỡ rằng tình yêu thương của gia đình sẽ đoạn tuyệt hẳn, nhưng giờ đây đứng trước cảnh này Dũng vẫn thấy rằng mình còn trong sự yêu thương vô vàng đó. Thân phụ Dũng lúc bấy giờ tuổi cũng đã gần thất tuần nhưng trông ông ta vẫn còn khỏe mạnh lắm, mẹ Dũng đã mất đi để lại cho ông không biết bao nhiêu gánh nặng của gia đình. Dũng là đứa con trai cuối cùng, nhưng cũng đã bỏ gia đình đi tu từ thuở nhỏ. Do đó cha mẹ Dũng càng ngày càng trở nên hiu quạnh và buồn bã thêm. Mặc dù gia đình Dũng anh em đông và cháu chắt cũng nhiều nhưng các anh chị của Dũng đều có nhà riêng, lâu lâu mới về thăm thân phụ một lần. Còn Dũng thì họa hoằn lắm 5,3 năm mới có dịp về thăm gia đình một hai lần. Suốt đời bà làm lưng tạn tụy nuôi chồng nuôi con. Đến khi con lớn khôn chưa kịp ngày phụng dưỡng thì mẹ Dũng cũng đã trở thành người thiên cổ. Những khó nhọc ấy mẹ Dũng đã chẳng trách than cùng ai, bà đã gói những nỗi cô đơn ấy đi luôn vào lòng đất lạnh.

Con người của Dũng cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ hai sự sống ấy. Thân phụ Dũng cương nghị, chăm chỉ, chịu khó. Mẹ Dũng thì tần tảo, kham khổ, nhẫn nại. Còn Dũng là con người tổng hợp giữa hai giòng máu ấy, cộng thêm vào tư tưởng và lối sống của Phật Giáo Đại Thừa. Dũng hay buồn, và có lẽ buồn là bạn tri kỷ của Dũng. Vì có buồn thì Dũng mới có thể viết văn hay được, có lẽ trời đã phú cho Dũng điều ấy. Nỗi buồn của Dũng không phải là nỗi buồn của kẻ thất vọng chán chường mà là nỗi buồn muôn thưở, nỗi buồn lo thương nhớ cho người khác như cho chính bản thân mình... Những người bạn của Dũng lúc đọc thơ Dũng đều thấy nỗi buồn phản phát đâu đây.

Nếu Dũng không có sự buồn vượn nhẹ ở hồn mình thì thơ không còn là thơ mà vẫn cũng chả còn là văn nữa. Nếu thiếu buồn chắc cuộc đời Dũng như không có thú vị để làm bất cứ một chuyện gì hay nói đúng hơn có thể tạo cho Dũng một nguồn cảm hứng trong thơ văn và một ý nghĩa trong cuộc sống hằng ngày.

Cũng có những buổi chiều như chiều hôm ấy. Cũng có những buổi chiều Dũng thường hay trông Lụa đến thăm - Dũng chờ mong người con trai này như chờ tiếng gọi của tình thương của sự sống. Người con trai có thân hình thật cân xứng, có mái tóc đen huyền gọn sóng "trần gian". Có nụ cười duyên dáng của tuổi thanh xuân như trao gọi thân tình. Dũng mong Lụa đến không phải trai gái mong gặp tình nhân, mà Dũng muốn nhìn cặp mắt sâu thăm thẳm hồn nhiên của Lụa, Dũng thích được say sưa nhìn nụ cười, mái tóc của Lụa như một vị thần lực vô biên. Nhưng Dũng đã vô vọng vì người ấy chưa và không bao giờ tới kể từ sau khi Dũng đã ra khỏi tù. Có lẽ Lụa sợ đến an ninh của mình trong thời gian ấy nên đã chẳng đến thăm Dũng, chứ ngoài ra chẳng còn lý do nào khác.

Dũng gặp quý sư cô trong những ánh mắt dịu hiền, gặp những người bạn đạo với những nụ cười chứa sâu hàng ngàn thứ triết lý. Tình Dũng đi trong đó, ý Dũng sống trong ấy, cho hay ngày ấy vẫn không còn dài nữa để chúng tôi tiếc nuối thêm.

Cái gì người ta hay mong đợi nó thường ít đến mà đầu có đến đi chẳng nữa cũng ít kịp thời. Vì thời gian đã trôi qua nhanh và những kỷ niệm của ngày xưa chỉ còn là trong ký ức.

Thời gian nào rồi cũng trôi qua, không gian nào rồi cũng hẹp dần theo ngày tháng.

Ba tháng tù đã trôi qua, một buổi sáng đẹp trời nọ Dũng và các bạn đồng tu được lệnh về lại chùa xưa - lòng mừng khắp khởi, nhưng trong bọn Dũng lúc bấy giờ chỉ có chú Hạnh là cứng rắn hơn ai cả. Chú ấy bảo:

- Nếu đúng lúc được thả thì cứ thả, chúng tôi sẽ không ra khỏi tù nếu có một người nào đó ở đây can thiệp giùm chúng tôi.

Những nhân viên đứng nhìn trân tráo chú, Dũng cũng phát lờ đi luôn. Những điều Dũng mong muốn có lẽ khác hơn chú Hạnh nhiều nên Dũng chẳng muốn nói ra.

Hôm lễ trao trả này có viên tỉnh trưởng, y nhìn Dũng và mọi người nói to rằng:

- Quý Thầy; quý chú còn trẻ thời lo về học hành tu niệm đi, đừng có làm chính trị mà làm gì.

Lúc này Dũng chẳng thấy ai trả lời câu nào, có người chăm chú nhìn viên tỉnh trưởng, cũng có kẻ vì nôn nóng muốn gặp mặt gia đình nên đã chẳng đoái hoài gì đến những điều mà viên tỉnh trưởng đã nói ra cả.

Riêng Dũng cũng mang tâm trạng như mọi người chung quanh muốn ra được khỏi tù để về chùa lo kinh kệ cũng như tiếp tục việc học hành. Ngoài ra Dũng cũng muốn biết tin Thầy mình sớm hơn nên trong lòng nôn nóng vô cùng. Thầy Dũng đã bị bắt cùng lúc với Dũng cách đây 3 tháng về trước. Nhưng Thầy của Dũng bị đưa đi bằng máy bay trực thăng do đó Dũng cũng chẳng được tin gì về Thầy cả, mặc dầu lúc ở trong tù Dũng đã được quý

sư cô cung cấp tin tức đầy đủ nhưng là của quý Thầy khác ở trong tỉnh chứ không phải của Thầy Dũng. Dũng được xe nhà binh chở đến chùa Tỉnh Hội, Dũng và những bạn đồng tu chia tay tại đó, ai về chùa nấy lo chuyện ngày xưa.

Tỉnh Dũng đang ở không rộng mấy so với các tỉnh miền Nam, mà địa thế lại càng cách trở nữa, do đó sự sinh hoạt rất khó khăn, nhất là đời sống kinh tế của chùa chiền, hầu hết những người tu cùng tỉnh như Dũng cũng đều phải lao động tự túc để sống, còn phần đóng góp của tín đồ thì rất nghèo nàn. Trong tỉnh chùa cũng nghèo nhưng phần đông do các Đạo Hữu và Phật Tử địa phương tạo dựng nên, những nơi đó thường không có vị tu sĩ nào cả. Vì tín đồ muốn có nơi lễ bái gần nhà vào ngày rằm mồng một nên đã chung lưng đấu cật tạo dựng nên những bửu điện như trên. Tỉnh thoảng có những lễ lộc gì lớn mới mời một vài vị giảng sư từ Tỉnh Hội về. Tỉnh nhỏ chùa nghèo nên số tăng sĩ càng ít, và số tăng sinh trong toàn tỉnh lúc bấy giờ khoảng chừng từ 7 đến 90 người là cùng.

Những người bị bắt như Dũng trong lúc này ít hơn số kể trên và một số lớn thì đang lẩn tránh các nơi khác.

Vừa đến cổng chùa xưa lòng Dũng rộn lên vừa niềm vui lẫn nỗi buồn khó tả. Mừng vì sớm trở lại chùa xưa để lo tu niệm, nhưng buồn vì thấy cảnh chùa quá hoang tàn. Mới ba tháng trôi qua ngôi chùa không người trông coi mà đã ra nông nổi này, từ ngoài trông vào thấy như đã xa xưa từng mấy thế kỷ trước. Dũng lần dò trong lá khô để trở về căn phòng của mình. Dũng định tiến thẳng vào cửa tam quan để vào chánh điện nhưng cánh cửa chính ai đã khóa chặt lại tự thưở nào. Dũng đành bắt lặc và đi vòng

lại phía sau nhà Đông. Nơi đây Dũng gặp một vài người quen hỏi chuyện họ để rõ thêm sự tình.

Dũng bước vào gian phòng cũ ngày nào trông sao thảm thương quá! Bụi từ đâu mang đến bám dày đến gần 2 phân dưới sàn gạch, trên tường thì nhện giăng mạng lưới đầy lên. Chả có bút mực nào để tả được trong tình huống như thế này. Dũng tìm xuống căn nhà bếp gặp bà làm công quả ngày xưa, bà mừng quýt ôm chầm cả Dũng, rung rung nước mắt và nói:

- Tin Thầy cũng bật luôn từ mấy tháng nay, ông có nghe gì hay không?

- Tôi ở trong tù làm sao nghe được, để chờ thử xem. Dũng bình tĩnh trả lời thế.

Sau một hồi nghỉ mệt Dũng bắt đầu lau chùi chánh điện, quét dọn những phòng đã bỏ phế từ lâu cũng như mở cửa tam quan chùa trở lại như xưa. Mỗi ngày Dũng lo 2 thời công phu sáng tối. Máy Đạo Hữu ở gần chùa, họ nghe Dũng về bắt đầu đến thăm viếng hỏi han cũng như an ủi Dũng. Kể từ đó chùa bớt vắng vẻ. Có tiếng kinh tiếng kệ vẫn hồi không khí ngày xưa.

Dũng bắt đầu đi thăm lại những người quen và một vài chùa gần đó. Cứ mỗi lần đi đâu Dũng thường hay tránh né không muốn đi ngang qua trước ty cảnh sát tỉnh, không phải Dũng sợ những hình phạt ngày xưa, mà đúng ra là Dũng ghê tởm những con người lòng lang dạ thú. Giữa con người và con người nhưng người ta đã không có một cử chỉ nào đẹp để đối xử với nhau. Lớn hiếp nhỏ, mạnh hiếp yếu nên Dũng ghét luôn con đường, ghét luôn người gát công, ghét tất cả nhà tù. Dũng không oán giận

hoạt hờn trách ai về vấn đề Dững đã ngồi tù cả, vì đó là lý tưởng cũng như sự sống của Dững trong khi Dững đã chấp nhận rồi, Dững chưa và không bao giờ phủ nhận những việc làm có lợi ích chung cho Quốc gia, Đạo Pháp cả. Dững chỉ ghê tởm sự đối xử giữa con người với con người mà thôi. Đôi lúc Dững bực tức nghĩ rằng loài cầm thú nó còn biết thương nhau hơn, nhưng tại sao con người lại đối xử với nhau tàn nhẫn đến thế! Chúng thường hay bên vực cho nhau khi một con trong bầy bị nạn, nhưng con người thì không, họ tranh giành, cấu xé lẫn nhau cũng vì bãi danh, miếng lợi. Họ giành giựt với nhau chém giết với nhau để củng cố địa vị của họ cho vững vàng, còn ai đó thì mặc ai không hề biết đến. Giáo lý nhà Phật không bao giờ chấp nhận chuyện đó, cũng như đã không khuyên bất cứ một người nào làm việc ấy cả. Đức Phật thường dạy: "Lấy oán báo oán, oán oán chất chồng, lấy ân báo oán oán liền tiêu diệt". Điều này thật đúng và rõ ràng, đây là chân lý của sự sống. Không ai có thể cứu một nhà lửa đang bị cháy bằng lửa cả mà người ta chỉ có thể cứu nhà bị cháy kia bằng nước lũ mà thôi. Đức Phật ra đời vì muốn cho chúng sanh hết khổ được vui, mở cho con người một con đường thiện, bỏ bển mê trở về bờ giác ngộ, nhưng con người mãi còn say đắm dục lạc trong cõi đời này, còn đắm say trong đường danh mỗi lợi nên đã quên đi biết bao nhiêu những lời chỉ giáo ngọc ngà của đấng Tôn Sư. Dững học giáo lý Từ Bi của Đạo Phật từ thuở nhỏ. Dững thấm nhuần tinh thần vị tha của Đạo Phật, Dững muốn tạo cho cuộc đời mình có đủ cả Bi lẫn Trí và Dững để lăn xả vào đời, lặn hụp trong kiếp sống với nhân sinh, để bày tỏ thiện chí của mình, để xây dựng tình người, chứ Dững không muốn oán hận, không muốn gây báo thù cho một ai cả. Mặc dù họ đã bắt Thầy tổ của

Dũng, đã hành hạ những người này, họ đã nhục mạ Giáo Hội mà Dũng đang đặt niềm tin vào đó - Giáo hội vốn đã từng tham gia vào những công cuộc đấu tranh chống độc tài, bất công áp bức. Họ đã xé thịt xương của Dũng ra và còn biết bao nhiêu người đồng loại khác cũng cùng lý tưởng như Dũng lúc bấy giờ, nhưng Dũng đã không muốn báo thù, Dũng chỉ biết kiên nhẫn chịu đựng và mang tình thương của Như Lai đem rọi lòng người hãy mau hồi đầu giác ngộ. Kẻ nào gây nhân tốt thì hưởng quả lành, và ai làm ác thì trước sau gì quả báo cũng sẽ đến trước nhãn tiền.

Dũng cứ sống như thế, ngày hai buổi kinh kệ sách đèn mãi cho đến 3 tháng sau nhân một hôm đọc báo Tin Sáng Dũng thấy hình Thầy mình nằm ngay trên trang đầu đã được trao trả tự do. Tim Dũng như ngừng đập, mắt Dũng hoa cả lên. Trong đời Dũng không biết giọt mắt này là giọt mắt thứ mấy cho nhân sinh và cho tình người Dũng cũng không thể đếm kể được, nhưng sao Dũng cảm thấy như mới chỉ lần đầu mình biết thương yêu và biết rung động thật sự.

Thầy của Dũng được trả tự do ở Sài Gòn và sẽ được về miền Trung trong những ngày kế tiếp. Sau khi Thầy của Dũng được về Đạo Hữu mỗi ngày đến thăm Thầy càng đông. Lúc này Dũng mới thấy tình đời nghĩa đạo là vô cùng thâm thía. Chùa bắt đầu đông đảo lại như xưa; kẻ ra người vào; kẻ lui người tới, trông như những ngày hội hoa đăng. Thầy của Dũng tạm nghỉ dưỡng bệnh một thời gian, sau đó mở một tiệc trà nho nhỏ mời tất cả những Phật Tử tu sĩ bị bắt trong thời gian Pháp nạn qua đến thăm hỏi chuyện trò. Gọi lại những chuyện tù mấy tháng về trước đây, ai nấy cũng đều cười ra nước mắt. Những ngày

tù của Dũng không đáng gì và không cay đắng như nhiều người Phật Tử khác đã hy sinh chịu đựng nhiều hơn Dũng để Đạo pháp còn, dân tộc khỏi hổ thẹn với người ngoại cuộc, nhưng Dũng muốn ghi lại nó như nhắc lại một kỷ niệm đã xa xưa để ngay cả chính mình cũng không muốn quên lãng đi là điều đáng tiếc. Để người khác có một ít dữ kiện về tù đày, để cho con người thấy rằng công cù, xiềng xích, tự do, nô lệ là gì? Dũng vẫn nguyện và vẫn hằng cố gắng làm tròn bổn phận của một người tu dù ở bất cứ nơi đâu và ở bất cứ hoàn cảnh nào. Dũng mong rằng tình đời sẽ luôn gắn chặt với nghĩa đạo để bổ túc cho nhau trên bước đường đi đến tương lai vinh quang và vĩnh cửu.

ME

Vào một buổi sáng nọ Dũng được sự đồng ý của Thầy trò trì hoãn về quê làm tuần 49 ngày của anh Dũng - đi lính tử trận.

Trên đường về nhà lòng Dũng có nhiều cảm nghĩ chập chờn khó tả. Chiếc xe đạp từ từ lướt nhẹ trên con đường tráng nhựa hướng về ngã Điện Bàn. Trời nắng chang chang, trước mặt Dũng toàn là những ánh sao chập chờn trải dài trên con đường nhựa gồ ghề. Dũng cố đạp lên rồi xuống dốc đã mệt như cả người. Những chiếc xe qua lại tránh nhau bóp kèn inh ỏi. Dũng cũng không hề để ý tới. Dũng cố đạp thẳng về phía trước, một chiếc xe hàng chở đầy người ở phía ngược chiều tiến tới. Dũng vẫn trong trạng thái cũ cố ghì mặt xuống đường cố trườn lên trên chiếc xe đạp ấy. Bỗng nhiên có tiếng ai từ trong xe hàng kia vọng ra về phía Dũng.

- Chú...Cô và Thím đã chết rồi. Dũng cố ý nhìn về phía người gọi thật kỹ và hỏi:

- Ai cơ? Chị làm sao vậy? Dũng quay người lại để nhìn chiếc xe chở thương đó.

- Mẹ của chú và thím nhà đã chết tối hôm qua rồi. Người đàn bà kia trả lời.

Dũng đứng lặng cả người một hồi lâu không biết rằng mình nên đi ngã nào cho tiện lợi. Đầu óc Dũng trở nên choáng váng, Dũng cố trấn an mình và gắng đạp nhanh về quê cũ.

Con đường vẫn dài thườn thượt và rộng thênh thang, mặc dù Dũng cố đạp thật nhanh nhưng cả mấy giờ sau vẫn chưa đến chốn.

Trong các kinh sách nhà Phật thường hay dạy rằng "tử biệt sinh ly là chuyện thường của nhân thế, thân cát bụi sẽ trở về với cát bụi, có gì đâu mà phải tiếc nuối nhớ thương..." thế nhưng đã mấy ai hiểu được lẽ vô thường của tạo hóa mặc dầu biết có sự tử biệt sinh ly nhưng không thể nào làm ngơ trước những sự thương tình ấy được.

Chiếc xe đạp của Dũng mới về đến cổng làng có người báo tin cho một lần nữa.

- Sao chú hay được mà về sớm thế?

- Tôi có biết mô tê chi đâu, đi nữa đường gặp mấy chị trên xe báo tin cho đó chứ. Dũng trả lời người đối diện.

- Nhưng làm sao có chuyện lạ vậy? mẹ tôi đã chết hồi nào?

- Ủ! thì chiến tranh mà chú, nhưng tiếc quá, một người hiền lương đức hạnh như bà. Bà mới mất tối hôm qua lúc đi dự mít tin của mấy người cán bộ tổ chức đó.

Lính quốc gia bên cầu nả "cà nông" vô. Cán bộ chả ai chết cả chỉ toàn là mấy bà già.

- Thế đã chôn chưa?

- Hình như đợi mấy chú về cho đông đủ.

Dũng vội vã đạp nhanh hơn nữa. Đi ngược một quãng xa thấp thoáng có một vài bóng người xuất hiện. Dũng nhận diện được thân phụ và bà chị của Dũng đang khiên xác của mẹ và bà Bác của Dũng, lúc gặp Dũng thân phụ hỏi:

- Con hay tin lúc nào?

-Mới sáng này. Sao mà thảm thương quá?

-Ừ! thì chiến tranh, nhưng mà mình đâu có tội tình gì đâu cậu. Chị của Dũng vừa khóc vừa trả lời thay thế thân phụ Dũng.

Thâm tâm Dũng lúc bấy giờ đau nhieén cả. Dũng không còn biết cử động ra sao cho hợp lý, những động tác của Dũng thật khó diễn tả được. Dũng đưa tay đỡ lấy đòn khiêng trên vai của thân phụ nhưng xác của hai người nặng quá Dũng cũng chả làm nên tích sự gì.

Đáo mắt một vòng Dũng nhìn kỹ những vết thương rướm máu trên thân xác của những người thân. Bác Dũng bị mất cả bộ óc và tay chân không còn nguyên vẹn. Mẹ Dũng bị mất hai chân và từ bụng trở xuống đùi không còn nữa. Máu và mồ hôi cùng nước mắt đã hòa lẫn với nhau cộng thêm ánh nắng gay gắt của một ngày đầu hạ nên mùi hôi thúi của xác chết càng xông lên khó chịu. Có nhiều người tránh né nhưng Dũng vẫn cứ lại gần.

- Sao không đem Bác và mẹ về nhà để liệm?

- Tụi nó đào hầm và áp chiến lược dây dầy đầu có khiên đi được.

- Thật là vô phước, hai bà có hai cái nhà to lớn mà khi chết vẫn nằm dọc đường dọc bụi. Người đứng cạnh Dũng lên tiếng như vậy.

Dũng lẳng lặng nhìn thi thể của mẹ và của Bác, bây giờ Dũng chẳng thốt ra được lời nào ngoài những tiếng nấc oán hờn và những cơn dằn vặt. Những giọt nước mắt này Dũng gói trọn vào gói hành trang của người tu niệm và đã gói về mẹ với những niềm thương yêu vô vàn khó tả.

Sự mất mát này quá to lớn đối với Dũng vì Dũng không chờ đón nó, không mong rằng nó đến trong đời Dũng đâu chỉ một lần nhưng nó vẫn đến và tai họa này đã mang lại cho Dũng biết bao nhiêu sự mất mát và những khổ đau chồng chất. Dũng sớm được học đạo, sớm hiểu được giáo lý nhà Phật, nếu Dũng đứng trước cảnh thương tâm của kẻ khác Dũng thường hay khuyên nhủ họ nên cố trấn an để vui lòng người mất, nhưng khi đến phần Dũng, Dũng hoàn toàn bất lực, không còn tự chủ nữa để có đủ khả năng ngăn cản những giọt nước mắt lúc này. Hay nói đúng hơn ở thời điểm ấy không còn có ai bình tĩnh hơn, đủ sức can đảm để khuyên Dũng nên làm chuyện ấy. Nhà Phật quan niệm rằng khi một người chết tức là đã thoát đi một kiếp và hãy để cho linh hồn của họ có đủ thoải mái và can đảm để đi đầu thai làm kiếp tái sinh, không nên khóc lóc kẻ lẽ thảm thiết làm vương vẩn linh hồn người chết là điều tối kỵ. Dũng hiểu điều đó nên Dũng cố trấn an mình bằng những câu thần chú nhưng những giọt nước mắt đau

thương vẫn cứ sùng sục chảy mãi như một hỏa diệm sơn đang thời kỳ phun lửa trên diện mục của Dững.

Dững biết là Dững đã không khóc nhiều cho cái vô lý của chiến tranh ở hậu bán thế kỷ 20 này. Dân tộc Dững đâu có tội tình gì mà bom đạn của người Mỹ, người Nga, người Tàu đã rải khắp trên quê hương của Dững, mà Dững khóc cho chính thân phận mình cũng như cho bao nhiêu người xấu số khác cũng cùng hoàn cảnh như Dững. Những người bạn mới hôm qua đây là tri kỷ, nhưng hôm nay đã ra oán thù không đội trời chung mặc dầu trước đó đã có biết bao nhiêu lời thề thốt "sống chết có nhau". Ôi nhân sinh thật thảm nã! đời vô thường là chỗ đó. Ai đã hiểu được ai mà nhất là ở thời buổi chiến tranh loạn lạc như thế này. Đất mẹ Việt Nam đã chịu không biết bao nhiêu tang thương và đổ nát, như thế cũng đã đủ lắm rồi nhưng người ta cứ mang tang thương và đau khổ đem gieo lên đầu người dân Việt. Ôi! nhục ấy, khổ này biết mấy ngàn năm mới rửa sạch. Những giọt nước mắt không ngừng tuông chảy của Dững đã mang Dững về thực tại - hiểu được chân lý của sự sống của cuộc đời như Đức Phật đã dạy: "Nước mắt của chúng sanh tràn đầy hơn bốn bể đại dương". Mà thật thế dầu cho biển cả và núi rừng có nhiều và có rộng hơn cây cỏ cũng như loài người có trong vũ trụ đi chăng nữa thì cũng không thể đổi được hết hay bằng cái khổ của dân tộc Việt Nam.

Dững đã ngao ngán thật sự cho chiến tranh Việt Nam vì đã có quá nhiều hy sinh và quá nhiều thiệt thòi của dân Việt. Chính ngay cả giờ phút này vẫn cứ tiếp tục hy sinh để cống hiến cho tham vọng của ngoại bang...

Những cảm nghĩ như thế cứ dồn dập hiện ra trong đầu óc Dũng, những giọt nước mắt cứ rơi và một bàn tay vô hình nào đó đã đánh thức Dũng quay về thực tại.

- Đã đúng 2 giờ chiều rồi, chúng ta làm lễ động quan. Một người đứng tuổi ra lệnh như vậy.

Hai chiếc quan tài của Bác và mẹ Dũng từ từ di chuyển trên những đám ruộng khô cằn về hạ. Các chị của Dũng ôm áo quần của mẹ, đầy máu me và nết mùi tử khí. Trời càng về chiều càng nực và mồ hôi của máu, của thịt da xông lên đến tận trên mũi mọi người. Dũng đã bị say nặc cả người.

Đi được một quãng đường Dũng đảo mắt nhìn lên trời thấy hai chiếc máy bay thám thính. Mọi người đều được báo động là hãy chuẩn bị sẵn sàng nếu nó thả bom thì nên chạy gấp. Mọi người yên lặng tiến đều. Đùng một cái khói bụi mù mịt cách quan tài của mẹ Dũng chừng vài trăm thước gần đó. Mọi người ai nấy đều liệng quan tài của mẹ Dũng xuống đó và chạy về phía yên tĩnh hơn.

Sau một thời gian chờ đợi thấy hơi yên lặng mọi người trở lại chỗ cũ và di chuyển thêm một lần nữa. Những hình ảnh máu me chưa dứt hẳn trong đầu của Dũng tiếp đó là những tiếng động kinh hoàng của máy bay thả bom khi trước đã làm cho Dũng lo sợ vẩn vơ cho chính số phận của mình và cho những người đang bị phải tai nạn. Dũng thầm lặng theo sau quan tài của mẹ như một tên tội phạm không một chút trần tình, không một lời oán than lẫn chót. Dũng cố lắm mới niệm được những câu kinh mà chưa bao giờ được liên tục được cả. Dũng biết rằng làm như thế là vô nghĩa, nhưng ít ra đi nữa cũng làm cho Dũng đỡ đau lói của tâm hồn.

Những cảm nghĩ này đã bị mất tan đi bởi một trái bom thả kế cận đó nữa. Một lần nữa mọi người lại bỏ chạy. Dũng cũng cố gắng chạy trong chiếc áo dài lưng thụng, Dũng biết rằng làm như thế cũng chả vót vát được gì nhưng ít ra cũng có thể tránh đi một mảnh bom vô tình nào đó. Thường thường những người ở trong những phút giây tuyệt vọng họ muốn níu kéo bất cứ một cái gì mà cái ấy có thể làm điểm tựa cho chính mình. Dũng cũng ở trong tình cảnh ấy. Dũng cố chạy được một quãng, một trái bom nữa nổ tiếp theo sau lưng, Dũng đã lẩn trốn trong đất cục, mãi một lúc sau Dũng mới chồm ngòm ngồi dậy được thấy mình mảy của mình lấm bụi lung tung nhưng may là trên mình chả bị một vết thương nào cả.

Lần này mọi người kể cả thân phụ của Dũng và những người thân đều chạy xa cả. Gần cả 2 tiếng đồng hồ sau đó mọi người mới về lại vị trí cũ. Mặt trời lúc này đã ngã bóng về tây nhưng chiếc quan tài chưa di chuyển được nửa dặm đường. Mọi người vừa khiêng thây vừa cảnh giác nhưng chiếc máy bay ác hại khi này không còn thấy lai vãng đâu nữa, ai này đều yên chí và gắng khiêng xác mẹ Dũng đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Sau khi đắp huyệt mộ xong mọi người đều thấm mệt. Dũng lặng lẽ bung lư nhang về nhà đặt lên bàn thờ để làm lễ trí linh cho mẹ và Bác Dũng.

Suốt ngày hôm đó từ sáng đến chiều, Dũng chưa có một hạt cơm để lót dạ, những cảm tưởng ớn lạnh của những lần chứng kiến trong ngày làm Dũng cũng cảm thấy no lây. Dũng chỉ cảm thấy trong người hơi thấm mệt và đã cảm nhận được cái vô thường trong một ngày biết bao nỗi đau thương chồng chất.

Dũng không sợ khổ đau nhưng Dũng ghê tởm những thảm trạng gây ra khổ đau cho con người và sự vật. Chính con người tạo ra những vũ khí tối tân rồi để chính con người giết hại con người chứ không có kẻ thứ ba nào vào thay thế vai trò ấy được.

Và chẳng chỉ có kẻ mạnh mới có quyền đàn áp kẻ yếu? hay có nhiều quyền lực để bắt buộc kẻ khác phải phục tùng?

Bây giờ mọi việc đã qua, nhưng Dũng vẫn thấy cảm đau muôn thưở vì lịch sử vẫn còn đó và con người vẫn còn đây. Sự thất bại hay sự thành công của con người hay của một chủ nghĩa nào đó nó chỉ có tính cách thời gian và giai đoạn nhưng tang thương lại vẫn cứ tang thương.

Dũng muốn ngừng nơi đây bằng những giọt nước mắt để kính dâng hồn mẹ và cho Dân Tộc Việt Nam trong bao nỗi oai hùng.

Giọt Mưa Đầu Hạ

Cứ mỗi lần vào hạ những giọt mưa đầu mùa đã làm Dũng liên tưởng đến rất nhiều kỷ niệm, vui có buồn có bồn chồn cũng có, luyến tiếc nhớ thương....

Dũng thường hay sợ cái buồn nó đến ngự trị trong người, nhưng buồn đối với Dũng là một chất liệu đậm của cuộc đời và nó đã làm nên cuộc đời Dũng và cũng là một viên thuốc thật hiệu quả trợ lực cho nội tâm một cách đắc lực nhất.

Những trận mưa rào không làm Dũng thao thức nhưng những giọt mưa ngẫu đầu hạ đã rơi chậm vào lòng Dũng như đánh thức mình mau trở về với thực tại.

Khung cảnh nơi đây quá yên lặng, nhiều lúc làm Dũng phát sợ. Sợ cái khung cảnh này vì nó không tấp nập như Tokyo, nhộn nhịp như Hồng Kông hay mất trật tự như Sài Gòn.

Những ngày còn ở Tokyo, hơn 6 mùa mưa vào hạ Dũng cũng đã thao thức từng đêm để nghĩ và nhớ về cố hương, bạn bè và đôi lúc cũng để thương nhớ ngay cả chính bản thân của mình. Đông Kinh không có gì để

luyện tiếc để giữ được bước chân phiêu lưu của Dũng, có chăng chỉ còn một vài kỷ niệm để thương nhưng cũng để ghét thôi. Tại vì nơi đó chưa có hình ảnh nào đâu là một mái nhà, một con đường đi, hay một chùm cây ngọn cỏ có thể thấm được vào nhãn quan mình một cách có trật tự và để hiểu.

Nhiều lúc nghe như trong mình đang cay muôn thưở khi nghĩ đến thân phận của một con người phải gởi thân nơi xứ người như Dũng lúc bấy giờ. Nhiều lúc cũng có cái sung sướng thật sự như tự do đi lại, tự do ăn nói và còn nhiều thứ tự do khác nữa nhưng cũng có nhiều thứ không tự do chút nào như thiếu tình người, tình thương của bạn bè và tiền bạc... Tất cả mọi thứ này là một vấn đề quan trọng, quyết định nhiều vấn đề khác. Do đó nếu người nào không đủ nghị lực có thể dễ buông xuôi theo giòng đời và sẽ trở thành một người bất hạnh.

Những người du học như bọn Dũng lúc đó ở Đông Kinh cũng đông, một số lớn là con nhà giàu có nên họ ít lo đến vấn đề tài chánh còn những người thuộc vào hạng trung lưu trở xuống phải vừa đi làm vừa đi học để nuôi thân với những người này sau ngày 30.4.75 có một sức chịu đựng dẻo dai hơn là những sinh viên con ông cháu cha. Sau khi Sài Gòn thất thủ hay nói đúng hơn miền Nam Việt Nam đã hoàn toàn do người cộng sản nắm quyền họ đâm ra lúng túng khó xử và có nhiều kẻ đã quyên sinh.

Riêng Dũng những năm đầu ở Nhật cũng đã gặp rất nhiều vất vả vì sự thiếu vắng bạn bè cũng có mà tài chánh cũng có.

Đến Nhật chừng 3 tháng Dũng đã hết sạch tiền túi, tiền từ Việt Nam cũng không được chuyển nốt vì chùa

nghèo, Giáo Hội nghèo có dư đâu mà lo liệu... Dũng cũng đã biết chuyện này trước khi sang Nhật nên cũng ít bị nản chí.

Ngày xưa ở Sài Gòn đi du học ra ngoại quốc cũng là một cái "môt" thời đại, nhưng Dũng đã không phải đi vì cái "môt" đó, nên trong Dũng ít có bị dấn vật, nếu có chẳng đi nữa đó chỉ là những lúc tội phạm mà thôi.

Sống trong một xã hội như thế, nhưng có lúc trong túi Dũng chỉ còn có 5 yen, với số tiền ấy chả điện thoại được trong tỉnh một lần, hay nói đúng hơn không thể mua được một cây kẹo ngậm đỡ lòng. Nhiều lúc Dũng đã nấu cháo ăn thay cơm cầm chừng cho đến khi mượn được tiền bạn hoặc hy vọng viễn vông một số tiền nào đó sẽ mang lại cho mình. Tiền đã hết Dũng muốn đi làm nhưng khó giải quyết quá vì lẽ ngôn ngữ chưa rành mà người Nhật lại hay kỳ thị vấn đề người ngoại quốc nên rất khó tính. Một hôm Tiến bảo Dũng:

- Dũng muốn đi làm không?
- Muốn là chuyện đương nhiên nhưng phải làm thế nào đây?
- Nghĩa là thế nào?
- Chiếc áo và ăn uống cũng như cách thức?
- Hoàn cảnh nào mình phải tùy thuận theo chứ hơi đâu mà lo.
- Nhưng Dũng chưa biết cách thức.
- Thì đi với tôi.
- Được vậy thì hay biết mấy.

Sáng hôm sau Dũng và Tiến đến nhà ga Tanakanobaba vào lúc 6 giờ 30. Đây là lần đầu tiên nên Dũng chẳng biết phải làm gì, nhiều cái không biết muốn hỏi Tiến nhưng sợ bị lộ tông tích vì nói tiếng Nhật không rành, người Nhật nghe họ biết thì nguy, mà không hỏi thì thấy khó chịu nhưng cứ thế mà ngậm đắng nuốt cay...

Người ta đứng chờ ở đây và các hãng đem xe đến chờ đi sau khi đã trả giá và đồng ý. Ở đây có cái khỏe là sáng làm chiều lãnh tiền cho nên ai không có tiền đi làm kiểu này cũng có thể sống đỡ qua ngày tháng. Công việc thường là đào đất, đổ bê tông quét nhà, dọn dẹp...

Nhiều lúc làm việc trong hầm tối mờ tối mịt, cũng có nhiều lúc trên đầu toàn là những vật nguy hiểm có thể rớt trúng mình bất cứ giờ nào nếu như mình không để ý đến. Cũng có nhiều lúc quá tui thân làm việc trong mùa đông buốt giá, vừa làm vừa nghĩ thân phận mình. Nhiều người ngày xưa đã nghĩ rằng ra đi sẽ có nhiều cái bù trừ trở lại, nhưng mấy ai biết được nỗi khổ này. Nhiều người ở nhà nghĩ rằng ra đi là sung sướng, là vinh dự, vinh hạnh.... nhưng không có ai ở đây để làm nhân chứng cho những cảnh khổ như thế này cả, chỉ có mình mới hiểu được mình thôi và đâu đó trong thâm tâm Dũng gợn lên vài niềm cảm cảnh. Cảm cho thân phận của chính nhân, cho cái lạnh lùng của xứ người, cho cái mưa buồn nơi đất khách, cho cái lạnh buốt giá của đêm Đông... Một tiếng động mạnh nào đó đã làm cho Dũng quay về thực tại.

- Dũng thấy làm vui không?

- Vui chứ Tiến nhưng mấy ông cai đi qua đi lại nói những gì mình chẳng hiểu, mình cứ yên lặng, có lẽ ông ta tưởng mình câm.

- Vậy cũng được nhưng coi chừng có ngày nó hỏi mà không trả lời được cũng khổ.

- Chứ biết làm sao hơn được, nhưng sao Dũng hỏi hạp quá, Dũng không sợ uy quyền của thằng cha cai vì thật ra nó đâu có hơn gì mình đâu nhưng sao mình vẫn cứ run.

- Thôi kệ cha nó hơi đâu mà lo.

Tiến kể cho Dũng nghe một mẩu chuyện thương tâm của Thu lúc đi làm như sau:

Một hôm nợ thằng cai bảo Thu mang cái chổi lại cho nó, vì Thu không hiểu tiếng Nhật rành nên mang cái búa lại cho nó, nó giận quá bổ lên đầu Thu một cái thật mạnh. Thu cảm nhận cái đau thương ấy và hẳn học thằng cha cai cả mấy tháng trời. Ôi nhân sinh là thế ấy! chả có vui thú chút nào, hết học đi làm, hết làm việc lại học, nói chuyện học hành không cũng chưa xong nói chi đến chuyện làm việc, mà chuyện làm việc đã không khá thì nó cũng ảnh hưởng nhiều đến việc học hành.

Thu vẫn là người giỏi chịu đựng và nhiều hy sinh cũng như nhiều thiệt thòi nhất trong những người như Dũng lúc bấy giờ. Nhiều lúc Thu đã hy sinh làm việc để lo cho vài anh em đi học. Có những đêm mưa gió bão bùng tuyết rơi lả tả Thu phải đạp xe đạp, trên tay mang cả mấy phần ăn cho khách. Có lúc không may, cơm cháo bị đổ bể về nhà chủ la và bắt đền tiền thật là thảm nã. Ai có chứng kiến được những thảm cảnh này mới thấy thương tâm, thương cho chính bản thân mình mà cũng thương cho người đối diện nữa.

Thời gian đầu Dũng đã sống chung với Thu trong một gian phòng chật hẹp độ chùng 12 m², trong đó có cả nhà bếp, nơi làm việc và chỗ ngủ. Căn phòng này cũng là căn phòng đầu tiên kể từ khi Dũng đặt chân đến xứ Nhật. Ngày xưa lúc còn bé, Thầy giáo đã giảng cho Dũng nghe rằng: tất cả nhà cửa của người Nhật đều làm bằng gỗ thông và các cánh cửa đều bằng giấy. Lúc bấy giờ Dũng nghe để mà nghe, chứ không có óc tò mò tìm hiểu vì sao người Nhật phải làm như vậy và có vẻ không tin. Bây giờ thì Dũng đã hiểu rõ, chính căn phòng này đã minh chứng được điều mà Thầy của Dũng đã giảng cho Dũng nghe cách mười mấy năm về trước.

Những ngày đầu tiên nơi Đông Kinh Dũng lạnh run người vì bên ngoài nhiệt độ lạnh trừ dưới không độ, nhưng bên trong hệ thống sưởi rất là yếu. Cũng chính vì nguyên nhân hay động đất thường xuyên nên tất cả mọi nhà cửa trên xứ Nhật không được xây nhiều tầng và những vật liệu nặng. Đã thế mùa Đông đầu lạnh đến dầu sưởi cũng chẳng thấy ấm vì phenh vách đều mỏng manh và người Nhật hay sưởi bằng dầu hay Gas, nhưng rất khổ với các vật này vì chúng hay dễ bắt lửa, nếu sơ ý sẽ dễ bị cháy một cách dễ dàng.

Căn phòng này cũng đã mang lại cho Dũng nhiều kỷ niệm vì nó quá xa lạ đối với Dũng, cũng như Dũng không thể hình dung ra như thế được trước khi đến xứ Nhật này. Mấy bữa đầu, sau khi đến Dũng hỏi Thu sao nhà không có buồng tắm?

- Phải đi tắm nơi công cộng.
- Tắm công cộng là tắm như thế nào?

- Đàn ông và đàn bà tắm chung.

Dũng mới nghe đến đây đã không dấu được một vài cảm nghĩ lạ lùng.

- Tại sao lại có chuyện ấy?

- Ở đây chuyện đó là thường, vì nhà người Nhật chật chội không có chỗ làm phòng tắm riêng, nên phải tắm chung là chuyện đương nhiên.

- Nhưng sao tắm chung coi kỳ quá.

- Tự nhiên có gì đâu mà kỳ.

- Nếu vậy chắc Dũng không đi tắm quá.

- Cái đó cũng tùy.

Ở Việt Nam từ nhỏ cho đến lớn đâu có ai tắm chung với ai đâu, bây giờ nghe nói chuyện này trông nó khó coi làm sao. Trai tắm chung với nhau đã là điều xưa nay chưa mấy người nghĩ đến mà tắm chung với đàn bà coi sao được Dũng thầm nghĩ thế. Mấy ngày sau Tiến gặp Dũng liền hỏi:

- Dũng đã đi tắm mấy lần rồi?

- Mình chưa đi lần nào hết.

- Sao vậy?

- Thu nói là nam nữ tắm chung coi làm sao ấy.

- Ở miền Bắc kia chứ Tokyo đâu có chuyện đó.

- Thế mà Thu hù Dũng quá trời, nhưng đi một mình Dũng có biết ắt giáp chi mô.

- Vậy thì đi với mình.

Tối hôm đó Dũng mạnh dạn lấy đồ đi tắm vì đã 7 ngày rồi, trong người thấy khó chịu quá.

Mới bước vào nhà tắm Dũng đã ngạc nhiên hết sức vì sự tự nhiên của người Nhật. Có lẽ cái gì đã trở thành thói quen rồi thì không còn là một vấn đề mới lạ nữa.

Phòng tắm được chia làm hai, bên nam, bên nữ. Mỗi bên chứa được nhiều nhất là 50 người. Hồ tắm có 2 ngăn, một bên để ngâm mình trước khi xả xà phòng và một bên với độ nóng chừng 40°C dùng để ngâm mình sau khi tắm. Mới đầu Dũng lúng túng quá chả biết tính thế nào cho phải vì ai cũng tắm nước nóng hết. Mà nước này nếu không quen xối vào cảm thấy như tuột da ngay. Dũng muốn hỏi Tiến phải làm như thế nào đây, nhưng trông nó "hở người" làm sao.

Đôi lúc Dũng thầm nghĩ một nước tự hào là văn minh nhất nhì thế giới nhưng sao có những trò coi chẳng giống ai hết.

Nhưng rồi thời gian cũng làm cho Dũng quen dần với những hình ảnh như thế này. Sau đó cứ 2 hay 3 ngày Dũng lại đi tắm một lần, và mỗi lần như thế trong Dũng có nhiều thay đổi khác.

Sống theo kiểu này một thời gian Dũng cảm thấy quen dần, chứ những lần đầu tiên thấy khó chịu vô cùng vì tất cả đều khác hẳn Việt Nam và hoàn toàn mới lạ đối với Dũng. Những ngày tháng khắc khổ như thế Dũng thường hay nhớ nghĩ tới bạn bè và Dũng cũng đã gặp lại được người bạn ngày xưa hỏi còn học tiểu học mang tên Lộc. Đã hơn 10 năm rồi giữa Dũng và Lộc không có tin

tức gì vì sau khi Dũng đặt chân vào cửa Thiên thì Lộc cũng vắng tin. Nếu Dũng nhớ không lầm vào một buổi mai nào đó sau khi đã gọi điện thoại hẹn với Lộc tại nhà ga Gotanda. Lần đầu tiên Dũng hẹn bạn nhưng chả biết phải dùng chỗ nào, vì nhà ga của Nhật có nhiều cửa ra vào, nhưng rồi cái gì đến nó cũng đã đến.

- Ô Lộc!

- Sao Dũng thấy lạ thế?

Lộc bây giờ khác ngày xưa nhiều quá. Đến đây đã được bao lâu rồi?

- Mới được một năm và hiện tại mình đang thi vô trường nên bận lắm.

- Trông Dũng cũng lạ ghê. Mình có nghe Thiên nói về vụ Dũng được Giáo Hội cho sang đây du học.

- Vâng đúng thế. Thiên dễ thương ghê, một đứa bạn đời có một không hai.

- Lộc cũng nghĩ như thế...

Dũng và Lộc tâm sự với nhau như thế và tìm lại những kỷ niệm xa xưa ở thời còn đang học tiểu học qua những phút giây ngắn ngủi trong lần gặp gỡ đầu tiên này. Rồi những tháng ngày sau đó chỉ để nhớ thương chứ không có thì giờ để lui tới thường xuyên để thăm viếng nhau.

Những ngày Dũng ở chung với Thu, Dũng cũng đã quen biết thêm một vài anh em Phật tử khác do sự giới thiệu của Thu. Trong những lần gặp gỡ trong các phiên họp của Chi Bộ tại Nhật Dũng cũng đã gặp một vài Thầy,

trong đó có những Thầy hiện nay đang ở Pháp hoặc Mỹ.
Dũng tò mò hỏi:

- Thưa Thầy đã qua đây được mấy năm rồi?

- Từ năm 67

- Thầy đang học gì?

- Học về Phật Giáo.

- Thầy có đi làm không?

- Ở xã hội này không đi làm làm sao sống nổi vì vật giá cao vả lại tiền trường cũng đắt đỏ trong khi đó mình chả có đồng tiền túi nào cả nên phải đi làm là chuyện đương nhiên.

- Thầy đang làm gì?

- Tôi và một số Thầy khác đang làm lao công ngoài chợ.

- Công việc có nhọc lắm không Thầy?

- Mùa hè thì đỡ nhưng làm vào mùa Đông thì nhọc lắm.

Dũng tìm hiểu về cách sinh hoạt cũng như cách thức học hành mãi mê như thế, vì ở lúc ban đầu đối với bất cứ ai cũng vậy. Đối với những người có tiền nhiều trong túi thì chả có sao, chỉ có "thân cò nơi xứ lạ" nên phải cố gắng nhiều hơn nữa. Dũng tự nhủ thầm như thế.

Dũng đã cố gắng học tiếng Nhật và làm việc nhưng cuối cùng vẫn thiếu thốn. Dũng chưa biết tính sao thì một hôm tối đẹp trời lúc Thu đi làm về vừa cởi áo choàng liền hỏi Dũng.

- Dững muốn ở chỗ không tốn tiền không?
- Chỗ nào vậy Thu?
- Nhưng muốn không đã chớ?
- Đương nhiên là Dững thích rồi vì nếu không phải trả tiền nhà thì đó là một điều rất sung sướng.
- Nhưng phải cần nhiều điều kiện.
- Điều kiện gì như thế Thu?
- Bà Diệp sắp mở tiệm ăn và bà ta định giao cho quý Thầy trông coi, nếu lời thì các Thầy nhờ còn vốn thì bà ấy chịu.
- Nhưng mà xưa nay mình có làm việc này bao giờ đâu?
- Tôi và Thầy Minh Hải có ý nhờ Dững và Nguyên lo chuyện đó.
- Nhưng Nguyên khó tính quá.
- Đỡ tiền nhà đã là may hơi đâu lo những chuyện vặt vãnh ấy.

Dững đã đồng ý và mấy ngày sau đó đã dọn đến nhà mới. Ngôi nhà này là một tiệm ăn cũ và bây giờ được biến thành quán cơm Việt Nam. Ban đầu khách cũng có đến ăn lai rai. Đồ ăn thì bà Diệp nấu và Dững chỉ coi sóc thức ăn cho khách cũng như dọn dẹp mà thôi. Nhưng một phần vì tiếng Nhật chưa khá, một phần vì tay chân cứng cáp vì lâu nay Dững chưa bao giờ làm việc ấy. Cứ mỗi lần khách vào đông là tay chân nó quỳnh lên không làm được một cái gì cả. Có những lúc như cảm thấy tay chân mình thừa

thải nhưng công việc thì chẳng chạy chút nào. Khách thấy tình cảnh như vậy đôi khi chờ lâu quá bỏ đi, mình thấy tiếc nhưng chả có gì hấp dẫn họ để làm họ ở lại được cả.

Dùng và Nguyên thay phiên nhau trông nôm cửa tiệm, đã bỏ rất nhiều thời giờ cho công việc này, nhưng đâu cũng chả vào đâu cả. Ban đầu quý Thầy trong Chi Bộ còn đến đều đặn nhưng sau đó ít lâu ít ai đến nữa, họa hoằn lắm mới thấy một vài Thầy đến thăm tiệm. Cuối cùng chỉ còn bán nước đá và nước ngọt cho khách nhưng tiền lời chả có và tiền vốn cũng thâm luôn, cuối cùng là dẹp tiệm.

Công việc làm ăn đầu tiên của Dũng nơi xứ người là vậy đó. Dũng thầm nghĩ có lẽ đi làm thuê dễ hơn là làm chủ, không phải vì Dũng lười biếng trong công việc mà vì không thành thạo nghề nghiệp. Thầy Minh Hải và Quý Thầy cứ mỗi lần gặp nhau ở những lúc sau này thường hay nhắc đến những mẫu chuyện thương tâm như thế.

Cửa tiệm đóng Nguyên đi ở chỗ khác và Dũng về ở chung với hai người bạn học cùng lớp Nhật ngữ. Đó là Sinh và Hương.

Sinh, Hương đều là người Huế cả, hai người bà con cô cậu họ ở với nhau như thế cũng hơn nữa năm rồi. Họ là những người con nhà giàu, họ sống bằng tiền tài và ít nói về tình người. Dũng cũng mắc trong thế kẹt nên mới đi ở chung như thế. Có nhiều cái khó giải quyết, nhưng Dũng cứ nán ở lại cho đến khi thi đậu ra trường. Họ chuyên môn đi học, còn Dũng vừa đi học vừa đi làm. Có những lúc tuyết rơi lạnh lẽo Dũng vẫn một mình một phận lấy tàu đi đến nhà ga Đông Kinh để làm việc ở đây.

Có một hôm sau khi đi làm về Dũng trở lại gian phòng quen thuộc và đã nhận được 1 lá thư của Hà từ Việt Nam gửi sang. Hà người bạn học cùng năm đệ nhị tại trường Cộng Hoà Sài Gòn năm trước. Hà người nhỏ bé tính tình dễ thương và có nhiều nét độc đáo. Dũng quen với Hà cũng chính ở điểm này. Sau đó cũng chính từ điểm này đã đem Dũng đến tình bạn và bắt đầu từ đó Dũng và Hà trở nên hai bạn thân rất thân, Hà viết:

"Lâu quá chả thấy tin Dũng, không biết Dũng có được mạnh khỏe không? những kỷ niệm ngày xưa vẫn còn đó nhưng ở xứ lạ quê người, với những cảnh vui nhộn nhộn có còn làm cho Dũng nhớ đến Hà và đến quê hương yêu dấu này không?"

Chỉ chừng ấy giòng cũng đã làm cho Dũng nghĩ về Hà thật nhiều. Về những kỷ niệm ngày xưa, những ngày thơ ngây trong sạch, hồn nhiên và nhiều kỷ niệm đẹp ở trong Dũng nhưng có lẽ Hà đã quên rồi. Hà tưởng rằng Dũng đang có nhiều niềm vui và quên đi nhiều kỷ niệm. Điều đó chắc chưa bao giờ có nơi Dũng vì niềm vui hiện tại chỉ là niềm vui vụt biến, còn niềm vui ngày xưa còn lại trong ký ức mới là những niềm vui miên trường.

Cứ mỗi lần Dũng nhận được thư nhà hay thư của bạn bè, cảm tưởng đầu tiên là vui mừng và dĩ nhiên đầu trong thư có chứa nhiều uẩn khúc hay vui vẻ cũng đủ để cho Dũng gói trọn trong gói hành trang đi vào lối sống tự chủ, trong cuộc sống hàng ngày.

Cuối năm học Nhật ngữ Dũng và Hương đậu, còn Sinh rớt, mặc dầu Sinh chăm học và học rất giỏi. Dũng cũng đã không biết nguyên nhân tại làm sao nhưng có lẽ đó là chuyện học tài thi phận. Sau đó Hương về

Kagoshima, Dững vào ở chùa và Sinh dọn về cư xá Kokksai ở Shinjuku để tiếp tục học thêm một năm Nhật ngữ nữa. Nghe đâu sau này Sinh đậu vào trường công lập Yokohama và kể từ đó Dững không còn gặp Sinh nữa.

Một hôm Tiến hỏi Dững:

- Bây giờ Dững tính sao?

- Tính gì cơ Tiến?

- Nghe đâu ông Thầy trụ trì chùa Bồn Lập (Honryuji) ở Hachioji muốn có hai tu sĩ Việt Nam vào ở.

- Nhưng tiếng tăm mình còn kém quá không biết có việc gì bất tiện không? Tiến nghĩ thế nào? Có thể cho ý kiến.

- Chuyện đó có gì đâu nếu Dững đồng ý. Tôi sẽ điện thoại nhờ Thầy Minh Hải nói với Thầy Trụ trì ở Shinjuku một tiếng là được.

- Dững cũng chưa thích nhưng bây giờ đâu có còn kể gì hơn nữa.

- Nên nghĩ kỹ lại đi, trước khi quyết định 1 vấn đề quan trọng.

Dững đắn đo mãi, mặc dầu Hương đã dọn nhà đi từ lâu còn Sinh vẫn chờ Dững quyết định. Sau đó Sinh cũng dọn nhà cùng lượt với Dững.

Sau khi Dững đã suy nghĩ kỹ, quyết định ở chùa Nhật và nhờ Thầy Minh Hải lo giùm vấn đề ấy. Mọi hành lý Dững đều gói cẩn thận và nhờ mấy người quen mượn xe để cho xuống Hachioji.

Dũng đã hỏi giá tiền xe chuyên chở xong và nếu sau khi trả số tiền này, Dũng chỉ còn độ chừng 3.000 yen là hết sạch. Với số tiền này người ta chỉ có thể tiêu trong một tuần mà thôi.

Tương cũng nên nhắc lại chuyện mượn tiền để đóng tiền vào trường trước khi thi đậu và có quyết định vào chùa ở. Nguyên là ở Nhật có rất nhiều Đại Học nhưng hầu hết là trường tư, có một số ít trường công lập dành cho những người học giỏi. Ngoại quốc thì khó có thể vào đó lắm. Lâu lâu mới nghe một người VN đậu vào trường công. Đó là một vinh dự lớn lao vì suốt trong thời gian học không phải trả tiền nhiều cho nhà trường. Tuy nói thế, nhưng một sinh viên trường công lập trung bình mỗi năm phải đóng khoảng 800 DM còn những trường tư tùy theo ngành phải trả học phí cho nhà trường mỗi năm trung bình từ 800 đến 1000 đô la. Nếu học y khoa trường tư sẽ phải trả mỗi năm chừng 10.000 đô la. Ngành này có lẽ chỉ dành ưu tiên cho con nhà giàu và những người thông minh.

Trước khi đi du học lẽ ra chính phủ Việt Nam phải có những chỉ dẫn tường tận như trên cho Sinh viên, nhưng mãi cho đến bây giờ Dũng mới biết được điều đó kỹ, quả là điều thiếu sót đáng trách. Nếu trách thì Chính phủ Việt Nam mình đổ thừa rằng: "đất nước đang chiến tranh, sinh viên quốc nội còn chịu thiệt thòi hơn các anh, các anh là thành phần đặc ân của xã hội, mà còn than vãn cái nỗi gì". Đó là câu trả lời chung của nhân viên sứ quán. Dũng cũng là một trong những người mù tịt về chuyện này, mặc dầu sau khi đến Nhật Dũng đã được quý Thầy và một số bạn bè hướng dẫn. Cũng chính vì những nguyên nhân trên một phần mà đa số sinh viên vừa phải đi làm vừa phải đi học

nên tiền bạc ít có dư thừa, chỉ trừ một số sinh viên con ông cháu cha suốt ngày phây phả ăn chơi lại chả học hành nhưng vẫn luôn luôn được nhân viên sứ quán chỉ mưu này lập kế nọ một cách tận tình. Còn những người như Dũng lúc đó họ đều nghi ngờ là có những hoạt động đi sai đường lối của chính phủ nên bị làm khó làm dễ chuyện Visa hoặc công việc chuyển ngân... Những người theo Phật Giáo Ấn Quang như Dũng lúc bấy giờ không phải là ít. Những người này thường hay bị kêu lên sứ quán và hay bị cảnh cáo là tại sao học đổi ngành mà không thông báo cho sứ quán kịp thời, không gia hạn thông hành đúng lúc....

Nhưng tất cả đối với Dũng chỉ là một sự chịu đựng. Tất cả Dũng đều có thể chịu đựng được nhưng chỉ có tài chánh là chịu đựng hết nổi thôi vì lẽ Dũng không còn được chuyển tiền từ Việt Nam sang đều như xưa nữa.

Dũng nhớ có một lần lúc đóng tiền vào trường bị thiếu khoảng 30.000 yen tương đương với 300 DM, chạy đáo chạy để cho đủ tiền để vào trường nhưng cuối cùng tuyệt vọng. Dũng có hỏi thăm Tiến và Thầy Minh Hải nhưng chả ai còn tiền và Tiến mách Dũng:

- Nên hỏi thăm Bác Tính thử sao?
- Minh có hỏi rồi nhưng ông ta đòi điều kiện này nọ.
- Điều kiện như thế nào?
- Ông ta bảo là tiền phải để làm những việc cần trong nay mai.
- Thì mượn đỡ vài ngày thôi; nếu không đóng tiền đủ trong thời hạn nhà trường ấn định thì bị gạch tên đó.

- Đành rằng thế nhưng biết làm sao hơn bây giờ.
- Thôi Dững hãy đi với mình.

Dững mừng vì sẽ được Tiên giúp cho phen này nhưng cũng không yên dạ vì chắc gì ông ta sẽ cho mình mượn tiền. Cuối cùng Dững được toại nguyện và Dững đã ký một loại giấy tờ bảo đảm phải trả số tiền ấy trong vòng 10 ngày. Trong đời Dững chưa có lần nào bị đối xử tệ hại như thế cả, vì Dững là một người tu mà ông này lại là một Phật tử thuần thành với đạo. Do đó nên Dững buồn nhiều lắm nhưng cố nén lòng vì Dững nghĩ nhiều về những triển vọng học vấn trong tương lai. Tương lai Dững trong hiện tại chỉ gói trọn trong điều kiện này thôi. Do đó Dững thật thảm não khi nhận mượn món tiền ấy.

Mặc dầu Dững đã được trong định kỳ mười ngày mới phải trả nhưng sau đó Dững đi làm, và trả lại cho ông ta trước kỳ hạn 3 ngày. Nhờ thế Dững đã thoát được một con đường gạch nối.

Cũng chính vì vấn đề tài chánh cứ ám ảnh Dững hoài nên có ảnh hưởng đến sự học rất nhiều và nhất là khi những giọt mưa đầu hạ bắt đầu rơi là bắt đầu một sự đau thương trong lòng Dững.

Ngày đầu tiên Dững đến chùa Honryuji ở thành phố Hachioji với Tiên, gặp vợ chồng Thầy trụ trì S. Oikawa ở đây. Chắc các bạn sẽ ngạc nhiên lắm khi nghe người tu Nhật Bản có vợ có con? Dững xin trình bày thêm cho bạn hiểu về một vài nét chính của chuyện này.

Ở Nhật trong hiện tại, hay nói đúng hơn kể từ sau thời kỳ Minh Trị duy tân đất nước (1868 tất cả mọi cơ cấu xã hội đều biến đổi theo đà tiến bộ của sự cải cách đó.

Phật giáo cũng chịu chung một số phận và kết quả là các nhà tu Nhật Bản bắt đầu lập gia đình với người thế tục và việc sinh sản con cái được duy trì cho đến bây giờ. Việc này đối với người Phật tử Việt Nam thật buồn cười và có lẽ ít người có thể hiểu được vì lý do gì mà có chuyện này nhưng đây là chuyện thật, không bịa đặt chút nào. Hiện tại chỉ còn một số tông phái tu hành chân chính mới không lập gia đình, còn ngoài ra khoảng hơn 80% tu sĩ đều lập gia đình. Thông thường nếu gia đình đó sinh được con trai đầu lòng thì chính người con trai đó sẽ lên kế vị trụ trì cho thân phụ khi qua đời. Bằng không, nếu gia đình đó chỉ có con gái thì người chồng tương lai của cô con gái này bắt buộc phải theo Phật giáo và phải học tập để trở thành trụ trì cho ngôi chùa đó. Nếu gia đình không có con, sau khi chết thì ngôi chùa ấy để lại cho tông môn trông nom và ngôi chùa này sẽ đem cất cử người đến lo hương khói và hướng dẫn Phật Tử nơi này. Cho nên ở Nhật hầu như không có chế độ phát tâm xuất gia để trở thành một tu sĩ, mà chỉ được nối dõi tông đường của vị trụ trì trước mà thôi. Ngày xưa khi Dũng ở Việt Nam thường hay nghe danh từ "tân tăng", nhưng khi qua đến Nhật Dũng đề cập đến danh từ này thì chả có người Nhật nào hiểu cả. Vì đối với họ chuyện lập gia đình có con cái đã hơn một thế kỷ rồi đâu có gì mới lạ mà bảo rằng "ông Thầy tu mới". Nhưng xét cho kỹ thì cách đó 7 thế kỷ về trước cũng đã có phái tu được quyền lấy vợ có con do ngài Thân Loan Thánh nhơn (Shinran Shonin) đề xướng chứ đâu có mới mẻ gì. Nên không biết rằng ai đã đặt ra danh từ "tân tăng" riêng Dũng thì mù tịt. Hiện nay cũng còn một số cơ quan báo chí Việt Nam khi đề cập đến những tu sĩ như thế này vẫn còn dùng danh từ trên. Vì ở họ không có "cựu tăng" thì dùng chữ "tân tăng" không còn có giá trị nữa. Nếu so

sánh với tu sĩ Việt Nam thì danh từ trên có thể dùng được, nhưng đối với Nhật có lẽ dùng gọi như thế vẫn hơn.

Đó là vài nét đại cương về Phật Giáo hiện đại của Nhật Bản.

Dững nhìn người đàn bà vợ của Thầy trụ trì ngôi đối diện với Dững. Dững cảm thấy sao đâu khó có thể diễn tả được, mặc dầu Dững đã ở Nhật gần một năm rồi nhưng Dững chưa nghe ai nói đến chuyện này cả. Xứ Nhật nhỏ nhưng có lẽ nhiều tường thành bao bọc quá nên khó có thể lọt tai ra ngoài chẳng. Dững suy nghĩ vẫn vợ và đưa mắt nhìn chung quanh gian phòng khách. Cách bày trí của gian phòng trông đơn giản nhưng rất đẹp mắt. Một chiếc Piano kê sát vách tường bên phải, bên trên để một chồng nhạc lý kể cả nhạc ngoại quốc. Chính giữa là một bộ ghế xa lông không mấy đắt tiền, nhưng rất dễ thương được bày xếp chung quanh một bàn khách bằng gỗ được đánh bóng láng. Ngoài ra một số sách vở Hán, Nhật, Anh, Pali cũng được xếp ngăn nắp trong tủ kính kê sát bức tường đối diện với chiếc Piano. Gian phòng khách chỉ chừng ấy đồ dùng được bày biện, và chính những đồ vật rẻ tiền này đã cho Dững hiểu rằng mặc dầu chùa này giàu có nhưng ít khoe khoang bên ngoài. Dững đưa mắt nhìn sang Thầy trụ trì thấy cách phục sức của ông ta rất tầm thường, còn bà ta thì môi son má phấn và trông còn khá đẹp so với tuổi 40. Sau này Dững mới hiểu tại sao mấy vị tu sĩ Nhật đều có vợ đẹp cả. Vì một lý do rất giản dị dễ hiểu là các ông này giàu có hơn người thường. Họ chỉ là những người vợ như bao nhiêu người vợ khác, nếu tìm đạo tâm ở họ thì ít khi bắt gặp lắm. Một người đàn bà đẹp dầu có lấy một ông chồng giàu có ở ngoài xã hội đi chẳng nữa cũng không có

uy danh và được có kẻ hầu người hạ như làm vợ một ông trừ trừ.

Thỉnh thoảng Tiên nói chuyện với hai người và cười thành tiếng, còn Dũng đang miên man trong mấy ý nghĩ. Vì tiếng Nhật lúc đó Dũng chưa hiểu rõ mấy, có nhiều đoạn Tiên phải dịch cho Dũng nghe và câu trả lời của Dũng đương nhiên đã gặp phải rất nhiều lỗi văn phạm.

Một hồi sau Tiên từ giã hai người ra về. Dũng ở lại với nhiều niềm vui lẫn nỗi buồn đang ngự trị trong tâm khảm mình. Dũng cảm thấy vui vì được sống trong chùa khỏi phải lo chuyện cơm nước, ăn ở, nhưng buồn có lẽ vì ngôn ngữ chưa rành không biết rằng mình có làm những gì để họ phật lòng không!!! Bao nhiêu câu hỏi cứ lảng vảng trong đầu óc Dũng, nhưng chưa có một câu trả lời nào xứng đáng được thay vào đó cả.

Dũng đi dần về phía chánh điện. Ngôi chùa này kiến trúc theo kiểu Nhật hoàn toàn, bên dưới nền chùa lót bằng chiếu và những bức tường đều bằng gỗ. Ở giữa một pho tượng lớn, đó là tượng của Ngài Nhật Liên Thánh Nhơn "Nichiren Shonin", phía trước tả hữu thờ Văn Thù, Phổ Hiền và chính giữa trên cùng thờ một bài vị với mấy chữ Hán "Nam mô diệu pháp liên hoa kinh". Bên bàn phía dưới có kê những bàn đọc kinh thật thấp vừa tầm người ngồi đối diện với nhau. Hai bên tả hữu phía trước đặt 2 quả chuông, mõ cỡ thật lớn như chuông gia trì có trong những chùa Việt Nam. Tiếng mõ nghe chẳng trầm hùng chút nào cả mà còn làm Dũng khó chịu nữa.

Qua hành lang chùa Dũng thấy những ngôi mộ của đàn gia và tín gia được hỏa táng và xây thành từng cụm cao thấp đó đây. Vườn chùa rộng có nhiều cây anh đào

trông dễ thương mát mẻ nhưng một cảm tưởng khó chịu nào đó đã đưa lên tận óc não của Dũng và đã làm cho Dũng rợn gáy đến cả mấy lần. Không phải vì Dũng hình dung ra các tử thi trong trí óc, nhưng đâu đây nghe như có tiếng than của người chết và tiếng khóc thương của người tại thế. Dũng liên tưởng đến con người, đến cái vô thường của sự sống chết, tử biệt sinh ly và những khổ đau chồng chất khác. Dũng được Thầy trừ trì hướng dẫn đi thăm tất cả những nơi cần giới thiệu từ chánh điện, nhà trừ, nhà tắm, nhà bếp và cuối cùng là chỗ của Dũng sẽ ở cũng được Thầy trừ trì giới thiệu vị tu sĩ người Tích Lan cũng hiện đang ở trong chùa và bốn đứa con của ông ta-hai trai hai gái. Đứa con lớn nhất chừng khoảng 12 tuổi và đứa gái út chừng 4 tuổi. Đầu tiên là Dũng làm quen với những đứa trẻ này, vì trẻ nhỏ bao giờ cũng dễ chịu hơn người lớn nên không khó khăn mấy khi Dũng lại gần chúng. Con nít Nhật thường khác hơn con nít Việt Nam là chúng dạn dĩ hơn và hỏi đâu đáp đó. Có nhiều câu hỏi Dũng đã đặt ra nhưng chúng không hiểu vì Dũng thường hay lấy những câu trong sách vở học được để hỏi chúng, do đó chúng chả hiểu mô tê chi hết, sau đó mẹ chúng phải dịch lại ngôn ngữ con nít chúng mới hiểu. Dũng tự buồn cười có cái việc học Nhật ngữ của mình.

Dũng chậm rãi bước vào căn phòng sắp ở của mình, nếu Dũng đoán không lầm, gian nhà này đã được xây trước đệ nhất thế chiến, trông phenh vách, trần nhà và sân nhà đều cũ mục hết. Tuy thế Dũng đã cố gắng lau chùi sạch sẽ để có thể ở lại đây trong đêm đầu tiên không người thân thuộc ấy. Gian phòng nhỏ chỉ có thể để một bàn học, một ít sách và để một cái nệm trong lúc ngủ là thấy chật chội lắm rồi. Nếu có thêm một người khách

trong lúc này chắc Dũng không có chỗ chứa, nhưng may rằng lúc mới đến đây Dũng không có bao nhiêu bè bạn nên chuyện đó cũng không có gì đáng lo lắng.

Những người ở chùa này trước Dũng họ đã chỉ vẽ cho tường tận cách thức làm việc cũng như những công việc làm hàng ngày của Dũng. Dũng vâng theo một cách trung thành và làm như một đứa trẻ không suy nghĩ.

Hằng ngày Dũng phải làm những công việc như: Sau khi thức dậy tập tụng kinh bằng tiếng Nhật với Thầy trụ trì, sau đó lau chùi quét dọn nhà cửa, xong đâu vào đấy là giờ ăn điểm tâm. Chùa rộng thênh thang nhưng chỉ có 3 người lau chùi quét dọn. Mỗi sáng Dũng phải mất hơn một tiếng đồng hồ. Người Nhật thường dùng điểm tâm và bữa trưa nhẹ so với buổi tối. Buổi cơm sáng thường có canh tương đậu nành nấu với khoai tây hay cải bẹ, một cái trứng cho mỗi người và một ít rong biển. Buổi trưa người Nhật đi làm thường hay ở lại sở nên họ mang theo thức ăn hoặc ăn cơm tiệm. Họ thường hay ăn trưa bằng một thứ mì giống như bún của Việt Nam, màu trắng nhưng sợi to hơn gọi là Udon ăn với Oden hoặc những loại rau củ khác được cho lên trên. Ngoài ra cơm nắm rất được thông dụng cho bất cứ giai tầng nào trong xã hội người Nhật. Họ thường nắm cơm với muối, ở chính giữa để một vài hạt muối mặn hoặc một vài loại rau cải, thịt, cá đã kho khô. Bên ngoài được bao lại bởi những lá rong biển đã được hơi cho nóng trước khi đem nắm. Buổi cơm tối tương đối thịnh soạn hơn gồm từ 3 đến 4 món. Những món xào hay canh nấu với đậu hủ thì không chỗ nào chê, nhưng không biết tại sao bất cứ món ăn nào của người Nhật cũng đều có vị ngọt cả. Dũng hỏi kỹ những người làm bếp có bỏ đường vào trong lúc nấu không họ bảo là

có loại bỏ có loại không, nhưng sao đối với người ngoại quốc như Dững trông nó ngọt làm sao. Về mùa hè người Nhật thường ăn uống như Việt Nam nhưng lúc Đông sang họ có những lò nấu canh để ngay giữa bàn ăn trong bất cứ buổi ăn tối nào. Ban đầu Dững cũng hơi ngạc nhiên với loại này nhưng họ giải thích là: vì mùa đông lạnh nên phải ăn những vật nóng lên khói như vậy mới ấm bụng, Dững nghĩ có lý nên chấp nhận ngay. Dụng cụ này gồm một lò gas và một cái chảo bằng đất màu trắng, trông ngộ ngộ xinh xinh. Ban đầu họ cho nước lã vào nấu cho sôi lên, sau đó cho cải tần ô, cải bẹ trắng, tàu hủ hoặc thịt cá tùy theo sở thích của mình cũng như gia đình đó. Cứ thế vừa gấp vừa thổi vừa ăn. Ngoài ra họ cũng còn rất nhiều món ăn khác nổi tiếng như ăn cá sống, sò sống, mực sống v.v. Chắc các bạn sẽ ngạc nhiên về chuyện này lắm nên Dững kể luôn:

Vì ở xứ Nhật lạnh nên những chất tanh không mấy bốc mùi nên họ ăn một cách ngon lành và dễ dàng, chỉ những vùng nhiệt đới thì chuyện này có lẽ ít có xảy ra. Họ cho rằng ăn sống như thế tốt hơn là việc luộc đi hay xào nấu. Họ hay ăn một loại cá không chiên, chả xào mà cũng chả nấu gọi là Sasimi, cá này có màu đỏ, họ ăn chung với một loại rau khử mùi tanh và cứ thế mà dùng. Ngoài ra còn nhiều cách ăn ngộ nghĩnh như họ lấy một cái trứng gà sống đập cho vỡ rồi đổ lên trên một chén cơm đang bốc khói, rưới lên một ít xì dầu là họ có thể ăn một cách ngon lành. Mới lần đầu thấy mà đâm ra sợ nhưng rồi cũng quen dần đi. Cũng có nhiều người Việt Nam ăn theo kiểu này không được, nhưng có nhiều người đã quen mùi, quen vị và ăn một cách ngon lành như người Nhật. Đặc biệt ở người Nhật ăn thật nhanh, mỗi bữa ăn trung bình từ 10

đến 15 phút. Khi mới vào ở chùa Dũng thường phải nuốt trọng cho kịp giờ đứng dậy, nếu ngồi đó nhai thong thả như ở các xứ khác chắc người Nhật sau khi ăn cùng lúc với mình đã hoàn thành một vài công việc khác rồi.

Khi Dũng mới đến Nhật thấy người ta và xe cộ nhiều quá đâm ra sợ và lo. Đi đâu cũng thấy người là người chen chân không lọt. Có nhiều nhà ga như ga Đông Kinh hay Tân Túc "Shinjuku" mỗi ngày có trung bình từ 3 đến 500 ngàn người. Hằng năm cứ đến ngày mùng một tháng giêng, nhà ga này đã lên đến 3 triệu người đi lại, vì gần nhà ga có đền thờ vua Minh Trị, nên mọi người Nhật hay đi lễ đầu năm và đông như vậy.

Công việc buổi chiều của Dũng thường là lau chùi, dọn dẹp và nấu Ofuro - Ofuro là một nhà tắm - hay nói đúng hơn là một buồng tắm theo kiểu xưa. Nấu loại này cũng hơi khó, nếu nóng quá hoặc không đủ nóng cũng không thể được vì nếu không đúng nguyên tắc nấu thì khi tắm sẽ dễ bị cảm gió bất thường. Ở phần trước Dũng đã mô tả sơ qua Ofuro công cộng rồi và ở phần này Dũng chỉ trình bày một vài khía cạnh về Ofuro tư gia cho các bạn hiểu.

Bề ngang của Ofuro độ chừng 1m50, chiều sâu độ chừng 80cm. Thành của Ofuro là một loại đất được nung ở độ cao, do đó có thể nấu sôi trên 100°C cũng không hề gì. Bên trên có một ống dẫn khói để mang khói ra từ phía cửa lò bên dưới. Khi đun đến một độ cao phải dừng lại rồi hoà nước ấy với nước lạnh còn ấm chừng độ 36 °C là vừa. Khi đã hoà xong, từng người một cho tất cả thân người vào ngâm một hồi lâu ra chà xà phòng, rồi trở vào ngâm

một lần nữa là xong. Vì Ofuro tư gia nên rất chật hẹp do đó chỉ tắm từng người một chứ ít khi tắm chung.

Những ngày đầu ở chùa của Dũng thật bỡ ngỡ khó chịu nhưng dần dần rồi cũng quen đi với nếp sống chùa chiền của Nhật. Độ vài tuần lễ sau Dũng bắt đầu đi học, một trường Đại học nằm cùng trong tỉnh, Ngành Dũng học đa số là nữ giới. Đó là ngành giáo dục học, học để sau này đi làm nghề gõ đầu trẻ hoặc viết sách nên con trai ít ham cũng nên. Những giờ học đầu tiên Dũng không hiểu ất giáp gì cả, vì khả năng Nhật ngữ của Dũng chả thấm vào đâu so với sự giảng dạy ở đại học của những giáo sư này. Dũng có vênh tai lên để nghe cho rõ, nhưng những danh từ giáo dục quá mới đối với Dũng, nhiều lúc Dũng cố lắng lòng ngồi yên lại hết sức để nghe Thầy giảng bài, nhưng bài học đã chả vào được một chữ nào trong hồn Dũng, thay vào đó những ý nghĩ viển vông về bạn bè, về kỷ niệm lại ngự trị Dũng một cách dễ dàng. Dũng cũng đã có nhận những bức thư từ bạn bè mà đa số ở cuối thư thường hay viết những câu như "thư này được viết trong lớp học, trong giờ.... của Thầy.... " hoặc là "vì lời Thầy giảng không ăn nhịp vào tai nên mới có thư này cho...". Đó là kết quả tiếng Nhật quá khó đối với bọn Dũng lúc bấy giờ, và cũng chính vì lời Thầy không ăn nhịp vào tai của những người ngoại quốc như Dũng nên mới xảy ra những chuyện như trên, nhiều lúc Dũng chờ ông Thầy viết lên bảng đen vài câu trong lúc ông ta giảng hoặc viết đầu đề của bài giảng hôm ấy là Dũng vui rồi, vì nếu ông ta viết lên trên bảng thì dầu sao đi nữa cũng hiểu được ít nhiều về nội dung của bài giảng. Nhưng đau đớn thay mỗi lần chờ là mỗi lần thất vọng, ông ta đặt tay lên bảng đen trong bụng Dũng đã mừng thầm chuẩn bị bút

mục để viết, nhưng có bao giờ ông ta viết cho rõ ràng đâu. Nếu là chữ Hán viết nhanh Dũng còn có cơ để mò ra nhưng nếu là chữ Nhật thì hình như đều mù tịt, vì chữ Nhật đã khó so với người mới học mà còn viết kiểu ngoằn ngoèo như vậy thì có trời mới hiểu, chứ còn những người như Dũng thì xin đầu hàng vô điều kiện. Có nhiều Sinh viên Nhật cũng chả hiểu gì về những chữ ông Thầy đã viết lại quay ra chúng bạn để rõ gọn ngành. Nhiều lúc Dũng cũng làm công việc ấy nhưng xem chừng vài chữ cũng còn đỡ, chứ xem cả trang mà phải viết lại hết thì đứt cả mắt. Có nhiều bữa trong người khỏe, hoặc thấy ông Thầy giảng đề tài hay Dũng lại mang vở của chúng bạn về nhà chép lại, có lúc chép được nhưng có lúc mượn về rồi sau một tuần lễ đem trả lại cho chúng bạn, vở mình vẫn còn toàn là những ô vuông, gạch trắng. Cũng có lúc lắm người Nhật đem cả máy Cassette vào trong lớp để thu âm bằng những gì ông Thầy đã giảng, mà Dũng tin rằng về nhà chắc không bao giờ họ đá động tới cuốn băng ấy, cứ để mãi đó và đến giờ học khác lại mang băng vào trường thu âm.

Học như thế này Dũng cảm thấy chán nản vô cùng, trong khi ấy tìm một người bạn để làm quen không phải là một chuyện dễ. Có nhiều người thấy Dũng ăn mặc lạ họ đến hỏi từ đâu đến hiện ở đâu... rồi họ cũng lặng lẽ ra đi như bao nhiêu người khác đã đến hỏi Dũng và cũng chưa có người nào đầy đủ nghị lực để ngồi lại với Dũng chừng 20 phút để nghe Dũng cà kê dê ngỗng bằng một loại tiếng Nhật không đúng văn phạm mấy. Có lần Dũng đã nghe một ông Thầy giảng rằng: ở đời có hai người: loại người chánh thường thường và loại người dị thường. Những ông giáo sư đại học thuộc về loại người thứ hai. Dũng suy

nghĩ về câu nói này và sau này cảm thấy Ông thầy ấy nói có lý. Cũng như Việt Nam ta ngày xưa, những ai hay gân, bướng bỉnh, nói những câu không ai hiểu hết thì gọi đó là triết là luân lý, nhưng khi bàn đến ý nghĩa thì chả ai giám vào đề vì họ cho rằng đi qua sự hiểu biết của họ. Ở đây cũng vậy, những giáo sư đại học họ cũng muốn tỏ ra rằng sự giáo dục ở Trung học và đại học khác nhau, nên họ cứ thế mà thao thao bất tuyệt giảng bài trong lúc học sinh thì ngơ ngác không hiểu gì cả, đến cuối giờ thầy xếp sách lại ra về, trò ôm trong lòng một số nghi vấn thật lớn. Lỗi giáo dục như vậy cũng có thể gọi là lỗi giáo dục dị thường, hay nói đúng hơn con người của ông ấy dị thường. Dững suy nghĩ câu nói của ông thầy dạy luân lý năm thứ nhất ngày xưa mãi và cho đến bây giờ vẫn còn thấy nó đúng.

Độ hai, ba tháng sau Dững quen một người tên là Yamada người này tính nết dễ thương, học lực trung bình và có nhiều điểm đáng chú ý ở hắn ta, mãi cho đến ngày nay hắn là người bạn thân nhất của Dững trong khi ở Nhật cũng như khi rời khỏi Nhật. Đã có nhiều lần Dững đến nhà hắn tại tỉnh Nigata cách xa Tokyo chừng 700 cây số về phía tây bắc. Tỉnh nằm ven biển Nhật Bản. Về mùa đông tuyết phủ đầy, có khi lên đến năm hay sáu mét. Dững đã đến đây vào những ngày giữa mùa đông với bạn bè ở lại nhà hắn, đi trượt tuyết và thăm phong cảnh v.v... Dững còn nhớ có lần Yamada dẫn đi trượt tuyết cùng Ioda. Lần đầu tiên trong đời Dững và cũng là lần đầu tiên bị quẹo giò. Ban đầu Yamada tập cho Dững đi trên những gờ trượt thấp, lúc xuống gò cảm thấy thoải mái, nhưng khi bò lên gò bằng hai gọng trượt ,Dững cảm thấy như mình uể oải làm sao, nhiều lần Dững cố lắm nhưng mới bò lên được lưng chừng đồi lại bị trượt trở xuống. Đau nhất là

những cú té về phía sau, mặc dầu tuyết dày nhưng thân hình Dũng cảm thấy như bị lọt vào trong lòng tuyết. Những cú té về phía trước thật đau và nguy hiểm nhất phải nói là nơi cổ chân, vì đôi giày trượt tuyết có cái ỏ rất cao để giữ vững hai chiếc cán trượt, do đó khi ngã về phía trước đau đớn vô cùng. Cuối cùng Dũng leo lên gò một mình và trượt xuống một cách tự nhiên tuy không thành thạo lắm, Yamada thấy nóng lòng quá muốn Dũng phải trượt cho giỏi, nên một tay hắn nắm tay Dũng và lôi Dũng theo hắn ta, nhưng mỗi lần xuống dưới một dốc cao là hồn vía Dũng bay đi đâu mất. Dũng nhìn khoảng không gian vô tận ấy và cảnh núi đồi trùng điệp phủ lên một màu trắng xóa cảm như thấy cái lạnh nó buốt đến tận xương tủy của mình, hay nói đúng hơn cái sợ hãi làm Dũng ớn ớn lạnh nơi gáy ốt. Mỗi lần xuống dốc Dũng la ới ới, nhưng Yamada vẫn cứ bảo là không sao. Đi kèm sau Dũng là Ioda - người bạn cùng học một lớp - cũng là người trượt tuyết rất giỏi.

Không may cho Dũng khi đến một triền núi độ dốc sâu thăm thẳm Yamada buông tay Dũng ra trong cơn vô ý nào đó, Dũng đã không giữ được thăng bằng ở hai chân và thân hình Dũng giao đi giao lại mấy vòng nghiêng ngửa trước khi té. Hai cây thanh trượt tuyết dài như thế mà con người nhỏ bé như Dũng thế kia đã bị nó cuống tròn mấy bận, chân đau nghiêng mặt lấm đầy tuyết trắng. Đôi cánh tay yếu ớt thế kia muốn bám víu vào một cái gì đó, nhưng những bụi cỏ dốc triền núi không có khả năng để làm ngăn cản độ rơi của Dũng khi tay Dũng quơ vào chúng. Dũng bị té xuống một cái trũng ở giữa triền đồi, một cái cán trượt đã rời khỏi chân mặt lúc nào không hay biết, Yamada và Ioda đến đỡ Dũng dậy nhưng không tài

nào đứng lên được. Yamada và Ioda hỏi thăm rồi rít. Dững trả hỏi rằng là chả có sao cả nhưng thật sự bắp đùi và hai cổ chân Dững nhứt dữ dội. Yamada cũng chả vừa bảo Dững rằng : "Nếu đi hai cán trượt không được nữa thì nên ngồi vào xe trượt để hấn kéo đi. Dững vui lẫn với cái vui của hấn và đã đồng ý ngồi lên xe kéo, nhưng chẳng được bao lâu Dững như cảm thấy chân mình nhứt nhối lạ thường phải đoạn bảo Yamada :

- Chắc mình phải về nhà mất.
- Có sao đâu, cứ ráng thử xem sao.

Nhưng vô hiệu Dững thấy chỗ bị đau sưng vù lên và nóng hừng hực, mặc dầu Dững đang ở trong độ lạnh của tuyết rơi. Thế là bọn Dững rời nơi trượt tuyết trở về phòng ăn. Hôm đó ăn ngon lành và quên cả đau nhứt, có lẽ cái gì ngon miệng làm vui đi một ít nghĩ ngợi về chuyện khác.

Một hồi sau bọn Dững về nhà, Yamada dẫn Dững đi rọi kiến. Trong lúc rọi tìm Dững đập liên hồi, trong bụng thì nghĩ rằng nếu có điều gì không may bị gãy xương thì hai cái chân này sẽ bị băng bột mấy tháng Nhưng bao nhiêu hồi hạp đã đền bù lại cho Dững một nỗi vui mừng xứng đáng là sau khi rọi xong vị bác sĩ già bảo Dững là không có sao cả, chỉ có giầy gân bên cổ chân mặt bị sai đi một chút, nên cố tịnh dưỡng, uống thuốc một tuần sau sẽ lành. Dững vững dạ và làm theo những gì bác sĩ đã dặn.

Những ngày sau Yanada và Ioda vẫn ra bãi cũ để trượt tuyết còn Dững ở lại nhà Yamada với mẹ hấn ta. Phòng Dững ở trên tầng hai nên mỗi lần di chuyển là một cực hình đối với Dững. Chiếc cầu thang bằng gỗ người nhà lau chùi láng bóng, nhiều lúc Dững bước đi nhưng sợ

trượt nên vịn vào thành cầu một cách cẩn thận. Mẹ của Yamada thấy Dũng khổ sở như thế nên bảo là hay ở từng một với ông bà, nhưng Dũng nhứt định không chịu. Theo Dũng nghĩ rằng ở từng hai vẫn hơn vì nơi đó yên tĩnh và đi lên đi xuống cầu thang cũng là một dịp tốt để Dũng tập thể dục cho giầy gân ở phía cổ chân phải quen đi với nhịp bước, cuối cùng bà ta chiều ý Dũng.

Dũng ở lại đây hơn một tuần để tịnh dưỡng và cũng chính tuần này Ioda thầm yêu em gái của Yamada. Nàng có nước da trắng mịn, mũi cao, mắt đen dễ thương và trông rất thùy mị. Có mái tóc đen óng mượt xoã khắp bờ vai. Ioda vẫn thường khen cô nàng với Dũng về những vẻ đẹp ấy.

Có hôm Dũng buồn vì bệnh, Ioda lại cạnh giường Dũng và hỏi thăm ý kiến:

- Dũng nghĩ thế nào về em của Yamada?
- Mình thấy cô ta cũng dễ mến.
- Mình cũng nghĩ thế, nàng có lỗ mũi đẹp hơn bất cứ người nào.

Dũng mỉm cười trong yên lặng, và cứ thế để Ioda tâm sự với mình. Chàng là một thanh niên Nhật tuổi mới biết yêu, nhưng không dám thổ lộ tâm tình với người khác, phải đem chuyện ấy nói với Dũng, không biết rằng làm như thế có lẽ Ioda an tâm hơn hay được trút bớt những gì anh ta muốn nói về nàng mà không dám nói thẳng. Dũng thương hại cho tất cả những mối tình và có lẽ mối tình của hai người này chỉ trong một tuần mà đã coi mòì đậm sắc. Ioda thường cố làm quen gọi chuyện và ngồi gần cô ta, nhưng cách gọi chuyện của Ioda chán

phèo, nhiều lúc trông buồn cười nhưng chả giám nói, vì cứ để nguyên như vậy Ioda dạn dĩ hơn. Dũng yên lặng và lắng nghe những câu hỏi không ăn khớp của Ioda cũng như những câu trả lời của cô em Yamada.

Một buổi tối nọ Yamada rủ Dũng đi trượt tuyết đêm, Dũng viện lẽ từ chối vì chân chưa lành, còn anh chàng Ioda đã mời được cô em Yamada cùng đi nên ra mặt hí hửng bảo Dũng:

- Đi với chúng tôi cho vui.

- Mình vẫn còn bệnh, thôi các anh và cô ấy cứ đi, có gì hay về kể cho mình nghe với.

Ba người lái xe Jeep đi trong bóng đen của đêm đông còn Dũng ở nhà với cha mẹ của Yamada xem tivi rồi ngủ, trong giấc ngủ chập chờn của những sự lo âu vẫn vợ khó tả.

Cách đó vài ngày Dũng và Ioda về lại Đông Kinh. Riêng Dũng mang theo nỗi đau đớn của thân thể, còn Ioda mang theo nỗi nhớ thương của tình yêu đầu đời. Họ nói chuyện với nhau thật nhiều, có nhiều lúc tiếng động của xe chạy vào hầm làm át cả tiếng nói của họ, nhưng Ioda vẫn miêng mang nói và tả về người tình mà anh ta đã gặp hơn một tuần nay. Dũng không tò mò nhiều về chuyện đó nên đã không hỏi Ioda. Và lại chính Dũng cũng chưa gặp chuyện ấy lần nào nên cũng không biết được nỗi xuyên xao khi người con trai tỏ tình với người con gái hay ngược lại.

Một ý nghĩ vẫn vợ nào đó đã hiện ra trong trí óc Dũng lúc nhìn những người yêu nhau không thành sinh ra ly dị, hoặc tự tử hoặc ân hận suốt đời... mà cửa thiên môn

cũng đã bao lần mở rộng để đón nhận những linh hồn đau khổ ấy, nhưng cũng chính họ từ già của thiên đê ra đi một cách mau chóng - và vĩnh viễn, vì họ không chịu đựng nổi sự sống khắc khổ của một người tu hành, hay nói đúng hơn không vì lý tưởng, không vì sự tình nguyện mà đi tu thì kẻ ấy dễ bị đời cám dỗ và dễ dàng sa ngã trước sắc đẹp của đàn bà hay ngược lại. Dững biết "Tu là cội phúc, tình là giây oan", nên Dững chỉ có quyền nghe những kẻ khác trần tình về những chuyện tình duyên đan dở của họ, Dững không có quyền đi sâu vào chuyện ấy và Dững cũng không muốn dối trá lòng mình và Dững cũng không muốn làm hài lòng đối phương khi họ tò mò muốn hỏi về chuyện ấy. Dững biết Ioda cũng đau khổ lắm, cái đau khổ của kẻ mới biết yêu mà đã bị chia lìa, cái khổ của tình yêu man dại của đôi nam nữ ở lứa tuổi dậy thì...

Dững trở lại chùa trong sự trầm mặc, cố làm ra vẻ không có chuyện gì đã xảy ra trong khi đi trượt tuyết, nhưng bà vợ của vị thầy trụ trì hay chú ý về cách đi của Dững. Khi đi ít ai có thể đoán rằng Dững đã bị trật giây gân nơi chân phải, nhưng khổ nỗi lúc chạy Dững phải kéo lê đôi chân. Người đàn bà nào cũng tài tình và tỉ mỉ hết, Dững nghĩ thế và trả lời một cách gượng gượng.

- Tôi chỉ đau sơ sau nhiều ngày trượt tuyết chứ chả có gì, bà hãy an tâm .

Trở lại cuộc sống bình thường, Dững không cảm thấy vui vẻ, vì cái gì cũng đều bị khép vào khuôn khổ cả. Sáng dậy tụng kinh, dọn dẹp, chiều nấu ofuro, tối lại học bài, viết thơ... Thời gian thấm thoát thế mà đã hơn ba tháng rồi. Hôm nay có một tu sĩ mới vào ở chùa này tên là Matsunaga, thua Dững độ năm hay sáu tuổi nhưng học

cao hơn một lớp. - Matsunaga con của một vị tu sĩ người miền nam Nhật bản - tính tình dễ thương , nhưng khổ nổi là hay ngủ nướng. Mấy hôm đầu mới đến Matsunaga chăm chỉ lắm, dậy đúng giờ và hay tụng kinh vào buổi sáng trước khi lau chùi nhà cửa, nhưng độ một tuần sau, bên cạnh phòng Dững mặc dầu chiếc đồng hồ báo thức reo inh ỏi, nhưng Matsunaga vẫn không động tĩnh gì ráo. Dững thấy thế hay gọi dậy nhưng độ mấy tuần sau nữa chính mình không thích làm chuyện ấy, tại vì mỗi người đều có bổn phận và trách nhiệm riêng của chính mình và lại cứ để yên như vậy. Lúc dọn dẹp mặc dầu không có Matsunaga làm, Dững và vị sư người Tích Lan (Vipassi) cũng làm nốt, nhưng đến giờ ăn sáng nào Dững cũng thấy sự hiện diện của Matsunaga. Mình không hiểu tại sao có chuyện này được, nhưng nghĩ cho cùng Dững cũng chỉ là một người ở đợ trong chùa Nhật không hơn không kém, đâu có quyền gì hống hách với người ta, những bữa cơm như thế Dững thấy mất ngon, vì bà vợ ông thầy trừ trừ hay nói soi nói bói, nhưng hẳn ta cũng tỉnh như không có sự gì đã xảy ra. Trong chùa ai ai cũng phải làm việc, cũng dậy một lúc, đàng này hẳn ngủ ngon lành để rồi cùng chung mọi người ngồi ăn cơm. Thấy thầy trừ trừ vẫn không nói gì cả, chỉ có bà vợ là chí choa chí chóa. Dững không tin rằng người đàn bà nào cũng thế, nhưng có lẽ người đàn bà ở bất cứ xứ nào cũng vậy. Tục ngữ của Nhật có câu: "nhiều người góp lại thành trí tuệ của ngài Văn Thù" nhưng cũng có lắm câu ý để ám chỉ người đàn bà như: "ba người đàn bà họp lại giống như một cái chợ". Dững hiểu những điều này và cảm thấy thương họ hơn, vì số kiếp an bày cho họ như vậy. Có nhiều người đàn bà lừng danh trong lịch sử, nhưng cũng có lắm việc không nên có sự có mặt của người đàn bà, họ sẽ làm hư chuyện đại sự hết.

Matsunaga sau này bọn Dững thường gọi hấn bằng tiếng Việt là "thằng móm" vì có cái miệng hơi móm, lúc nào cũng thấy như u lên như muốn nói chuyện gì. Hấn bị cận nặng nếu gỡ kiếng đeo mắt ra hấn sẽ không thấy gì cả, nhiều lúc ngủ trưa hấn vẫn thường hay mang kiếng, và cứ mỗi sáng khi hấn mở cửa vào nhà bếp là hấn lấy kiếng xuống lau một lúc. Đó là thói quen cố hữu của hấn hay nói đúng hơn, trời bên ngoài ở nhiệt độ thấp, khi vào bên trong nhiệt độ tăng đột ngột có nhiều hơi nước, nên mặt kính mờ đi, do đó bắt buộc hấn phải lau lại một lần trước khi ngồi xuống ghế.

Những bài tụng kinh buổi sáng trước khi ăn cơm như : "Teno Sanko..." hấn thuộc hơn Dững, nên Dững ghé tiếng mình vào hơi hấn một cách tài tình, không bị sai chỗ nào cả. Nơi nào Dững không thuộc là làm im ngay hay cố đưa giọng mình cho dài ra là át đi một câu kinh rồi.

Bây giờ có Matsunaga Dững cũng đỡ chột dạ bớt, vì hấn có thể mặc áo tu sĩ Nhật tụng kinh đám ma một cách thông thạo, chẳng bù như Dững lúc mới vào ở chùa Nhật chưa thuộc một câu kinh tiếng kệ nào, nên mỗi lần thầy trò trì tụng phải đi cúng nhiều đám trong một ngày, trong khi đó Dững lại rảnh rang. Do đó những bữa cơm chiều Dững được học những bài luân lý khá tỉ mỉ, nào là : Thầy trò trì tụng phải đi cúng đám mới có cơm gạo cho các ông ăn, nào là nhà cửa của mấy ông ở đây cũng do sức lực của thầy trò trì tụng lấy... Dững nghe những lời này của bà vợ thầy trò trì tụng như xé nát tâm can nhưng Dững vẫn làm thinh vì không có phương pháp nào hơn nữa, chỉ cố gắng làm việc thật nhiều để làm hài lòng người đàn bà này, nhưng tất cả đều vô hiệu.

Những ngày sau này, mặc dầu Matsunaga ngủ nướng, không làm việc chùa như Dũng nhưng hắn vẫn được cưng chiều hơn, không phải vì hắn là người Nhật, nhưng vì hắn là người có thể làm ra tiền cho chùa khi đi cúng đám, còn bọn Dũng chỉ là những người ăn bám vào chùa thôi. Thái độ của bà vợ ông ta càng lúc Dũng càng cảm thấy rõ và cũng chỉ biết cắn răng chịu đựng. Ngôn ngữ Dũng không hiểu hết, nhưng hành động của họ Dũng hiểu khá nhiều. Sau đó Dũng âm thầm mang quyển kinh tiếng Nhật vào phòng học nhưng chả có chữ nào đọng lại trong óc của Dũng cả vì một lý do giản dị dễ hiểu là khả năng tiếng Nhật còn quá kém nên không thể đọc một câu kinh thông suốt được. Nhiều lúc Dũng nhờ Matsunaga chỉ hộ, nhưng nhiều lúc tủi thân Dũng chả làm nên tích sự gì. Dũng không nghĩ rằng học như thế để kiếm được nhiều tiền mà ý nghĩ đơn giản nhất của Dũng lúc bấy giờ là làm cho bà ta vui là đủ rồi. Những gì dần vật nơi Dũng, tự cố trấn tĩnh mình và chịu đựng. Có lẽ đây là một trong những thử thách để chính mình có đủ nghị lực hay không. Nhiều lúc Dũng thầm nghĩ: Nếu thầy trò trì hay một người đàn ông nào khác la mình, điều đó Dũng không từ chối. Nhưng ở đây một người đàn bà học thức chả là bao, đạo tâm cũng không có nốt, chỉ có một chút nhan sắc ở ngày tàn tạ mà họ ra mặt dạy đời mình. Trước mặt bà ta Dũng thầm cảm ơn sự giúp đỡ tận tụy của vợ chồng bà nhưng trong thâm tâm Dũng bao giờ cũng ghê tởm và khinh bỉ những hạn người đàn bà như thế đấy. Vì những người đàn bà chỉ biết nghĩ đến tiền và tình hơn là đạo lý và khả năng kiến thức của mình. Cũng có lúc Dũng cảm thấy mình khắc khe và vô lý vì họ là người và mình cũng là người nên phải có quyền bình đẳng như nhau, nhưng sao những

câu an ủi này có vẻ như triết lý, còn thực tế bao giờ cũng phủ phàng cả.

Người đàn bà thường hay khôn vặt, hay nói đúng hơn muốn lên tiếng dạy đời kẻ khác để chứng tỏ rằng mình hiểu biết hơn người, làm như thế Dũng cũng chưa cho rằng hoàn toàn quấy vì bản tánh của người đàn bà nào cũng hiểu thẳng và ngạo mạn. Nếu được người khác phái hoặc đồng phái tâng bốc. Nhưng độc ác hơn có lẽ là những lúc có đông người, bà ta đem chuyện không đầu của Dũng hay của những người ở trong chùa ra dạy đời. Dũng thật tình nể Thầy trụ trì và vì sự thiếu thốn cùng cực của Dũng cũng như của vị sư Tích Lan trong lúc này. Nếu trong trường hợp và hoàn cảnh khác thì Dũng đã lớn tiếng cãi lại bà ta giữa đám đông người cho bỏ ghét, nhưng làm như thế chỉ để giải tỏa sự đè nén trong lòng Dũng thôi chứ tư cách của một người như Dũng không cho phép Dũng làm như thế. Dũng yên lặng ngồi nghe bà ta chỉ giáo như một đứa trẻ lên năm ngoan ngoãn ngồi nghe lời mẹ, mặc dầu trong ý nó chẳng muốn nghe những lời lý luận gàn như vậy bao giờ.

Những ngày lễ lớn bọn Dũng thường hay làm vườn, quét mộ, chùi cửa kính v.v. chùa quá rộng nên mỗi lần lễ như vậy Dũng tốn ít nhất cũng một tuần. Có nhiều buổi họp của Sinh Viên Việt Nam tổ chức nhưng Dũng cũng đều khát nót vì chùa đang bận hay nói đúng hơn ở nhà như thế làm việc để cho bà ta vui lòng và như thế Dũng mới có thể ngồi yên được trong những bữa cơm chiều....

Ở trường Dũng gặp nhiều vấn đề khó khăn, về chùa cũng gặp những chuyện không đẹp chút nào, nhiều lúc Dũng có ý định ra ngoài thuê một căn phòng để ở, vừa đi

học vừa đi làm việc có gì ăn nấy còn hơn là ở chốn thiên môn không một chút quảng đại này. Dũng suy nghĩ về việc này cũng lăm lăm nhưng cứ mỗi lần định nói ra là mỗi lần cảm lặng trước sự dịu dàng dễ mến của Thầy trò trì. Dũng yên lặng mãi như vậy. Một hôm Dũng không chịu nổi không khí ngột ngạt này nữa nên thưa với Thầy trò trì là Dũng cần đi xuống Kagoshima để thăm một người bạn. Đảo này nằm tại miền Nam nước Nhật, đây là vùng núi đang thời kỳ phun lửa. Ở đây đặc biệt có củ cải to và có nhiều món ăn giống Việt Nam, nhất là vào mùa hạ. Nơi đó Hương bạn Dũng đang theo học năm thứ nhất trường Đại Học Kagoshima ban cơ khí. Thầy trò trì nhìn Dũng và trả lời:

- Được, không có gì trở ngại, song vì đường xa lắm, Dũng phải làm thế nào?

- Tôi đi tàu hỏa, lúc nào không biết đường thì hỏi người bên cạnh.

- Như thế cũng được nhưng tôi ngại lắm.

- Chẳng có sao Thầy cứ yên tâm.

- Thế có tiền đem theo không? đến nơi lạ phải cần tiền để tiêu mà nhất là đi du lịch thì phải cần nhiều tiền hơn.

- Vâng tôi đã có chuẩn bị một ít.

- Nhưng đi bao giờ mới về?

- Nhiều nhất là 10 ngày thưa Thầy.

Thầy trò trì đồng ý, Dũng mừng thầm vì ít ra như thế cũng làm cho Dũng có thể thoát ly vài ngày cho tâm trí

bớt căng thẳng, chứ cứ tình trạng này thì Dũng điên mất thôi. Dũng trở lại phòng mình lo thu xếp hành trang, xét kỹ lại trong túi chỉ còn 5000 yen. Một vé xe lửa từ Tokyo đến Kagoshima hạng bét nhất cũng phải tốn 3000 yen nhưng đó chỉ mới một vòng, sao Dũng lại bạo gan thế! Sau một hồi đắn đo suy nghĩ kỹ Dũng mạnh dạn khăn gói kỹ càng vì nghĩ rằng xuống đó có Hương và Dũng sẽ mượn tiền xe lúc về cũng chả có sao. Dũng không sợ thiếu thốn vé xe cộ vì ít ra Dũng và Hương cũng đã hơn một lần sống chung với nhau nên dễ tin cậy.

Dũng miên man suy nghĩ về chuyến hành trình của mình, bỗng nhiên chiếc cửa phòng hé mạnh và Thầy trừ trừ tiến vào trên tay Thầy cầm một phong bì màu vàng. Dũng đoán biết rằng mình sắp được tiền quà. Trong bụng tự mừng và như được đền bù cho ý nghĩ của Dũng một cách xứng đáng. Thầy nói:

- Cái này Dũng nên mang theo để ăn quà.
- Xin cảm ơn Thầy vô lượng.
- Không có gì, chút đỉnh thôi. Đi bình yên nhé, nhớ tới nơi gọi điện thoại về nhà cho biết.
- Vâng tôi sẽ làm theo như lời Thầy dặn.

Thầy trừ trừ ra khỏi phòng. Dũng lục lọi mở phong bì ra xem thử, trong ấy một tờ giấy bạc 10.000 yen nằm phẳng lì, Dũng ngồi yên lặng như thế một hồi lâu để thầm cảm ơn sự chiếu cố của Thầy. Không có gì làm Dũng xúc động bằng sự giúp đỡ thiết thực đó. Dầu sao đi nữa cũng giúp được Dũng một phần trong lúc ở xa chùa.

Tàu khởi hành ở ga Shinagawa lúc 5 giờ chiều. Dũng vội vã đi cho kịp giờ và đến nơi tàu đã dừng sẵn, lên xe Dũng tìm một chỗ trống nhất để ngồi - dựa lưng vào thành ghế Dũng miên man suy nghĩ cho đến khi chiếc tàu nhả khói thật đậm phía sau Dũng mới biết rằng tàu đã rời bến từ lâu. Dũng đi tàu hạng 3 nên cứ độ chừng 5 phút là tàu dừng một lần. Tuy thế, Dũng vẫn thấy vui và tự an ủi mình rằng: đi chơi chứ đâu phải đi công chuyện mà nôn nóng.

Con tàu từ từ chạy mãi rồi cũng đến Kyushu - một hòn đảo nằm về cực Nam của Nhật. Trải qua 18 tiếng đồng hồ con tàu mới đến đây và bất chợt Dũng nghe từ máy phóng thanh từ nhà ga tiếng được tiếng mất là: vì đường sắt cận Nam bị lụt nên tất cả khách lữ hành phải đổi chuyến hành trình. Người phát ngôn nhắc đi nhắc lại nhiều lần như thế, Dũng đã mệt lã trong người nhưng lại nghe thêm chuyện nầy nên chả biết tính sao - bên ngoài trời nóng bức - càng đi về phía Nam Tokyo càng thấy rõ cảnh chiến tranh hồi đệ nhị thế chiến còn sót lại - cảm cảnh, thương tình Dũng đã nhớ đến Việt Nam không ít... Cuối cùng con tàu của Dũng cũng đến ga Nishikagoshima qua 36 tiếng đồng hồ. Sau này Dũng kể lại chuyến hành trình ấy cho ai nghe cũng lắc đầu rằng họ không thể tưởng tượng được một thời gian dài để phải đi như thế. Vì nước Nhật nhỏ đi tàu nhiều lắm từ đầu này đến đuôi kia chừng 24 tiếng đồng hồ là cùng, và họ đâu có biết rằng Dũng không có tiền nên đã dùng loại tàu hạng bét như thế. Bây giờ ghi lại Dũng vẫn thấy vui vì dù sao chẳng nữa Dũng cũng đã thành công ít nhiều trong chuyến đi xa đầu tiên ấy.

Trước khi đi Dững có báo tin bằng điện thoại cho Hương ngày và giờ đến, nhưng tàu của Dững đã đến trễ so với giờ đã định trước, nên lúc tàu đến nhà ga sau hơn 1 tiếng động hồ trễ nải chả thấy có ai đứng đó hết. Dững gọi điện thoại cho Hương một lần nữa và sau đó Hương lấy Taxi đi đến đón Dững. Gặp Hương Dững thuật lại chuyện hành trình ấy và Hương vui vẻ nói:

- Đã đến đích thôi mình sửa soạn ăn uống phải không Dững ?

- Cám ơn về sự tận tụy của Hương.

- Không có chi, tôi đã chuẩn bị sẵn cả.

- Thế thì tốt lắm.

Buổi chiều hôm đó Dững nằm ngủ li bì, mấy người bạn của Hương đến thăm lúc nào Dững cũng không biết. Tối hôm đó Dững lại thức trắng đêm kể chuyện cho Hương nghe về Tokyo cũng như bè bạn hay nói đúng hơn là sự thay đổi của Dững trong thời gian qua sau khi ba đưa bọn Dững không còn ở chung với nhau nữa. Dững thì miên man kể, còn Hương ngủ thiếp đi từ lúc nào. Có lẽ anh ta cũng mệt mỏi sau những phút chờ đợi Dững đến.

Sáng hôm sau Hương và một người bạn đến rủ Dững đi biển, Dững vui vẻ nhận lời và cùng đi với họ. Biển đối với Dững chả là gì cả, vì ở Nhật nếu đi cách xa trung tâm Tokyo chừng 60 cây số trở lên là thấy biển hay có thể nếm vị mặn của biển, nhưng đối với Dững trong lúc này chỉ muốn hứng những luồng gió mát kia, với khoảng không gian vô tận ấy sẽ mang Dững vào trong sự lãng quên, mà thật thế Dững muốn quên đi dĩ vãng và chỉ muốn sống cho hiện tại tại bên bè bạn mà thôi.

Cả ngày bọn Dững đi xem phong cảnh, nào nhà thủy tạ, nào thuyền ra khơi, nào hồ tắm nhân tạo... Dững vui cười náo nức với họ như không một cách ngăn giữa Đạo với Đời. Những ngày kế tiếp bọn Dững vẫn vui chơi, ca hát, bơi lội, ngắm trăng... Lâu lắm rồi bầu trời Đông Kinh không có trăng mà cũng chẳng có sao cho Dững nhìn ngắm. Nằm nơi đây đêm đêm Dững trườn đầu ra ngoài cửa sổ để ngắm trăng hay một vì sao bạc mệnh nào đó bị rơi lạc vào trong khoảng không gian vô tận ấy. Cũng chính những đêm này đã cho Dững hưởng trọn vẹn những gì như Dững đã mơ ước lâu nay. Đêm nay có bạn có trăng thì còn gì cao quý bằng. Dững cảm hứng ngâm một vài bài thơ của Tản Đà và Nguyễn Khuyến, Hương tính ít nói chỉ mỉm cười khi Dững xong một điệu ngâm, không phẩm bình cũng không khen tặng quá lố. Có lẽ đây là cái thật nhất của Hương. Hương sinh trưởng trong gia đình giàu có, thế lực nhưng không lấy thế làm vui hay nói đúng hơn là dù trong hiện tại Hương nhiều điều kiện đầy đủ hơn Dững, nhưng Hương vẫn là Hương của năm nào. Do đó cho nên cuộc vui nào cũng chỉ đến với Hương ở một thời điểm nhất định chớ không quá độ. Hồi Dững, Sinh cùng Hương còn đang học Nhật ngữ, Hương vừa học vừa nghe nhạc Việt Nam nhưng cuối cùng vẫn đậu vào đại học, còn Sinh chăm chỉ hơn nhưng sau kỳ thi ấy đã bị rớt, riêng Dững vẫn ở trong thế trung bình, nghĩa là cũng đậu vào đại học, nhưng không nổi tiếng như Hương. Từ đó Sinh đâm ra hận đời và đổ thừa cho chuyện 'học tài thi phận'. Dững có an ủi Sinh nhưng làm như thế vô tình đã đưa Sinh vào sự giận dữ, cho nên lần đi coi bảng về thấy hai tên đậu chỉ có Sinh là không. Dững cũng không giám vui nhiều và đi nhiên là không có tiệc mừng nào diễn ra sau đó cả. Bọn Dững đã định trước, nếu ba đứa cùng đậu thì

sẽ khao cả ba, nhưng nếu một trong ba người không được hôn hạnh đậu thì đừng làm kẻ bị hồng buồn. Bọn Dũng đã giữ lời hứa ấy và hôm nay Dũng kể lại cho Hương nghe những chuyện ngày xưa, Hương cũng chỉ vẫn mỉm cười chứ ít khi thêm hoặc bớt điều gì hơn thế nữa.

Những ngày gặp lại Hương, cũng là những ngày Dũng thoải mái và vui vẻ nhất. Vui vì xưa nay xa nhau nhưng chưa có ngày nào để tâm sự, và nỗi vui lớn hơn cả vẫn là xa lánh người đàn bà trong chùa ấy .

Nhưng ngày vui nào rồi cũng qua mau, nhường lại cho con người một số vấn đề cần phải giải quyết. Dũng trở lại Đông Kinh ở trong sự nhớ thương mền tiếc xứ núi lửa ấy và mang về Đông Kinh thật nhiều kỷ niệm vui buồn.

Mùa hè sắp hết Dũng phải chuẩn bị bút mực để đi đến trường, lại làm nhiệm vụ ghi chép lung tung nhưng chả hiểu nghĩa lý gì cả. Tiếng Nhật của Dũng dạo này khá hơn trước nhiều có lẽ vì hay tiếp xúc với người Nhật và không ít thì nhiều Dũng đã coi qua loa bài vở trong kỳ lục cá nguyệt lần trước trước khi học khóa này, nên có vẻ dễ dàng hơn. Những người bạn Nhật thường hay khen Dũng là chăm chỉ nhưng không biết có quả thật như thế không, hay đó chỉ là một sự xã giao của người Nhật như bao sự xã giao khác. Dũng không thích kiểu này, nhưng thấy họ khen mình cũng vững dạ ít nhiều. Có nhiều khi Dũng bảo mấy đứa bạn : "Người Việt Nam của chúng tôi dõ dẽ chề dờ, hay khen hay, chứ không nịnh đầm như mấy cậu đâu". Nhưng họ một mực bác bỏ lý luận của Dũng và bao rằng đó là lối nói của người Nhật. Nhiều lúc Dũng cũng chả biết thực hư ra sao rồi đâm ra bối rối thật sự.

Mùa Đông năm ấy lạnh buốt xương nhưng hệ thống sưởi ở đây yếu quá không đủ sức để sưởi ấm trong căn nhà nhỏ bé ấy, nên Dũng thường chui đầu vào mền để đọc sách, không được mấy chốc, nệm trở nên ấm và Dũng đã ngủ thiếp đi nhiều lần với quyển sách trên tay.

Ngay giữa mùa đông cũng chính là cái Tết đến với mọi gia đình của người Nhật. Đây là cái Tết thứ hai kể từ khi Dũng đến Nhật nhưng đó là cái Tết thứ nhất kể từ lúc Dũng sống chung với người Nhật trong chùa này. Dũng những tưởng ngày Tết đến với họ trong nỗi vui mừng nao nức, nhưng chả có gì khác hơn thường ngày là chiếc áo Kimono mới và ít đồng tiền lì xì thôi, Ngày Tết ở Nhật còn buồn hơn ngày thường. Ngày thường còn có người làm việc nhộn nhịp, nhưng ngày Tết là ngày để họ uống rượu và ở hút trong nhà. Thăm viếng nhau vẫn là lễ nghi cũ của người Nhật vào những ngày đầu năm, nhưng mỗi lần đi đến thăm bạn bè, thân hữu phải tốn nhiều thứ quà phiền toái, nên phần đông ai ở nhà người đó, ít có đi đâu. Dũng không hỏi tại sao với thầy trò trì hoặc bà vợ ông ta, mà chỉ mỉm cười im lặng để xem xét. Suốt ngày mừng một Dũng tụng kinh trên chánh điện nhưng chả thấy một người nào đến lễ bái hoặc mừng tuổi thầy Trụ trì cả.

Ba ngày Tết trôi qua một cách chậm chạp như một sự việc người ta không chờ nhưng nó cứ đến. Dũng uể oải học hành cũng như làm việc theo với đà tiến này. Dũng mong đến kỳ nghỉ Đông năm ấy, nhưng trước đó phải thi một kỳ cuối năm thứ nhất trước khi nghỉ. Ban đầu hơi lo âu, hỏi hạp mãi sau đó chúng bạn chỉ cho cách thức học bài cũng như trả lời câu hỏi; rồi đâu cũng vào đấy cả.

Mùa nghỉ đông năm ấy Dũng đi Fukushima ghé thăm Kính - người con gái Việt Nam là con nuôi trong một chùa Nhật. Sau đó Dũng lại ghé thăm một bà Việt Nam lấy chồng Nhật ở đây đã lâu đời quen cả tiếng Việt. Bà ta sinh trên đất Thái và chính chồng bà - người Nhật đã dạy tiếng Việt cho bà. Ở đời có nhiều việc ly kỳ, mà người nghe ít khi hiểu liền được, ít nhất phải nghe bà ta giải bày tâm sự.

Tôi sinh ra tại Thái Lan, ba mẹ tôi người miền Bắc và cho đến khi tôi sang Nhật tôi vẫn chưa hề biết quê hương Việt Nam là gì cả.

- Thế bà học tiếng Việt ở đâu ?

- Lúc nhỏ tôi biết tiếng Việt, nhưng lớn lên làm ăn nơi xứ Thái, do đó tiếng Việt lú lờ đi nhiều. Sau đó chồng tôi từ Hà Nội sang, hai người thương rồi lấy nhau và kể từ đó ông ta dạy tiếng Nhật và tiếng Việt cho tôi....

Dũng nghe như mình đang nghe ngoại ngữ, mặc dầu tiếng Việt của bà ta rất khá, nhưng có nhiều chỗ bà ta thêm tiếng Nhật vào trông rất buồn cười. Ở xứ lạ quê người được biết một người dẫu không thân nhưng cùng quốc tịch cũng cảm thấy vui rồi. Dũng vui vẻ nói chuyện với vợ chồng ông ta, thỉnh thoảng xen vào một vài câu tiếng Nhật.....

Mỗi lần đi xa về Dũng thường hay mua 1 vài món quà cho chùa và bạn bè để họ biết mình đã đi đến nơi nào. Ở Nhật mỗi nơi có một vài món thổ sản riêng. Trên giấy gói quà tặng ấy luôn luôn có tên địa danh của sản vật ấy. Khi nói đến một sản vật danh tiếng, người ta hiểu ngay rằng mình đã đến nơi đâu rồi. Ở đây có cái hay là như vậy

nên không tài nào chối cãi được rằng những đau mình đã đi và đã đến.

Mùa Đông đối với Dũng như một giấc mộng đã bị ngủ thiếp đi không một thiên thần đánh thức, Dũng bị mê man trong cái lạnh và cũng lắm cái buồn đã gọi lại trong Dũng làm Dũng đau đớn nhưng cũng sung sướng đến rợn cả người. Ở đời có nhiều nỗi buồn làm người ta đau khổ, ray rứt, nhưng cũng có lắm nỗi buồn đối với Dũng là những kỷ niệm đẹp, những hình bóng sống động v.v. Buồn chỉ ở trong tâm một người hay đa cảm và buồn cũng chỉ có ở những người sống về nội tâm hơn là lý trí.

Dũng thường hay ngắm những hoa mai trắng, hồng nở trong đêm Đông mà đôi khi cảm thương cho số phận của mình dầu vô tình hay cố ý Dũng và mùa Đông đã có nhiều sự ngẫu nhiên nhưng trùng hợp với nhau.

Dầu mùa Đông có lạnh lẽo đến đâu cũng không có đủ khả năng để ngăn cản những nụ hoa mai nở rộ. Dũng thầm nghĩ đến số phận của mình cũng thế, mặc dầu người ta muốn đìm mình bằng nhiều cách, hay muốn chơi mình nhiều thủ đoạn, nhưng Dũng cứ mặc nhiên, bên ngoài như khuất phục, nhưng bên trong vươn lên một cách hào hùng, không sợ hãi bất cứ một đối tượng nào.

Nhiều lúc Dũng quạ quọ, bực dọc với cuộc sống hiện tại của mình, Dũng muốn thoát ly đi khỏi chùa này. Vì những cảnh hằng ngày diễn ra trước mắt không có gì làm Dũng vừa ý cả. Dũng đã có ý định này từ lâu và Dũng cũng chỉ muốn thưa riêng với Thầy trụ trì thôi, sau đó rồi chuyện đâu cũng sẽ vào đấy, Dũng không cần thưa với bà vợ ông ta nữa. Vì đàn bà đối với Dũng lúc này chỉ là hạng người chỉ biết ba hoa miện lưỡi bên ngoài, còn ngoài ra

không biết gì cả. Dũng nghĩ thế nhưng oái oăm thay, cái điều Dũng muốn nó không đến trọn vẹn. Trong lúc Dũng muốn ra đi mà ngược lại Dũng sẽ không tài nào đi khỏi chùa nữa bước. Bây giờ Dũng không còn bị trói buộc bởi vật chất nữa mà chỉ bị trói buộc bởi tình bạn - Bạn Dũng, hay nói đúng hơn - người đã qua một lần hiểu biết - đó là Minh - muốn xin vào Nhật trong những ngày tháng tới. Minh muốn nhờ Dũng xin một chỗ ở, mà chỗ ấy không phải tốn tiền, vì Minh cũng cùng số phận như Dũng thưở trước. Lẽ ra Dũng sẽ định thưa với Thầy trụ trì về chuyện ra đi của mình, thay vào đó Dũng lại xin cho Minh vào ở thêm. Dũng đã làm một việc không tính toán kỹ. Vì có lẽ tất cả đều ngoài

sức lực và dự tính của mình.

Sau khi xin cho Minh được ở chùa, Thầy trụ trì vui thêm, vì ông ta nghĩ rằng Dũng sẽ có bạn mới cho đỡ buồn. Thường thì Dũng hay hát một mình, không người Việt Nam nào để trò chuyện cả. Dũng thì cũng chả biết nên buồn hay nên vui, trở lại phòng với nhiều tâm sự rắc rối. Dũng vớ tay vặn máy Radio và lẩm bầm trong miệng một câu ca dao Việt Nam:

"Con cá trong lò đồ lơ con mắt

Con cá ngoài lò ngúc ngoắc nhảy vô".

Dũng muốn xua luôn ánh đèn điện chiếu sáng trong căn phòng ấy, Dũng như không muốn có sự hiện diện của nó, hay nói đúng hơn bất cứ vật gì khác có thể làm chướng mắt mình lúc này. Dũng đưa tay lên khoảng không tìm cách làm cho ngọn đèn neon tắt đi và áp đầu vào gối để hồi tưởng lại những gì mình đã nghĩ và đã làm

vào chiều nay. Lương tâm Dũng cứ cắn rứt mãi, ước gì lúc này có một người bạn hay một người nào đó lớn hơn tuổi mình để có thể giải bày tâm sự.

Mùa lễ Bì Ngạn năm ấy đã qua, Dũng chuẩn bị khóa học mới cho năm thứ 2 – lễ Bì Ngạn hay nói đúng theo danh từ Việt Nam là lễ Thanh Minh, nhưng người Nhật mỗi năm có cả 2 lần lễ Thanh Minh trong khi đó Việt Nam chỉ có 1 lễ vào những ngày đầu tháng 3 âm lịch. Lễ Bì Ngạn của Nhật vào mùa Xuân bắt đầu từ 21 đến 27 tháng 3, lễ mùa Thu từ 21 đến 27 tháng 9. Mỗi lần như thế kéo dài một tuần lễ. Đây là cơ hội để người Nhật đi viếng mộ mã ông bà của họ. Nhưng mã này thường chôn trong nghĩa địa của chùa, nên người đi lễ cũng đông lắm. Những tu sĩ thì đi đến nhà tín đồ để tụng kinh, còn Dũng và vị sư Tích Lan thì được giao nhiệm vụ đứng bán bông cho người đi lễ và quét dọn nhà cửa, bung nước cho khách v.v. Công việc quét dọn thì nhà sư Tích Lan có thể làm một cách có thứ tự, nhưng bảo đứng bán bông là ông tìm cách lẩn trốn. Dũng đã không hiểu lý do tại sao mà ông ta cũng chẳng giải thích tại sao cả. Không phải ông ta không biết tiếng Nhật, nếu Dũng đoán không lầm ông không muốn mình được giới thiệu một cách lộ liễu với đám đông với một nghề không đáng giá như thế này. Dũng hiểu ông thật nhiều và nhiều lúc đến bên ông tâm sự. Ông ta rất giỏi Anh Văn, lúc nào Dũng không nói được tiếng Nhật thì cũng nói một vài câu tiếng Anh cho lấp đi một vài khoảng trống không vô ý nghĩa. Có nhiều lúc ông nói với Dũng, chỉ có người ngoại quốc với nhau mới hiểu nhau hơn, chứ người Nhật thì không hiểu gì về người ngoại quốc cả. Dũng đồng ý nhưng cũng tiếc thắm rằng chính mình cũng không phải là người Tích Lan nên không làm

gì cho ông vui được. Dũng nhớ có lần đã làm phật lòng ông và đã ráng gân cổ lên để cãi lại, mặc dầu lúc ấy tiếng Nhật của hai người chả khá là bao. Bây giờ Dũng cảm thấy hối hận về việc làm của mình nhưng chả biết nói cùng ai, vì ông ta đã ở xa nơi đây nhiều quá.

Một hôm ông ta và Dũng đang đứng trong nhà bếp của chùa. Ông ta xem Tivi còn Dũng thì lơ đễnh nhìn ra sân chùa. Bất chợt Dũng thấy một người ngoại quốc da ngăm ngăm đen đi với một người đàn bà Nhật. Dũng không suy nghĩ liền quay vào bảo ông ta rằng có người Tích Lan đi chùa. Ông ta hỏi Dũng ở đâu? và Dũng đã chỉ ra 2 người đứng phía trước sân chùa, ông ta hỏi lại Dũng làm sao mà biết người Tích Lan, Dũng đã trả lời như không suy nghĩ, vì tôi thấy da ông ấy cũng ngăm ngăm đen như ông.

Thế là tam bành lục tạc lại nổi lên, ông ta la Dũng là thế này thế nọ, tại sao phân biệt da đen da vàng. Dũng và ông ta cãi nhau mãi. Dũng thì bênh vực cho sự vô ý của mình, còn ông ta thì bênh vực chuyện da vàng da đen. Câu chuyện cãi mãi rồi cũng chẳng đi về đâu, kết quả có bà và ông Thầy trừ trừ đến can thiệp. Và cũng chính từ đó ông ta không còn nhìn mặt Dũng nữa, cũng như đến ngày ra đi thăm lạng của ông, Dũng cũng đã chả nói được thêm với ông ta một câu nào cả, mặc dầu Dũng đã cảm thấy mình quấy, cố ý gợi chuyện chào hỏi và xin lỗi ông. Một ngày khác bà vợ Thầy trừ trừ giải thích cho Dũng rằng người đã có nước da đen đi chùa hôm nọ là một người Nam Mỹ có vợ Nhật – là tín đồ của chùa, chứ không phải người Tích Lan. Dũng hiểu ý bà và không cãi lại gì cả. Thầy trừ trừ chen vô một câu là "Sau này Dũng muốn nói gì thì nói, chứ chuyện chủng tộc thì đừng có đụng đến".

Dũng vâng lời và cũng không muốn vô tình để phiền lòng ông ta nữa.

Dũng trở lại trường mùa xuân năm ấy với bao nhiêu tâm sự chán chường. Phần chuyện chùa chiền, phần chuyện cá nhân cũng có. Ác hại thay chả có người nào an ủi và giúp đỡ Dũng được cả. Trong trường Dũng học chỉ có 4 sinh viên Việt Nam. Hai cậu và một cô sinh viên học ban kinh tế. Dũng có làm quen với họ. Hai người là Phật Tử còn một người sau này theo cộng sản. Hai người này đã tốt nghiệp trước Dũng một năm, còn cô nữ sinh kia đã bỏ học nữa chừng sau ngày 30.4.75 để đi Nam Mỹ. Kể từ ấy đến nay Dũng không còn tin tức gì của cô ta cả.

Dũng tìm lại những người bạn Nhật ngày xưa để nhờ họ chỉ cách lấy các môn số trong năm học. Dũng cũng đã gặp lại Yamada, Ioda và một số bạn bè thân thuộc khác. Dũng có hỏi thăm sức khỏe của ông bà thân sinh Yamada và chuyện tình của Ioda. Ioda lâu ngày không gặp Dũng và có lẽ anh ta cũng chỉ mong nói cho Dũng nghe về chuyện ấy nhưng Dũng hỏi trước:

- Chuyện ấy đi đến đâu rồi?

- Chuyện gì đó?

- Chuyện tình ở Nigata đó.

- Vẫn tiến hành đẹp.

- Nghĩa là thế nào?

- Là mình vẫn liên lạc thư từ với nàng và nàng sẽ lên Tokyo ở. Ioda trả lời Dũng như thế.

Năm nay bắt buộc Dũng phải chọn nhiều môn. Hình như suốt cả tuần Dũng đều phải có mặt ở trường ngoại trừ ngày chủ nhật. Vì năm trước Dũng đã lấy quá ít đơn vị. Đó là theo lời chỉ bảo của Thầy trò trì. Thầy thấy tiếng Nhật của Dũng còn yếu nên không cho Dũng lấy nhiều môn, lúc thi đâm ra nhàm chán. Lúc đó Dũng hiểu như thế nhưng bây giờ thấy mình cực nhọc nên đâm ra oán Thầy. Năm trước mặc dầu năm thứ nhất nhưng Dũng thi chưa trượt môn nào, nên bây giờ có vẻ khỏe khoắn trong người lắm. Dũng thấy ở tờ chương trình có ghi hai giờ Nhật ngữ trong tuần, Dũng muốn học thêm cho vững nên lại ghi tên. Mặc dầu trong tờ chương trình không đề rõ là giờ ấy dành riêng cho người ngoại quốc, nên đến giờ học đã có nhiều người Nhật cũng vào, sau một hồi giải thích của ông Thầy dạy Nhật ngữ mấy người Nhật lại ra khỏi phòng và nhìn lại chỉ có mỗi mình Dũng là ngoại quốc.

Sau một hồi tra hỏi lý lịch, ông ta hỏi Dũng thích học về gì, văn phạm, đàm thoại, luyện giọng...? Riêng Dũng thì cái gì cũng thích cả nhưng nhìn lớp học một Thầy một trò Dũng cảm thấy chán phèo và gắng gượng hỏi:

- Sao mà lớp học chả có ai hết?
- Ông có biết ai thêm không ?
- Tôi nghĩ rằng trong trường này người ngoại quốc ít nhất cũng từ 30 đến 40 người mà.
- Thế bạn bè của ông ?
- Tôi có 3 người bạn Việt Nam, nhưng giờ của họ chia trùng giờ tiếng Nhật nên họ không đến tham dự

được. Họ nói rằng hy vọng sang năm sẽ đến học giờ của Thầy.

- Một Thầy một trò thì học mau giỏi chứ có sao đâu.

Nhưng nhìn ông Thầy Dũng thấy khó chịu vô cùng, cách đi, cách đứng thật bệ vệ trông thật hách dịch. Môi ông đen thẫm, cười chưa bao giờ lộ hàm răng ra cả. Dũng biết ông ta khó tính, nhưng vì mình muốn cầu tiến chứ không phải vì ông ta mà không học môn tiếng Nhật, nên Dũng mạnh dạn hơn lúc ban đầu và mong thời gian ấy chóng trôi qua.

- Ông có thích truyện cổ không?

- Tôi có đọc một ít truyện cổ Nhật Bản.

- Tôi muốn được xem truyện cổ Việt Nam kia. Vậy ông có thể dịch từ tiếng Việt sang tiếng Nhật để tôi chăm văn phạm và xem truyện luôn thể.

- Tôi có đủ sách truyện cổ Việt Nam, nhưng câu văn khó quá làm sao tôi dịch nổi.

- Ban đầu thì khó, nhưng dịch riết rồi sẽ quen đi dần, đâu có gì khó khăn.

Dũng lưỡng lự một hồi lâu nhưng thật ra cũng ham làm chuyện này nên chấp nhận ngay.

Mỗi tuần Dũng có 2 giờ Nhật ngữ như thế và cuối năm thứ hai Dũng đã dịch xong quyển 1. Đó cũng là tác phẩm đầu tay của Dũng bằng ngoại ngữ. Do sự sửa đổi về văn phạm của Thầy dạy Nhật ngữ và sự giúp đỡ tài chánh của Thầy trụ trì đề xuất bản. Số lượng dự trữ đầu tiên là sẽ in 1.000 cuốn, sau đó chỉ 4 tuần lễ là phát hành hết sạch,

ngay cả bản chính của Dững cũng hết sạch, cuối cùng có quyết định là in thêm. Thầy Okata đề tựa và Dững viết lời phi lộ. Những nhà báo lớn như Yomiuri Shinbun, Bukkyo times, Chyugai nippo... đều có đăng hình ảnh và nội dung của quyển truyện Dững dịch. Nhiều độc giả nhờ đọc báo nên đã biên thư đến Dững, Đa số là những người có cảm tình đối với dân tộc Việt Nam, nên mới đề ý đến quyển sách của Dững. Có nhiều độc giả viết như sau:

"Tôi là một người Nhật sinh ra và lớn lên sau chiến tranh, đã lập gia đình và đã có 2 con đại. Tôi vẫn thường xem đài truyền hình chiếu về Việt Nam. Tôi đau đớn cho thân phận của người dân Việt như đau đớn cho chính bản thân tôi khi thấy cảnh đồng bào chạy loạn tay bồng tay bế con thơ... hay khi thấy bom đã rơi chung quanh ruộng đồng, nhà cửa. Tôi không có được cái đau đớn trực tiếp như người Việt Nam và tôi cũng không thể tưởng tượng nổi được sức chịu đựng của người Việt Nam giỏi như thế ấy để còn tồn tại cho đến ngày nay. Thật là phi thường và dũng cảm. Cái sức mạnh của nội tâm mạnh hơn bạo lực, tôi cảm nhận điều đó và thâm cảm ơn dân tộc Việt Nam đã hy sinh mạng sống của mình để bảo vệ quê hương và nêu cao tinh thần dũng cảm cho người ngoại quốc. Tôi chưa khuất phục một dân tộc nào như dân tộc Việt Nam và tôi cũng chưa thấy dân tộc nào đã chiến đấu như dân tộc Việt Nam".

Nội dung của cuốn truyện toàn là truyện cổ, nhưng trong lời ngỏ của quyển sách Dững đã đề cập thật nhiều về chiến tranh Việt Nam suốt 30 năm trường tranh đấu, có lẽ vì nguyên nhân đó nên nên cô ta cảm động chăng? Dững không biết là cô ta bênh vực cho chủ thuyết nào, nhưng Dững chỉ thấy ở cô ta có một cái gì nhân đạo, hay

nói đúng hơn một thứ tình trong mọi thứ tình người. Truyện cổ của Dững dịch gồm các truyện như sự tích trầu cau, hòn vọng phu, sự tích con chim tu hú, sự tích cây nêu ngày Tết, sự tích đầm nhất dạ và bãi tự nhiên..... Quyển sách dày độ hơn 100 trang và có chừng 30 tiểu truyện. Dững đón nhận tác phẩm đầu tiên trong đời mình như người đời đón nhận một đứa con yêu quý nhất. Người ta sinh con, nuôi dưỡng con cái là bổn phận còn Dững sinh ra tác phẩm này Dững phải bảo vệ độc giả của Dững, Dững phải làm vừa lòng họ.

Dững đọc thư của từng người một và đã trả lời tất cả. Có nhiều thư đi nhưng không đến, cũng có lắm thư đến nhưng chẳng đi. Thời gian này là thời gian bận rộn nhất của Dững mà cũng chính thời gian này Dững đã được nhiều niềm an ủi lớn. Độc giả và ân nhân của Dững có mặt khắp mọi nơi trên xứ Nhật, và Dững đón nhận những hình ảnh ấy như một sự trợ giúp cho sức mạnh tinh thần mình ngày thêm vững chắc mãi.

Chừng một vài tháng sau Dững được tin Minh từ Việt Nam sắp sang, Dững nao nức trong lòng. Dầu không quen nhau nhiều lúc nhỏ, nhưng ít ra ở xứ lạ quê người mình cần phải có một người bạn để tâm sự lúc buồn. Minh đến mang cho Dững một niềm vui nhưng một tin buồn cũng vừa đến là vị Sư Tích Lan đã bỏ chùa đi lúc nào mà chẳng ai hay biết. Thầy trụ trì vẫn trầm ngâm trong dáng điệu thường nhật và bà vợ như nhận được sự đấng cay nào đó nên cũng im lìm, còn Dững chẳng biết nói sao với một tâm trạng buồn vui lẫn lộn với kẻ ra đi và người ở lại.

Dững biết vị sư Tích Lan ra đi vì nhiều bất mãn. Bất mãn vì chuyện chùa cũng có mà chuyện bà vợ ông Thầy trừ trừ cũng có. Người ta muốn nói nhiều điều nhưng hoàn cảnh không cho phép mình nói, hay nói đúng hơn ở cái thế trên đe dưới búa, nếu chịu đựng không được nữa là ra đi. Đó là giải pháp hay nhất. Nên ông ta đã chọn lối này. Dững thấy ông ta có lý mà vô tình vì dầu sao đi chăng nữa Thầy trừ trừ và bà vợ của ông ta cũng là ân nhân của ông ta hay của chính Dững. Dững miên man suy nghĩ và nghe bên tai mình một giọng cao và xèn:

- Nghe đâu đi Anh đi Pháp gì đó.

- Ai bao bà thế ?

- Thì tôi đã nghe nói từ lâu, thôi cũng được, đi cho khuất mắt.

Thầy trừ trừ lờm bà ta và không nói lời nào. Dững đau khổ thật nhiều nhưng chắc rằng chả ai trong 3 người đang ngồi chung quanh bàn trà hiểu cùng chung một điều đó.

Dững sống những ngày âm thầm trong không khí ngột ngạt như thế. Mới lúc đầu thấy khó chịu nhưng chịu đựng mãi hóa quen, chứ cũng chả có phép lạ hay thần thông trợ lực nào đã giúp cho Dững cả. Cho hay đời bất cứ việc gì nếu người ta có chí, sẵn sàng chịu đựng mọi sự gian khổ đều có thể thành công. Có nhiều sự thành công mà chính người thành công ấy được sung sướng mà cũng có nhiều sự thành công làm lương tâm kẻ kia đau khổ nhọc nhằn, ngay từ thể xác đến tinh thần.

Lá thư hỏa tốc cuối cùng do người mang thư đem đến báo tin ngày Minh sắp qua Tokyo. Dững đem chuyện

ấy thừa với Thầy trừ trừ và mọi người đều chấp nhận để Minh cùng được ở với Dững lúc ban đầu. Dững sung sướng như đã làm được một cái gì có ích cho bạn bè.

Dững đến phòng của Matsunaga trình bày về chuyện Minh sắp qua và nhờ Matsunaga đi đón hộ. Từ thành phố Hachioji núi đồi trùng điệp nẩy lên phi trường Haneda nếu đi bằng xe hơi ít nhất phải tốn 1 tiếng đồng hồ. Đến phi trường Dững vẫn còn dư thì giờ rửa Matsunaga vào nhà hàng Trung Hoa uống vài ly nước ngọt. Dững lo lắng hỏi:

- Nếu ngồi trong nhà hàng làm sao biết được máy bay đến?

- Tôi không biết, nhưng hãy vào xem thử.

Dững và Matsunaga vào nhà hàng ngồi uống nước ngọt chờ giờ máy bay đến. Một lát sau hai người rời nhà hàng đi về phía cổng chính để chờ đợi. Bên kia cửa kính Dững thấy Minh đang qua hàng rào quan thuế. Bước khỏi hành lang Dững vội đến bắt tay Minh và hỏi thăm vài điều. Sau đó 3 người cùng về chùa và đêm đó để Minh nghỉ cho khỏe, ngày mai và những ngày kế tiếp nói cho nhau nghe và nghe nhau nói thật nhiều về tình hình Việt Nam cũng như đời sống của người Việt Nam tại Nhật.

Những cảm tưởng vui vẻ của con người ở lúc chờ đợi cũng chỉ đến trong một thời điểm nào đó rồi cũng vội vã trôi nhanh, đôi lúc nó nhanh hơn điều người ta dự tưởng. Cũng có nhiều niềm vui chỉ thoáng qua thôi nhưng mãi ở lại trong lòng của kẻ khác đến cả đời người nhưng cũng có lắm niềm vui chỉ thoát qua rồi vụt biến.

Mấy tháng đầu cực nhọc với ngôn ngữ, đồ ăn, thức uống, cách đi lại, phong tục... của Minh làm Dũng nhớ lại lúc mình mới đặt chân xuống xứ Nhật này. Dũng nhìn sự bỡ ngỡ của Minh rồi tự cười thầm cho chính mình, nhưng chắc rằng sau này nếu Minh gặp trường hợp như Dũng trong lúc này cũng có thể cười không thành tiếng.

Có một hôm Dũng cười ngất cả người. Câu chuyện xảy ra như vậy: Nếu Dũng nhớ không lầm vào những ngày đầu tiên Minh mới đến Nhật, và một vị sư người Tích Lan bạn của vị sư cũ đã bỏ đi lúc trước cũng đến chùa này cùng lúc với Minh. Thông thường nhà người Nhật khác với nhà tây phương. Trước khi vào nhà phải bỏ giày ngoài hiên và có một loại dép đặc biệt để dùng trong nhà - vị sư Tích Lan mới đến không biết tục lệ này nên mang cả giày vào trong phòng ngủ. Dũng và bà vợ Thầy trụ trì đứng ở nhà bếp bên này nhìn sang bật cười lên thành tiếng. Rồi một buổi sáng nọ sau khi Minh ngủ dậy, chạy qua nhà bên để làm việc, chừng 10 đến 15 phút sau mà chả mở được cánh cửa nhà ngang. Thay vì kéo ngang qua để bước vào thì Minh theo lối Việt Nam là đẩy ra phía đối diện của mình. Lúc Dũng đến kéo đi một cách dễ dàng làm Minh sững sờ đi một lúc.

Nhưng chuyện này cũng chưa nực cười bằng chuyện đi tắm. Minh hỏi Dũng:

- Ở đây thì đi tắm như thế nào? Hôm nay mình muốn tắm vì trong người thấy khó chịu quá.

- Không giống Việt Nam đâu. ở đây tắm chung cả và bằng nước nóng.

- Chung là thế nào ?

- Là cứ hai hay ba người vào tắm một lần. Đó là loại hồ tắm nhỏ như chùa mình. Còn nếu đi tắm nhà tắm công cộng thì cả 4,5 chục người tắm chung trong một nhà tắm .

- Mà đàn ông riêng, đàn bà riêng chứ ?

- Ờ; nhưng ở nhà quê có nhiều nơi vẫn còn tắm chung, nhất là trong những suối nước nóng.

Ở Việt Nam chừng 10 tuổi trở lên đã tắm riêng rồi, qua đây nghe chuyện đó ai cũng mắc cỡ hết. Có nhiều người đi du lịch sang Nhật, ở lại hàng 2, 3 tháng mà không dám đi tắm, quyết chỉ về Việt Nam mới tắm nên có nhiều anh em Sinh Viên xấu miệng hay gọi người đó là bà "Ofuro". Nhưng cũng có lắm người Việt Nam sau khi về nước gửi thư qua Nhật bảo rằng; đi Nhật chớ nhớ cái gì chỉ nhớ cái Ofuro của Nhật mà thôi.

Minh qua được đây Dũng cũng mừng, nhưng khi nghe kể chuyện về quê hương Dũng nhớ thương khó tả và có lẽ đây cũng là động cơ để Dũng cùng với 4 người Nhật năm ấy trở về thăm Việt Nam, để rồi sau này vĩnh viễn không còn về lại được để thăm quê hương lần thứ hai nữa. Ban đầu Dũng dự định đi một mình, nhưng sau có Matsunaga, Nakatomi và vợ chồng ông Tanaka cũng muốn sang Việt Nam thăm viếng.

Dũng đi làm thủ tục giấy tờ và đến hãng Air Việt Nam ở Yurakkucho để ghi chỗ cho họ. Những người Nhật được đi ngoại quốc lần đầu tiên họ cũng mừng vui khó tả, chả khác nào lúc Dũng sắp sang Nhật. Lúc đó Dũng cho đi Nhật là sung sướng vì mình có thể học thêm được nhiều cái hay cái đẹp của xứ này và có lẽ họ cũng nghĩ

như thế. Khi một người Nhật được rời khỏi nước là họ hãnh diện với bạn bè cũng như bà con lối xóm là ta đã hơn người một chuyến đi. Ngược lại Minh khi hay tin Dũng sắp về Việt Nam thì buồn và khuyên Dũng đừng về. Mặc dầu lúc ấy Dũng không có tiền trong túi đầy đủ để trả tiền vé máy bay nhưng lòng Dũng đã quyết nên liều mạng đến nước cùng. Dũng hỏi mượn Yamada một số tiền và Yamada đã vui vẻ trao cho Dũng số tiền như Dũng mong muốn.

Về lại Sài Gòn Dũng gặp lại nhiều người thân, bạn bè và tìm lại được hương vị của những ngày xa xưa cũ. Nhưng hơn mấy năm xa cách mà chỉ một tháng hội ngộ tao phùng làm sao Dũng có thể gặp hết bạn bè và thân thuộc. Có nhiều chỗ Dũng hứa nhưng mà không có thì giờ để đến được. Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế, Đà Lạt, Cần Thơ... chừng ấy chưa đủ với sự xa cách của mình. Đi đến đâu cũng được mọi người tiếp đón và giúp đỡ tận tình. Gặp lại được nhiều người bạn thân hồi còn học trung học. Những tình cảm ngày xưa bây giờ vẫn còn nguyên vẹn đó. Dũng đôi lúc cũng ghen lời khi nói lên hai tiếng cảm ơn để cho bạn mình được vui lòng - nhưng sao đôi lúc Dũng thấy khách sáo quá, chỉ biết lặng yên đứng nhìn và không một ngôn từ nào thốt ra từ miệng Dũng được cả. Có lẽ cái gì sâu kín nhất người ta thường ít bộc lộ nên phải giữ kỹ như vậy mới gọi là "tình cảm" cũng nên.

Mấy người bạn Nhật trở lại nước trước Dũng. Còn Dũng độ chừng 3 tuần sau đó lại cũng phải rời xa nơi thân yêu một lần nữa để đi đến nơi ồn ào tấp nập như Đông Kinh. Tiễn đưa Dũng lần này có anh của Dũng và một số bạn bè ngày trước.

Trở lại Đông Kinh để bắt đầu lại khóa học mới vào mùa Thu của năm thứ 2. Bây giờ Dững đã hiểu tiếng Nhật khá nhiều hơn xưa nên đỡ lo và chuyện thi cử cũng không còn khổ tâm như lúc ban đầu nữa. Việc học ở Nhật có phần khác với một số nước Âu Mỹ. Khi thi vào trường thì khó nhưng khi thi ra trường thì dễ hơn. Một năm thường có hai khóa học, cứ mỗi cuối khóa là có thi. Nếu trong khóa học đó mình lấy 21 môn, họa hoằn lắm mới có vài môn không thi; còn ngoài ra phải ôn bài cả. Nếu khóa mùa Đông không thi thì mùa Hạ phải thi. Thi ở Nhật thì rất dễ so với các nước khác, chỉ cần chăm chỉ là đậu. Hầu như hơn 80% là Thầy giáo đã chỉ bài cho sinh viên sẽ thi trước khi nghỉ học một hay hai tuần rằng ông ta sẽ cho ra thi từ chỗ nào đến chỗ nào trong sách, thế mà vẫn còn có nhiều người rớt đầy dẫy. Có lẽ vì họ ỷ lại hay lười biếng - một trong hai điều kiện trên cũng có một.

Những ngày đi học và cả những ngày nghỉ Dững cũng đều có công chuyện để làm cả, không làm việc chùa thì cũng đọc sách, viết văn, không đi công chuyện cho Chi Bộ và Sinh viên thì cũng đi công chuyện cho chùa. Dững vẫn bận rộn suốt ngày đêm, có lẽ bận nhất phải nói là vào những ngày lễ Vu Lan, hai lễ Thanh Minh vào mùa Xuân và mùa Thu cũng như Tết Nguyên Đán.

Mùa Bỉ Ngạn năm này có thêm Minh nữa, nên Dững đỡ nhọc bót vì có một số Thầy phải đi tụng kinh xa nên Dững và Minh phải ở lại túc trực lo cho khách, lo nước non hay bán bông cho người đi lễ mộ.

Những ngày lễ như thế này vườn chùa bao giờ cũng tấp nập người qua kẻ lại, vườn chùa khói hương nghi

ngút như sương ẩm những linh hồn còn vẩn vương nơi trần thế hay cô quạnh nơi cõi âm ty.

Những ngày bận rộn thường không qua mau như những ngày vui. Chắc cái giờ người ta hay mong đợi nó thường ít đến và lúc đến nó lại đi thật nhanh. Còn cái con người không mong mỗi nó vẫn đến và thường hay đến một cách chậm chạp, dầu có muốn qua mau nó cũng chẳng chịu qua mau. Cho hay thế sự ở đời là thế.

Sau những ngày mệt mỏi ở trường cũng như công việc chùa, Dũng được đền bù xứng đáng bằng những ngày lễ nghỉ thu năm ấy. Dũng thưa với Thầy trụ trì:

- Những ngày nghỉ lễ tôi muốn đi xa một chuyến. Kính mong Thầy cho phép.

- Dũng muốn đi đâu?

- Tôi định đi Hagi để thăm Matsunaga và đi Sikokku để thăm Nakatomi.

- Vâng cứ tự nhiên nhưng tiền bạc thì như thế nào?

- Tôi đã chuẩn bị sẵn sàng.

- Như vậy thì hay lắm.

Ở đây có lẽ Dũng chỉ cảm được mỗi Thầy trụ trì, Còn ngoài ra bất cứ ai ở trong chùa này đối với Dũng gần như xa lạ và khó chịu. Dũng muốn gần họ nhưng họ thì ít muốn gần Dũng hay nói đúng hơn là gần người ngoại quốc. Có lẽ Thầy trụ trì đi ngoại quốc nhiều, và đã có nhiều lần ở ngoại quốc nên có lẽ ông ta hiểu tâm trạng người ngoại quốc nhiều như bọn Dũng.

Dũng thấy Thầy trừ trì dễ chịu hơn bất cứ ai. Từ xưa đến nay chưa có cái gì Dũng đề nghị mà Thầy bác bỏ cả. Dũng thầm cảm ơn ông ta về những sự cảm thông sâu xa đối với ngoại quốc như Dũng lúc đó.

Từ Tokyo muốn đi Hagi phải dùng máy bay hoặc tàu điện. Ở Nhật có một loại tàu điện chạy nhanh nhất thế giới gần 300 km giờ gọi là tàu Shinkansen. Cách trang trí trong tàu rất đẹp, có Tivi, điện thoại và các cửa ra vào đều đóng mở tự động. Đặc biệt loại tàu này được điều khiển bằng Computer không như những loại tàu tốc hành khác. Dũng đã dùng tàu Shinkansen này để đến Hagi một cách an toàn và mau chóng. Lúc đến nhà ga Dũng đã thấy Matsunaga đứng đó chờ và Dũng đã được về nhà hẳn ở.

Những ngày ở Hagi thật đẹp. Thành phố này nằm gần Hiroshima và Nagasaki - ở về phía tây biển Nhật Bản. Nơi đây có nhiều di tích lịch sử còn sót lại vào thời Minh Trị duy tân đất nước (1868). Ở đây sông núi hữu tình thật. Cứ mỗi buổi chiều khi vàng kim ô vừa khuất dạng thì những cảnh núi đồi nơi đây mới đẹp làm sao, chả bút mực nào tả xiết. Những tia nắng vàng yếu ớt phản chiếu trên núi đồi và biển cả bao la tạo nên một cảnh thiên nhiên tuyệt diệu mà không thể hình dung bằng văn từ được. Hagi còn là một thành phố nổi tiếng làm đồ gốm và đánh cá. Người dân ở đây thật hiền hoà chất phác như thiên nhiên đã ưu đãi cho họ vậy. Họ không phách lối và kiêu cách như người Nhật ở thị thành. Sau một tuần ở đây Dũng đã có dịp tiếp xúc với bao chí, bà con Phật tử và một số người dân địa phương. Dũng hiểu được tình cảm của họ như tình cảm của người Việt Nam mình vậy. Có thể nói rằng Hagi là cảnh đẹp nhất trong lòng Dũng kể từ

khi Dững đến Nhật, cũng như cho đến khi Dững rời khỏi Nhật.

Những đoạn đường Dững chọn lựa để đi thường là những nơi có sẵn người tiếp đón hoặc quen biết nhau ít nhiều trước đó, nên đỡ ngỡ ngàng và quanh hiu.

Dững rời Hagi để đi đến Sikokku bằng tàu lửa và bằng thuyền. Sikokku là một hòn đảo lớn thứ tư sau Kyushu. Nếu ai ở Việt Nam đã đi cù lao Chàm gần cửa bể Hội An thì có thể liên tưởng được vị trí của đảo Sikokku của Nhật. Tuy hòn đảo này có vị trí lớn rộng hơn cù lao Chàm ở Quảng Nam nhiều, nhưng đường đi từ đất liền ra biển để đến hòn đảo gần như giống hệt nhau.

Dững ngồi trên mạn thuyền nghe sóng vỗ và nhớ về quê hương trong vô vàng thương tiếc. Dững thò tay mình xuống nước múc vài hùm nước để xem vị mặn của biển cả và cũng để cho Dững có cơ hội tiếp xúc với biển để cho mồ hôi của mình hòa lẫn với nước biển trôi về Việt Nam trong cõi xa xôi miên viễn ấy.

Dững đến chùa của Nakatomi cũng như chùa của Matsunaga đều một cảm tưởng như thế cả. Ở đây họ tiếp đón nồng nhiệt, không phải cái khách sáo của thị thành, mà là cái chân tình của người thôn dã.

Nakatomi dẫn Dững đi thăm ghềnh, thăm thác, thăm lâu đài cung điện cũng như những danh lam thắng cảnh tại đây. Dững như cảm thấy mình gần gũi với núi sông nhiều hơn và những tình cảm của Dững cũng đã hoà đồng được với núi sông như thế này. Dững như mơ màng và sung sướng tận hưởng những đặc ân mà thiên nhiên đã phó thác cho những ai có lòng nhớ nghĩ đến nó.

Những ngày nghỉ đã qua Dững về lại Đông Kinh với nhiều sự mến tiếc nhớ thương của kẻ ra đi cũng như người ở lại. Mỗi một lần đi xa về Dững có thể viết được nhiều bài vở hay làm được nhiều việc hơn, nếu ở mãi tại Tokyo thì chưa chắc rằng Dững đã sáng tác được nhiều như những năm trước đây Dững đã thực hiện.

Về lại chùa cũng vẫn khung cảnh ấy, việc làm ấy và có thêm chằng nữa cũng chỉ là những công việc Dững đã làm thưở trước, còn bây giờ chỉ tăng thêm thể thôi.

Lúc này Dững đã biết tụng kinh tiếng Nhật sành sỏi, nên mỗi lần có đám ma hay làm tuần của tín đồ, Thầy trụ trì thường hay gọi Dững đi theo. Có nhiều lần người Nhật đã lầm Dững là người Nhật thật, nếu người đó không để ý kỹ cách phát âm tiếng Nhật của Dững. Có nhiều người bảo rằng: Có lẽ Dững ở miền Bắc nước Nhật nên phát âm hơi cứng giọng. Họ đâu có thể tưởng được rằng Dững ở cách xa đó hàng 10 giờ đồng hồ máy bay mới đến. Lúc Dững đi tụng kinh cho người Nhật thường hay mặc đồ của tu sĩ Nhật và khi nào đi học hay đi công chuyện cho người Việt Nam thì Dững mới mặc đồ tu sĩ Việt Nam.

Kỳ thi cuối năm thứ hai cũng hơi nhọc đối với Dững, vì năm thứ Nhất Dững đã lấy quá ít môn, nên năm nay phải lấy bù. Do đó Dững phải cố gắng thật nhiều mới có thể để được tất cả những môn như Dững đã chọn.

Trước giờ thi thì hồi hộp nhưng khi thi xong như thấy mình đã trả được một món nợ lâu đời, thấy nhẹ hẫng cả người ra. Nếu ai đã là học sinh, sinh viên thì có lẽ hiểu điều đó nhiều. Có lần Dững thấy một câu tiếng Nhật viết ở trên bảng của trường học để phản đối sự thi cử như sau:

"ai đã dạy cho chúng tôi thi cử? hãy bãi bỏ đi...". Câu khẩu hiệu không có gì đáng chú ý lắm, nhưng Dũng cảm thấy hay hay, nên nghiệm cho kỳ thi thấy rằng: những vị Thầy giáo xưa nay chỉ dạy cho học trò học, chứ chưa ai dạy cho họ cách thức thi cử nào cả. Cho nên họ không muốn thi là một lý do đúng chứ chẳng sai.

Năm thứ hai xong Dũng mừng thầm và là mùa Đông năm ấy cũng sắp đến. Dũng lại sắp đặt một chuyến đi. Đi đối với Dũng bây giờ như một sự thoát nạn. Trốn Tokyo ư? – không phải như thế mà Dũng muốn trốn những gương mặt hàng ngày, trốn những ngôn ngữ nặng nề mà Dũng không thích và trốn tất cả những thứ gì mà có thể trốn được... Dũng không trốn tránh sự làm việc, nhưng Dũng muốn trốn những người hành hạ Dũng làm những công việc như thế. Mỗi lần xa Đông Kinh của Dũng là một sự giải thoát - một sự xa lánh - và cũng là một sự cởi bỏ bao ưu phiền và những nỗi khổ tâm.

Mùa Xuân năm ấy Dũng đi Osaka để thăm Lộc và đi Kyoto để thăm Đức. Nếu ai bảo Huế là kinh đô đế vương bao đời của chúa Nguyễn thì Kyoto cũng là đất thần kinh của bao nhiêu đời vua trước Minh Trị thiên hoàng.

Đức là bạn của anh Dũng. Mặc đã nghe tên tuổi từ lâu nhưng Dũng chưa có lần nào gặp mặt. Lần này đến Kyoto Dũng lại muốn Đức đi đón hộ, nhưng Dũng đã không diễn tả mặt mũi và cách ăn mặc của mình ra sao nên lúc đến ga Kyoto kẻ thì tìm người thì kiếm. Dũng tìm mãi không ra người đi đón nên lên Taxi để đi về nhà của Đức. Sau khi Dũng đã đến nhà Đức một hồi lâu mới nghe Đức điện thoại về hỏi bà chủ nhà và bà ấy đã bảo rằng

Dũng đã đến rồi. Đức lại vội vã về nhà để gặp Dũng vừa mừng vừa hồi tiếc. Đức bảo rằng:

- Ai đòi viết thư mà chả cho biết cách ăn mặc và diện mạo.

- Dũng tưởng nhắc cách ăn mặc thì Đức đã thừa, còn diện mạo thì Dũng có khác anh Dũng là mấy đâu.

- Đã đành là thế, nhưng Kyoto chứ đâu phải là Sài Gòn. Người đông và cửa ra vào đến 6 và 8 nơi, do đó đi đón mà bị lạc là phải.

- Thôi cho Dũng xin lỗi.

Hai người nói chuyện với nhau thật nhiều và đêm đó gần như không ngủ, Dũng đã kể cho Đức nghe về chuyện thăm quê vừa rồi vào năm trước cũng như dự tính của anh Dũng sẽ sang Nhật để học.

Ở đời cái gì mới bắt đầu cũng đều khó khăn cả nhưng khi gần gũi rồi thì không dùng thước mà cũng có thể đo được tình thân - mà để hiểu và để thông cảm nhau nhất có thể nói là những người đồng điệu đồng thuyền.

Mấy ngày sau đó Đức dẫn Dũng đi thăm những nơi danh tiếng như Godokoro, nơi vua ngự giá mỗi khi có triều đình hội họp. Chùa Nishihonganji và Higashihonganji trụ sở chính của phái tịnh độ chơn tông của Nhật Bản. Một kiến trúc quá hoàn hảo của Phật giáo Nhật Bản vào thời kỳ trung cổ. Đây là những di tích lịch sử được quốc gia bảo trì. Chùa Ninaji với khuôn viên rộng thênh thang không thể tả. Những bông hoa màu tím, những làn nước chảy lăn tăn trên những phiến đá đầy meo xanh phủ kín tạo thành một phong cảnh thiên nhiên tuyệt

hảo. Xa xa tiếng chuông chùa thông thả ngân nga như đưa khách trần ai đi vào trong những cảnh thần tiên dị ảo.... Rồi chùa Kyomizudera với hai gác chuông đồ sộ và cách kiến trúc thật ly kỳ của ngôi chánh điện. Ngôi chùa toàn bằng gỗ cất cheo leo trên nửa ngọn đồi, khiến khách trần ai có thể nghĩ ra được rằng xưa kia cũng không thiếu những người phi thường hiển hách hoặc của những vị thiền sư hữu danh nào đó hay của một nhà cư sĩ vì đạo mà quên đời, đem công lao và năng lực của mình hiến dâng cho nền mỹ thuật của Phật giáo.

Mùa xuân vẫn là mùa đẹp nhất trong năm của xứ Nhật vì có hoa đào nở và khí trời thật ấm áp. Người Nhật quý hoa anh đào như quý cái tính cách thâm cung trầm lặng nhưng hào hùng của dân tộc Nhật vậy. Hoa anh đào mỗi năm chỉ nở một lần và mỗi lần nở thường chỉ một tuần lễ vào dạo thượng tuần đến trung tuần tháng 4 dương lịch, nhưng cũng có nhiều nơi hoa đào nở muộn hoặc sớm hơn tùy theo khí hậu của từng địa phương. Mỗi khi hoa đào nở, không bao giờ có chen một lá hay một cành cây nhỏ, toàn thân cây được bao phủ một màu hồng, hoặc trắng che lấp cả lối đi. Hoa đào đẹp nhưng không có hương, cho nên có nhiều người Việt Nam ở Nhật đã ví trộm là hoa anh đào của Nhật thật đẹp nhưng không hương cũng giống như người Nhật chỉ xã giao bề ngoài còn nội tâm thì rỗng tuếch. Kết án như thế cũng hơi sớm đối với con cháu của xứ mặt trời nầy nhưng đó cũng là ý nghĩ họ có thể thổ lộ ra như thế.

Xứ Kyoto mùa hè thật là nóng và mùa Đông thật lạnh lẽo vì chung quanh Kyoto được bao bọc bởi nhiều núi và đồi. Về mùa hè gió vào không được nên đâm ra nực nội, mùa đông tuyết phủ khắp đồi cùng núi. Khi tuyết

bắt đầu ngưng rơi và gió bắt đầu thổi là cái lạnh lại càng ê buốt và như thấm thía khắp châu thân.

Đức cũng có dẫn Dững đến Nara kinh đô cũ của Nhật vào thời Thánh Đức Thái Tử vào thế kỷ thứ 7 và 8 sau Tây lịch. Ở đây phong cảnh cũng đẹp như Kyoto. Chung quanh là thành quách lâu đài cung điện. Nara không có cảnh sinh hoạt tấp nập như Tokyo hoặc Kyoto nhưng Nara có cái đẹp mỹ miều như những nàng con gái trong cung vua ở những thời xa xưa cũ. Đến đây người ta cũng có thể liên tưởng đến Huế - đến xứ thần tiên kiêu lệ của Việt Nam ta. Cách xây cung điện cũng như cách tìm huyết đế vương của những vua chúa đời thượng cổ dầu Nhật hay Việt dầu Hàn quốc hay Trung Hoa cũng đều giống hệt nhau. Tuy rằng cách kiến trúc mỗi nước đều có sự khác biệt nhau nhưng phương pháp gần như là những sự lặp lại. Chung quanh những lâu đài cung điện được bao bọc bởi những núi non hiểm trở tượng trưng cho sự trị vì lâu dài và bền bỉ của giòng họ nhà vua. Ngày xưa các vua chúa khi lập cung điện hay đế đô thường hay tìm cách bảo vệ cho ngôi vị của mình hơn là làm theo sự thịnh vượng của quốc gia hay dân tộc. Bởi thế Việt Nam sau triều Nguyễn đã dời về Sài Gòn và Nhật Bản sau khi Minh Trị Thiên Hoàng lên nắm quyền đã dời kinh đô về Tokyo nơi làm ăn buôn bán phồn thịnh hơn những nơi khác. Nơi đây ít có nạn động đất cũng như không có núi đồi trùng điệp như các xứ kia. Một vị vua được gọi là minh quân cũng như 1 vị Tổng Thống được gọi là tài giỏi thường hay nghĩ đến muôn dân trăm họ hơn là hạnh phúc của chính mình. Cũng chính vì lẽ ấy nên sử xanh nghìn đời vẫn còn lưu danh nơi hậu thế. Cũng có nhiều vị danh vọng tuyệt thế trần gian nhưng qua một đời vua đã trôi vào trong quên

lãng của quần chúng vì họ không đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân.

Đức về lại Kyoto và Dững tiếp tục đến Osaka để thăm Lộc.

Trong đoạn văn sau này Dững sẽ đề cập đến Lộc rõ hơn trong đoạn đầu đã có lần Dững đã gặp Lộc trong những tháng ngày mới đến Đông Kinh. Kể từ ngày gặp gỡ đầu tiên ấy Lộc đi về Osaka và Dững vẫn còn ở lại Tokyo. Hôm nay hai người gặp nhau lại với bao nỗi vui mừng nhưng giữa Dững và Lộc bây giờ có nhiều chánh kiến khác nhau, nhưng trong khoảng thời gian trước đó vẫn không có gì chống đối với nhau cả. Lộc ghét chính quyền Nguyễn Văn Thiệu lúc bấy giờ và chính Dững cũng là một trong những người đứng ra chống báng chế độ ấy, nhưng sau này vì Lộc theo gần những sinh viên thân Cộng sản nên hướng đi giữa Dững và Lộc càng ngày lại càng xa nhau đi. Mặc dầu trong Dững không bao giờ mong muốn điều đó.

Dững gặp lại Lộc cũng như gặp lại Thân hay Trinh vậy. Hai người nói cho nhau nghe thật nhiều rồi cãi vả nhau, đôi khi sinh ra chống báng lẫn nhau, nhưng phen nào rồi hai bên cũng giảng hòa với nhau cả. Bạn bè là thế đó. Xa nhau thấy nhớ thương, gần nhau thấy khốn khổ. Tâm trạng này đã dần vật biết bao nhiêu tao nhân mặc khách, mày râu nam tử hay ngay cả hàng nữ lưu trong chốn quần hồng của thiên hạ cũng chẳng chừa ai. Có một dạo nào đó Lộc lên thăm Dững ở Tokyo. Lúc Lộc về, Dững tiễn Lộc ra ga - về lại chùa thấy những cánh hoa anh đào rơi rụng nhiều quá. Vốn người đa cảm, Dững đã cảm hứng viết

mấy vần thơ tặng Lộc, cũng như để nói lên nỗi buồn khi xa vắng bạn bè.

Hai người vẫn nói với nhau về quê hương bạn bè, đồng cỏ, nương khoai, về chuyện học hành, về những người bạn ra đi chiến đấu không ngày trở lại, Hai người thông cảm với nhau thật nhiều nhưng hiểu lầm nhau cũng không là ít. Một cuộc đời khác nhau, hai lý tưởng không giống nhau thì làm sao có thể đi chung được, nên sau mùa xuân năm ấy Dũng và Lộc coi như xa nhau vĩnh viễn. Khi trước thì còn thư từ liên lạc với nhau nhưng sau này thì hầu như im hơi lặng tiếng. Có nhiều lần Lộc về Tokyo để đi họp với các phái đoàn cộng sản nhưng đã chả điện thoại thăm Dũng hoặc đến gặp gỡ như những lần trước nữa. Trước đây Lộc vẫn thường hay làm công chuyện đó nhưng bây giờ lại không, cho hay cái lý tưởng của con người nó quan trọng và có thể cao hơn tất cả những tình yêu thương thân thuộc khác. Nhiều lúc Dũng tự cảm thấy rằng chủ thuyết hay chủ nghĩa đối với con người chỉ có tính cách giai đoạn, còn tình người mới là đáng quý, nhưng đối với con người đã theo chủ nghĩa cộng sản thì không có dễ có thể lay chuyển họ, hay nói đúng hơn họ chỉ có thể thay đổi khi nào họ nhận chân được đâu là sự thật. Mà có lẽ họ đã mù vì tất cả những chủ thuyết đã mang đến cho họ.

Những ngày ở Osaka Dũng cũng đã được Lộc dẫn đi nơi đây nơi đó, nhưng hai người ít ngắm cảnh hơn những nơi khác đã đi qua mà hay vào công viên ngồi tâm sự với nhau, tìm hiểu nhau như những lần trước.

Osaka không có cảnh đẹp như Hagi hoặc Kyoto nên có lẽ vì lý do đó mà Dũng cũng chả muốn đi nhiều hay

nói đúng hơn Dững chỉ muốn nói chuyện thật nhiều với Lộc để có thể đi đến một sự cảm thông nhỏ nhoi nào đó hay nói đúng hơn để gọi lại một vài kỷ niệm trong những năm xa xưa dĩ vãng ấy.

Đi đâu rồi cũng phải lại về. Về lại Tokyo đối với Dững như một việc tất yếu, nhưng sao Dững cảm thấy chán nản quá. Vì Dững không muốn thấy cái ồn ào tấp nập, cái nếp sống vội vàng ở nơi đây. Nên mỗi lần xa Tokyo là Dững không muốn về lại ngay và chỉ muốn thời gian ở ngoài càng lâu chừng nào càng quý chừng ấy.

Năm ấy Dững bắt đầu niên khóa của năm thứ ba với nhiều chuẩn bị và lo lắng. Dững lại phải chuẩn bị cho luận văn sắp sửa viết và phải chọn đề tài gì đây. Sách vở có nhiều, nhưng phải chọn đề tài nào mà xưa nay chưa hoặc ít người viết đến cũng như không quá khó đối với chính Dững.

Năm nay Dững lấy giờ Nhật ngữ của ông Ikeda và Dững cũng đã tiếp tục dịch truyện cổ tập hai theo như lời ông ta đề nghị. Tiếng Nhật đối với Dững lúc này không còn khó nữa, nhưng muốn hành văn hay phải cần nhiều thì giờ để tham cứu, phải đọc thật nhiều sách và phải hiểu nhiều câu chuyện ngụ ngôn của Nhật thì mới có thể dịch hay những truyện cổ Việt Nam được.

Mấy ngày khai giảng của niên khoa mới trôi qua thật nhanh hơn điều Dững dự tưởng. Nhân một hôm vào ngày 30.4.75 năm ấy. Cúc vào thư viện kêu Dững bảo là Sài Gòn đã mất hãy lên sứ quán để xin gia hạn thông hành. Dững như qờ quạng, mặc dầu biết rằng chế độ thối nát Nguyễn Văn Thiệu trước sau gì cũng mất nhưng Dững không tin rằng nó mất sớm như vậy.

Lúc đầu Dũng lưỡng lự không muốn đi vì một chế độ đã mất thì trên nguyên tắc đâu còn giá trị nhiều nữa, nhưng sau rồi cũng lẳng xẳng chạy về chùa để rồi nghe những lời bàn tán và chạy cắm đầu cắm cổ đến sứ quán Việt Nam để xin gia hạn thông hành. Mới về đến ngõ chùa đã nghe tiếng bà vợ Thầy trò trỉ la o ó lạnh lạnh vang ra phía Dũng:

- Sài gòn đã mất. Dương Văn Minh đã đầu hàng.
- Tôi biết điều đó nên bây giờ định đi sứ quán đây.

Dũng vội vàng trả lời thế và chạy ngay vào phòng để lấy giấy tờ, cắm đầu chạy một mạch ra nhà ga, nhảy vọt lên xe lửa để kịp giờ làm việc.

Mới đến trước cổng sứ quán đã gặp mấy ông nhà báo đứng chờ và phóng viên Radio hỏi:

- Ông nghĩ sao về việc chính quyền cũ đã bị mất vào tay Bắc Việt?

- Vì Thiệu thối nát quá nên mất là việc đương nhiên.

- Ông có hy vọng gì về chính quyền mới?

- Chuyện đó còn chờ thời gian sẽ trả lời.

Dũng bước nhanh vào cổng sứ quán thấy cả mấy trăm sinh viên đứng sắp hàng ở đó yên lặng đợi chờ gia hạn thông hành lần chót. Dũng cũng sắp hàng như bao nhiêu người khác dưới cơn mưa tầm tã đầu Xuân...

Sự thất bại của chính quyền Thiệu là lẽ đương nhiên, toà Đại sứ ở đây có làm việc cho sinh viên ở lúc này cũng chỉ là sự níu kéo, lẽ ra Dũng cũng không đi gia hạn thông

hành, nhưng sợ chính quyền Nhật làm khó dễ với mình nên phải đi. Lý do chỉ có thể thôi.

Nhật là một nước bao giờ cũng chỉ biết việc lợi cho riêng mình, còn ai đó thì sống chết mặc ai. Dũng ý thức được việc này và làm chuyện trên giống như một bồn phận...

Sau ngày 30 tháng 4 năm 75 có một số lớn sinh viên bỏ dở dang việc học nộp đơn xin đi Mỹ và Pháp. Số còn lại tương đối nhiều hơn, nhưng có thể chia thành hai hay ba nhóm. Một số theo cộng sản trước nay thì họ hồ hởi ăn mừng "chiến thắng vĩ đại 30.4". Bây giờ họ mới xuất đầu lộ diện chứ lâu nay họ thường ở trong những tổ chức kín và không công khai chút nào nên ít người biết đến. Nhóm khác thì đang học nửa chừng nên không muốn đi nước nào cả nữa. Ở lại Nhật học tiếp tục cho xong chương trình cử nhân hay tiến sĩ, còn nhóm thứ ba thường là có lập trường chống chính quyền Thiệu nhưng cũng không mấy thích cộng sản.

Vào thời điểm năm 1972 tất cả những sinh viên du học tại Nhật lên đến 800 người, nhưng sau 30.4.75 chỉ còn khoảng 400 người ở lại Nhật. Đặc biệt nhất lúc bấy giờ ở Nhật không có bao nhiêu Kiều bào cả. Toàn cõi nước Nhật ở thời điểm bấy giờ đếm được chừng khoảng 30 bà Việt Nam có chồng Nhật hồi đệ nhị thế chiến, nhưng những bà này cũng đã quên tiếng Việt khá nhiều. Sau này thì số đồng bào tỵ nạn cộng sản được các tàu buôn Nhật vớt khá nhiều nên đông hơn lúc trước, nhưng mãi cho đến nay chế độ cư trú hãn tại Nhật cũng đang gặp rất nhiều khó khăn cho người tỵ nạn. Nhìn những hành động này ta có thể cho rằng người Nhật quá bảo thủ và đã

cố tình làm ngơ trước thảm họa cộng sản đối với nhân dân Việt Nam.

Riêng Dũng không có thân nhân chạy ra ngoại quốc nên yên tâm ở lại Nhật tiếp tục học và mùa hè năm ấy Dũng nhận được giấy mời của hội "Thế giới hoà bình đồng nguyện hội" mời đi Nagano ở đỉnh Kirigamine họp bàn về những vấn đề quan trọng đối với tình hình Á Châu. Nghe danh tự thật kêu, nhưng thực chất chả có chi cả. Đại diện người Việt Nam có một số bạn bè khác của Dũng và một số đại diện sinh viên của các nước Á châu khác. Sinh viên Nhật cũng có vài ba người tham dự. Hầu như là những người thích tín ngưỡng hơn là chính trị.

Sau này Dũng tìm hiểu kỹ hội này mới biết rằng vị sư trụ trì của chùa này trước đây đi lính tại Trung Hoa. Trong một trận đánh nào đó ông ta thấy thầy chết nhiều quá và sau khi Nhật bại trận tại Mãn Châu ông nguyện là sau này sẽ lập một cái hội mang tên hai chữ "Hoà bình" để cầu nguyện cho cả hai bên nạn nhân của cuộc chiến. Lý do chỉ có thế thôi.

Có nhiều anh em sinh viên còn trẻ đến từ các nước khác muốn biết khả năng cũng như thực chất của Hội này hoạt động ra sao nên đã nổi trận lôi đình đòi hội nghị phải có những việc làm cụ thể hơn. Nhưng hội nghị cũng đã chả làm được việc gì ngoài khả năng của họ. Họ chỉ biết thương người khác đau khổ nhưng còn quá thụ động.

Chiếc xe bus không lồ mang những người này từ thành phố Đông Kinh ồn ào tấp nập đến tận vùng mây mù sương phủ như lúc bấy giờ nên không có gì thoải mái bằng. Vì mùa hè ở Đông Kinh quá nóng bức có khi lên đến 36 hoặc 37°C. Đến vùng cao nguyên như thế này như

giải được một số vấn đề nan giải của nội tâm đối với ngoại cảnh. Kirigamine nằm trong tỉnh Nagano và cách xa Tokyo chừng 300 cây số về hướng đông nam. Vùng này toàn là đồi và núi. Mùa Đông có tuyết phủ, mùa Hè có sương sa, cảnh trí thật đẹp mắt vô cùng. Kirigamine cũng như Karuizawa mà trước đây Dũng đã có dịp đi với Hương trong những năm còn học Nhật ngữ. Một sinh viên Nhật học Đại Học Tokyo đến gần Dũng và hỏi:

- Các bạn từ đâu đến?
- Chúng tôi từ Tokyo đến.
- Không, tôi muốn hỏi từ nước nào đến cơ.
- À, xin lỗi, chúng tôi đến từ Việt Nam.
- Trông giống người Trung Hoa quá.
- Ấy thế! mà có nhiều người bảo tụi này giống Nhật chứ.

Anh ta cười một cách thú vị và xếp chung vào đội ngũ những người như Dũng, cùng đi bách bộ chung, cùng họp, cùng nói chuyện, cùng hội thảo v.v. Tên anh ta là Umei, cái tên nghe quen thuộc làm sao. Umei được dịch ra tiếng Việt là "Vũ Mai" nghĩa là: "mưa hoa"...; người con trai có khuôn mặt đẹp, ăn nói dễ thương, tính tình hiền hoà, học giỏi lanh lợi. Nhưng điểm đáng chú ý nhất ở anh ta là tin Đạo Phật một cách chân thành tha thiết. Sau này Dũng thường liên lạc với Umei luôn nhưng anh ta bận đi làm việc cho hãng hàng không Japan Air line nên chưa có lần nào gặp lại cũng như chưa có dịp để viết thơ.

Có nhiều người đến thật nhanh, đi thật vội nhưng còn để lại trong tâm Dũng thật nhiều kỷ niệm, cũng có kẻ

ở gần chín, mười năm nhưng không có kỷ niệm nào đáng ghi nhớ cả. Người xưa nói thật đúng.

"Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ

Vô duyên đối diện bất tương phùng"

Nghĩa là: "Kẻ có nhân duyên thì dầu có xa xôi ngàn dặm vẫn thường có thể hay gặp nhau; còn những kẻ không có duyên thì dầu có ngồi đối mặt nhau vẫn xa cách nhau như thường".

Một tuần ở đây sinh hoạt cũng nhiều, học tập, học giáo lý, tụng kinh, ngồi thiền, âm nhạc, hát, múa, thể thao, đi dạo.... chỉ chừng ấy việc cũng đã làm cho Dũng hết một tuần và bắt đầu trở lại Đông Kinh. Mỗi một lần trở lại Đông Kinh là một lần làm cho những khó chịu và cứ mong sao cho ngày trở về được nhanh như thế. Nhưng ở đời cái gì thường hay mong đợi nó không đến như mình mong muốn và cái gì không mong nó vẫn đến đều đặn và nhanh hơn điều người ta dự tính.

Mùa hè năm ấy tuy được đi nghỉ mát hơn một tuần, nhưng lòng bao giờ cũng lo nghĩ cho đề tài luận án cử nhân của chính mình mà phát ngán. Ông Thầy hướng dẫn cho Dũng mang về nhà cả một chồng sách cao đứng ngập cả người, nhưng ông ta còn bảo chừng ấy vẫn chưa đủ, phải ráng sưu tầm nhiều tài liệu khác thêm nữa. Dũng đã chọn đề tài là "sự giáo dục Anh ngữ dưới thời kỳ Minh Trị", đề tài tuy hấp dẫn đối với những người nghiên cứu, nhưng những sinh viên cùng lứa tuổi với Dũng lúc bấy giờ cứ gặp Dũng đâu là le lưỡi hoài, không phải họ chế nhạo Dũng mà họ cho rằng Dũng đã chọn nhầm đề tài khó. Vì những người Nhật trẻ sau này căn bản chữ Hán

của họ rất ít nên sợ là phải. Do đó khi gặp những sách vở xưa có nhiều chữ Hán khó thì họ đâm ra dễ chán nản và ít chọn những đề tài như Dũng đã chọn.

Sau khi đi Đại Hội về, Dũng cầm đầu cầm cổ vào sách vở. Đôi lúc đọc thật nhiều nhưng chẳng hiểu gì cả, vì câu văn xưa và nay khác nhau nhiều quá, những chỗ nào không hiểu Dũng mang hỏi Thầy trò trì và dần dần Dũng cũng quen dần với những quyển sách lâu đời ấy.

Khóa học mùa thu năm ấy cho mãi đến Đông sang Dũng không đi đâu cả. Tất cả đều dồn nỗ lực vào việc đọc sách và viết đại ý những phần đã đọc xong. Ở trường ngoài những giờ học thường Dũng còn phải có 2 giờ học làm luận văn và cách chọn đề tài nữa. Thật ra thì luận văn này gần cuối năm thứ tư mới nộp, nhưng phải lo xa như thế là vừa. Những sinh viên văn khoa như bọn Dũng phải viết ít nhất là 100 tờ giấy luận văn kiểu Nhật, tương đương khoảng hơn 50 tờ đánh máy.

Nhưng đến kỳ nghỉ Xuân năm ấy Dũng được thư của Quân từ miền Bắc Nhật Bản mang đến. Một tỉnh nổi tiếng về đào và táo. Miền này cũng là miền nhiều núi và tuyết phủ suốt Đông-Xuân nên Quân có ý mời Dũng xuống thăm chơi và nhân dịp đó có cơ hội để trượt tuyết và ít nhất là để nói cho nhau nghe về những chuyện đấu tranh những chuyện hoạt động của bà con người Việt tại Tokyo cũng như công chuyện dịch thuật viết văn của Dũng cho Quân nghe, cũng chính từ đó, Quân và Dũng bắt đầu dịch chung quyển Việt Nam danh nhân từ điển ra Nhật ngữ. Sau này Quân giữ vai chánh và Dũng chỉ đóng vai phụ thôi, vì Dũng không có thì giờ nhiều và thấy Quân cũng có khả năng thật nhiều trong công việc dịch thuật

như thế ấy. Cả quyền truyện cổ tập 4 Quân cũng đã dịch xong và hai người đang bàn nhau về chuyện làm chung từ điển Nhật Việt. Đã chia công tác cho nhau nhưng sau đó hai người đã vấp phải một số vấn đề kỹ thuật. Quân ngừng còn Dũng vẫn tiếp tục đều đặn cho đến ngày hôm nay.

Chuyện bạn bè bao giờ cũng có thể có những chuyện hay mà cũng có lắm chuyện dễ gây ra hiểu lầm và giận hờn nhau mà Dũng là một trong những trường hợp đó. Ai cũng tranh phần thắng về mình, nếu không nhường nhịn lẫn nhau là sẽ dễ gây nên đổ vỡ, và cũng chính những sự đổ vỡ này sẽ kéo dài mãi cho đến khi nào một trong hai người biết giảng hoà với nhau. Nhiều người đã biết như vậy và chính Dũng còn biết điều này còn hơn ai hết, nhưng cũng bị vấp phải như thường. Chỉ cần một lời nói êm dịu của người đối diện là có thể hy sinh tất cả để làm việc và chịu nhận những sự lỗi lầm. Nhưng cũng chỉ cần một cử chỉ hách dịch nào đó hay lớn tiếng đối với đối phương là trăm lần không mà vạn lần cũng không thể tham gia đâu bất cứ việc gì. Người Việt Nam ta vẫn thường có một cái hờn, nổi giận mà tự điển Việt Nam còn gọi là "hờn mát". Hờn mát nhưng khó vỡ về lắm, bên ngoài thấy không có gì nhưng bên trong thâm tâm luôn luôn tìm cách không cộng tác với đối phương. Người Việt Nam ta ưa nói nhẹ và mong được khen tặng nhiều hơn là chê bai. Nên mỗi khi nói đúng tâm lý hoặc làm đúng ý của đối phương thì cái gì cũng được cả. Do đó cho nên tục ngữ Việt Nam ta mới có câu là:

"thương nhau nước đục cũng trong

ghét nhau nước chảy giữa giòng cũng dơ"

Văn chương Việt Nam rất thâm thúy và thuần túy với dân tộc tính của người Việt. Khi thương nhau thì cái gì cũng hay, cũng đẹp cũng quý và đều ưng ý thuận chiều cả. Nhưng khi đã phật lòng nhau thì dầu việc ấy là việc chính nghĩa đi nữa cũng chỉ còn là món hàng không giá trị, vì đã không thích nhau rồi thì có đem cho cũng không muốn nhận nữa, đừng nói gì đến chuyện bán mua. Nên ta cũng còn thấy thêm câu:

"Yêu nhau yêu cả đường đi

Ghét nhau ghét cả tông ti họ hàng".

Khi mến nhau, thương nhau thì dầu cho con đường đi vào ngõ hẻm đầy bùn nhơ, nước đọng, người ta cũng có thể nhớ thương một cách trọn vẹn, nhưng đến khi ghét nhau rồi thì không những chỉ người đối diện không thôi mà ngay cả bà con họ hàng bên cha cả bên mẹ cũng đều bị ghét lây nữa. Người Việt Nam có nhiều cái cũng thật tốt, nhưng cũng có lắm điều nhỏ mọn và hằn học, nếu đem so với thế giới chắc cũng chả có dân tộc nào bằng.

Ai đã là người Việt Nam chắc ít tránh khỏi được những lỗi lầm đó, có lẽ đó là một bệnh nhiễm truyền tâm lý. Dững và Quân cũng nằm trong trường hợp ấy, chống báng lẫn nhau sinh ra bất mãn rồi đi đến chỗ bất cộng tác, đầu tiên là ngấm ngấm, sau đó dứt khoát luôn. Dững không biết lỗi không phải ở tại một người mà cả hai đều có trách nhiệm chung trong việc ấy. Đã biết bao nhiêu lần cố công gây dựng lại nhưng hầu như hoàn toàn vô ích và mãi cho đến ngày nay vấn đề dịch thuật chung giữa Dững và Quân hoàn toàn ngưng trệ. Trong khi đó Dững vẫn tiếp tục nhưng cảm thấy hơi buồn như bao sự mất mát của tuổi thanh xuân. Mãi đến khi Dững rời khỏi Tokyo Quân có

ghé lại thăm trong chốc lát để rồi xa nhau vĩnh viễn như không có ngày trở lại nữa.

Dũng từ già Quân để trở lại Đông Kinh để bắt đầu cho niên học cuối cùng của cấp bậc cử nhân. Được biết mình bận rộn nhiều cho bài vở và luận án, nhưng sao vẫn cứ thông thả làm việc như chưa có chuyện gì có thể xảy ra sắp tới cho mình. Có nhiều người bạn của Dũng như Yamada và Ioda vẫn thăm hỏi Dũng thường xuyên về chuyện luận văn tốt nghiệp của Dũng. Dũng ra vẻ bình tĩnh và hay trả lời như những gì cố hữu ở Dũng rằng: Sách đã đọc hết phân nữa, và bắt đầu sẽ viết vào trong nửa năm tới. Hai người bạn thân của Dũng mỉm cười rồi ai cũng lo cho phần của mình cả.

Năm nay Dũng còn hai giờ Nhật ngữ phải lấy nốt cho xong. Dũng khệ nệ đến văn phòng trường và tìm ghi tên học Nhật ngữ. Tất cả giờ Nhật ngữ cho sinh viên ngoại quốc chỉ có 3 ông Thầy dạy. Hai ông kia Dũng đã học rồi, còn ông này Dũng chán quá không muốn học, nhưng tránh vô dưa vẫn cứ bị gặp "vô dưa" nên cuối cùng Dũng đã phải chọn giờ của ông Thầy mà Dũng không ưa thích mấy. Ông này tên là Kobayashi, người có nước da ngăm ngăm đen, có thân hình to tướng khó coi và đặc biệt là ít khi nào thấy ông ta cười cả. Suốt một năm học của Dũng họa hoằn lắm mới thấy ông cười một lần. Giờ Nhật ngữ năm này Dũng muốn tiếp tục dịch sách, nhưng ông ta không muốn Dũng làm như thế và buộc Dũng phải đọc truyện ngụ ngôn của Nhật trong giờ ông ta dạy và viết đại ý của câu truyện. Những môn khác như tâm lý học, xã hội học, thống kê học, giáo dục học đường, giáo dục thành niên, giáo dục nhi đồng v.v. đối với Dũng không có gì khó khăn cả. Vì những môn này có nhiều người học, cái

gì không hiểu thì hỏi bạn bè, còn giờ Nhật ngữ này thì chỉ có một Thầy một trò nên lúc Dũng cựa mình là có thể hiểu ngay rồi đừng nói gì đến chuyện lơ đễnh trong giờ học. Mặc dầu trường này cũng có khá nhiều sinh viên ngoại quốc, nhưng cuối cùng chả có ai đến học cả. Họ quan niệm rằng không lấy môn Nhật ngữ thì lấy môn Pháp hoặc Đức ngữ để trừ bù cũng chẳng có sao.

Hết tháng tư, tháng năm rồi tháng sáu, đầu tháng bảy là chuẩn bị nghỉ hè. Năm nay Dũng nhất quyết là không đi đâu hết nhưng vào khoảng trung tuần tháng bảy có thư từ Giàng ở Hokkaido gửi về bảo là hãy lên thăm chơi và có việc.

Hokkaido là một hòn đảo lớn thứ nhì sau Honshu và nằm về phía Bắc Nhật Bản. Đảo này đất rất tốt, nhưng tương đối lạnh hơn những nơi miền Trung hoặc Nam nước Nhật. Trên đảo này còn một số dân da trắng, người to lớn, có râu quách thướt và thường hay ở trên núi cao như người Mèo tại Việt Nam ta ngoài Bắc, dân tộc này người Nhật gọi là dân tộc thiểu số Ainu. Nhưng xem kỹ lịch sử Nhật Bản thì thấy rằng: trước đây dân tộc đó sống khắp hòn đảo này và đây là tàn tích của những người da trắng vùng lục địa Sô Viết tràn xuống, nhưng đến thế kỷ thứ mười tám người Nhật bắt đầu tiến lên phía Bắc và đuổi dần dân tộc này đến tận trên núi hẻm rừng hoang. Bằng chứng là có ai đã một lần đặt chân đến Hokkaido rồi đều thấy rằng những địa danh đều là những tên xa lạ đối với vùng Honshu. Đó là tiếng của người Ainu đặt và người địa phương vẫn quen gọi cho đến bây giờ. Do đó ta có thể kết luận rằng người Nhật đã có lần xâm chiếm xứ này.

Ở Tokyo hay nói đúng hơn từ miền Trung Nhật Bản trở xuống Nam chưa bao giờ Dũng thấy được một cánh đồng không ranh giới như nơi đây. Đến đây mới thấy cái bao la của vũ trụ và đất trời thuộc về vùng đất phía Bắc Nhật Bản. Không khí nơi đây thật trong lành trong cái bao la của sông núi và cái mát mẻ của thiên nhiên. Cứ cách 2 hay 3 cây số mới có một nóc nhà. Hỏi ra thì mới biết vì nơi đây quá lạnh về mùa Đông nên ít có người nào thích ở đây và miền này cũng không phải là vùng sống về kỹ nghệ nên đa số là dân làm biển cũng như sống về nghề nông tương đối nhiều. Chỉ có Sapporo, một thành phố trung tâm của đảo này mới có một vài nhà máy kỹ nghệ nặng.

Dũng lên đó vào mùa hạ nhưng phải mặc áo ấm. Ở lại chùa Tiên Hải tự - cảnh đẹp vô cùng, trên có núi, dưới có biển, nên người xưa đã cảm được cái vẻ đẹp của thiên nhiên ấy nên mới đặt là Tiên Hải Tự (Senkaiji).

Dũng đã ở Nhật nhiều năm và cũng đã đi nhiều nơi, hầu hết Trung Nam Bắc Nhật Bản đều có mặt Dũng lui tới, phải công nhận rằng phong cảnh của Nhật thật đẹp mà đẹp nhất có lẽ là mùa Xuân lúc có hoa anh đào nở và mùa Thu có lá vàng rơi.... Người Nhật vẫn thường hay ví mùa Thu là mùa tượng trưng cho tâm hồn của người đàn bà. Câu nói này có thể chia ra làm hai ý nghĩa, nghĩa thứ nhất vì mùa Thu đẹp nên ví người đàn bà cũng đẹp như thế, nghĩa thứ hai nhằm chế giễu sự thay đổi mau chóng của người đàn bà như lá rụng mùa Thu... Nhưng nghĩa nào thì Thu vẫn là Thu mà Đông vẫn là Đông, không hai mà cũng không một.

Dũng trở lại Tokyo để lo nhập học trở lại và cuối năm ấy Dũng đã trình xong luận án, Dũng đã thi đỗ cử nhân và thi vào cao học cũng đậu luôn. Lẽ ra mùa xuân năm ấy Dũng muốn đi thăm một số bạn bè gần xa trước khi có ý định rời khỏi Nhật, nhưng rồi Dũng cứ chần chờ mãi và cho đến ngày ra đi Dũng vẫn còn dấu diếm với nhiều người. Dũng sợ họ không muốn mình rời khỏi Nhật và ảnh hưởng niềm tin nơi tập thể sẽ bị giảm đi khi ý chí đấu tranh của đa số đồng bào và sinh viên ta tại Nhật ngày càng phát triển mạnh.

Bao nhiêu năm ở Nhật, cả chuyện học hành đấu tranh hoạt động.... Dũng đã viết thật đầy đủ và như những phần chính Dũng đã nêu ra cả. Thứ nhất không phải vì khoe khoang với những độc giả hôm nay, nhưng Dũng mong các bạn biết và sẽ hiểu được một người, mà người đó nay đang ở gần các bạn trong lý tưởng đấu tranh chung cho Quốc gia, Dân tộc và Đạo Pháp.

Thứ hai là nhằm giới thiệu một số địa danh cũng như phong cảnh của Nhật để quý bạn có thể hiểu biết thêm và điều cuối cùng đây vẫn là tập hồi ký không hơn không kém, mong các bạn đọc và bỏ qua những chỗ nói về cá nhân của nhân vật Dũng hơi nhiều.

Dũng tạm ngưng tiểu truyện này nơi đây và hẹn gặp lại các bạn trong những tiểu truyện kế tiếp.....

Viết xong ngày 7 tháng 11 năm 1978

Lời Cuối Sách

Hôm nay tập sách này được đến tay quý độc giả là nhờ sự lưu tâm và nhiều sự khuyến khích của bè bạn khắp nơi, nên người viết những tiểu truyện trên rất vô cùng sung sướng và hy vọng sẽ nhận được những sự phê bình cũng như những đóng góp xây dựng trên mọi phương diện về hình thức quyển sách cũng như nội dung cốt truyện để mai này nếu có xuất bản những tập sách kế tiếp tác giả sẽ tránh khỏi được những lỗi lầm có thể xảy ra.

Đặc biệt nhất trong lần xuất bản này Đại Đức Thích Minh Tâm trụ trì chùa Khánh Anh đã hoan hỷ chịu mọi sở phí trong lúc xuất bản và một lần nữa tác giả xin cảm ơn tấm thành tình mà Đại Đức đã dành cho tác giả. Ngoài ra tác giả cũng xin thành thật cảm ơn một số quý anh chị em trong gia đình Phật Tử Quảng Đức đã hăng hái giúp đỡ từ chuyện đánh máy, làm bản kẽm cho đến việc sắp xếp để đóng thành sách. Công đức ấy thật vô lượng vô biên. Tác giả xin thành thật cảm ơn tất cả quý anh chị em đã hăng lưu tâm đến tập sách nhỏ này của Tác giả.

Đó cũng là một khích lệ rất lớn lao cho công trình dịch thuật cũng như biên khảo của Tác giả. Hy vọng

trong tương lai tác giả sẽ cố gắng hoàn thành nhiều công trình biên soạn khảo cứu hoàn mỹ hơn.

Tuy nhiên quyển sách này cũng không sao tránh khỏi những lỗi lầm hoặc vô tình hoặc sơ ý. Mong tất cả quý độc giả hiểu và thông cảm cho.

Tác giả: Thích Như Điền

Tháng 11 năm 1978